

NGUYỄN DU

Phạm Kim Chi
chủ thích



VĂN HOÀ TÙNG THƯ SỐ 48

KIM TUÝ TÌNH TỬ

Đúng y theo nguyên bản do PHẠM-KIM-CHI phiên chú,
Nguyễn-Thành-Điểm xuất bản tại Saigon năm 1917

NHA VĂN HOÀ

PHỦ QUỐC VỤ KHANH ĐẶC TRÁCH VĂN HOÀ
tái bản 1972

VĂN HÓA TÙNG THƯ SỐ 48

KIM - TUÝ - TÌNH - TỬ

Tác - giả : NGUYỄN - DU

Đúng y theo nguyên bản do
PHẠM - KIM - CHI phiên chú,
Nguyễn-Thành-Điểm xuất bản
tại Saigon năm 1917.

NHA VĂN-HÓA
PHÙ QUỐC-VỤ-KHANH ĐẶC-TRÁCH VĂN-HÓA
TẠI BẢN
1972

Lời nói đầu

Theo đuổi chủ-trương « về nguồn » của Chính-Phủ, với mục-đích tìm tòi phát huy những giá-trị tinh thần đạo đức, nghệ thuật đã làm rạng rỡ nền văn-hóa dân-tộc, cách đây ba năm Phủ Quốc-Vụ-Khanh Đặc Trách Văn Hóa đã được Bác-sĩ Phạm-Kim-Lương, thư-tử của dịch-giả tặng một phóng ảnh quyền Kim-Túy-Tình-Tử của Nguyễn-Du do Phạm-Kim-Chi phiên dịch, in tại Saigon năm 1917. Trong lời báo dẫn, dịch-giả cho biết « có ra ở ba năm tại Hà-Tĩnh, là quê quán của ông Nguyễn-Du Đức Hậu. May gặp dịp làm quen với cháu nhà ông ấy, là ông Tấn-sĩ Mai, mượn được bản chánh Kim-Túy-Tình-Tử có chú dẫn diễn tích rõ ràng ».

Với nguồn gốc vững chắc, bản gia truyền này rất hiếm. Nay Phủ Văn-Hóa đứng ra tái bản bộ sách này đúng ý theo nguyên bản, nhằm mục-đích giúp tài-liệu khảo-cứu về truyện Kiều và làm giàu thêm kho tàng văn-hóa nước nhà.

PHỦ QUỐC-VỤ-KHANH

ĐẶC-TRÁCH VĂN-HÓA

In lần thứ nhất

Giá: 1 \$ 20

阮 攸

NGUYỄN-DU

金 翹 情 詞

KIM-TUỶ-TÌNH-TỪ

TEXTE ET NOTES

AVEC LES DOCUMENTS ORIGINAUX, AVEC UNE BIOGRAPHIE DE L'AUTEUR

Transcrits en Quốc ngữ

par

范 金 枝

PHAM-KIM-CHI

ÉDITÉ PAR

阮 成 點

NGUYỄN-THÀNH-ĐIỂM

Préface de M. PHẠM-VĂN-TUỒI, Đốc-phủ-sứ
Tổng-Đốc honoraire de la Cour d'Annam

Epître de M. NGUYỄN-MAI "Tân-si"



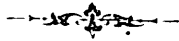
SAIGON
IMPRIMERIE HUYNH-KIM-DANH

1917

Tous droits réservés



Người in sách này giữ cái bản không ai được in lại



AVANT-PROPOS

L'ouvrage que nous sommes heureux de présenter aujourd'hui au public n'est pas nouveau. C'est le fameux poème si populaire "KIM-VAN-KIEU" par NGUYEN-DU, poème plus vulgairement connu en ce pays de Cochinchine, sous le titre de "TRUYEN-TUY-KIEU" (Histoire de TUY-KIEU). Aussi le lecteur comprendra-t-il que ce n'est pas pour faire l'éloge de cette œuvre qui, certes n'en a plus besoin, que nous écrivons ces lignes. Nous voudrions tout simplement attirer son attention sur la valeur bibliographique de cette nouvelle édition et sur l'intérêt que celle-ci pourrait offrir aux lettrés annamites.

En effet, depuis l'apparition du "KIM-VAN-KIEU", c'est à-dire depuis plus d'un siècle, l'accord est loin d'être fait sur l'interprétation d'un grand nombre d'expressions et d'allusions d'origine chinoise employées par l'auteur, malgré de remarquables travaux exécutés par nos plus grands lettrés. Aussi bien, si ce poème est justement populaire, ce qui semble d'abord paradoxal (mais le peuple sent plus la vraie poésie qu'il ne cherche à l'analyser, à l'approfondir), il n'en reste pas moins une œuvre trop érudite en son genre, d'un art trop enveloppé, trop voilé dans certaines de ses parties où le respect des lecteurs a rendu ces artifices nécessaires, trop "difficile" en un mot, pour être comprise sans une haute culture littéraire.

Le texte du livre de NGUYEN-DU a soulevé d'ininterminables controverses et présente, suivant chaque commentateur et chaque pays (Tonkin, Annam, Cochinchine) de nombreuses variantes plus ou moins bien agencées, de sorte que le lecteur ne sait plus s'il a en main un texte dénaturé par quelque lettré jaloux de créer à son tour.

Tous ces inconvénients disparaissent aujourd'hui grâce à la publication du vrai "KIM-VAN-KIEU", et l'on doit être reconnaissant à M. PHAM-KIM-CHI, de nous avoir donné cette satisfaction.

M. PHAM-KIM-CHI, qui est un de nos bons Secrétaires du Service Local, actuellement à Vinh-Long, a eu l'heureuse fortune alors qu'il était interprète en Annam, de faire la connaissance d'un des descendants du célèbre poète, M. NGUYEN-MAI, Tin-Si (Docteur ès-lettres) et homme fort distingué. Grâce à ses relations avec ce dernier, il a pu obtenir une copie en Chu-Nôm du poème "KIM-VAN-KIEU" intitulé par l'auteur "KIM-TUY-TINH-TU", titre qu'on peut traduire par "Histoire d'amour de KIM et des TUY" (mais on voit que ce titre non plus n'a pas été respecté, pourquoi ???) sur un manuscrit original conservé dans les archives de la famille. Ce ma-

manuscrit est accompagné de notes que pendant ses loisirs, l'auteur s'était amusé à écrire pour l'intelligence de son immortel poème.

Ce sont ce texte et ces notes transcrits en Quôc-Ngu que M. PHAM-KIM-CHI, public avec une lettre ou plutôt une épître liminaire de M. NGUYEN-MAI, autorisant cette publication.

Signalons en dernier lieu, une biographie complète et très détaillée de NGUYEN-DU, extraite des mêmes archives, biographie qui est une véritable nouveauté en librairie et qui donnera plus de valeur encore à cette édition.

Par une sorte de fausse modestie qui cache mal quelquefois un orgueil démesuré, nos anciens écrivains avaient l'habitude de publier leurs ouvrages sans nom d'auteur. Par habitude aussi, ceux qui étudient ou commentent leurs œuvres, s'ils consentent parfois, quand ils le peuvent, à nous révéler ces noms, ne veulent au contraire rien dire sur ce qui touche de près ou de loin, à la vie de ces mêmes personnages, si bien que le grand public ignore complètement à qui il doit tel ou tel livre qu'il aime et se désintéresse totalement de nos gloires littéraires nationales. Ainsi tel qui vous récitera par cœur de longs chapitres du "KIM-TUY-TINH-TU" ne sera pas capable de vous dire le nom de l'auteur. M. PHAM-KIM-CHI, en publiant la biographie de NGUYEN-DU, ne rend pas seulement un grand service à l'histoire de la littérature annamite, mais encore accomplit une œuvre de justice envers un poète génial, trop longtemps oublié, en rendant son nom à la légitime admiration populaire.

Son travail est donc précieux à plus d'un titre et nous sommes certain qu'il intéressera les gens de lettres comme les gens du monde, ainsi que toutes personnes aimant encore la poésie et le pur langage annamite.

Il nous reste à souhaiter au lecteur qu'il trouve autant de plaisir à le lire que M. PHAM-KIM-CHI, en eut à le mener à bien.

Vinh-Long, le 1^{er} Novembre 1915.

A. PHAM-VĂN-TUOI

Ancien Secrétaire Particulier de

M. PAUL DOUMER

ĐỐC-PHỤ-SÚ

Chevalier de la Légion d'Honneur
et Officier de l'Instruction Publique.

LỜI BÁO DẪN

Truyện KIM-VÂN-KIẾU, lâu nay in ra cũng nhiều bản rồi, Nam-ký, Bắc-ký đều có ; duy tại Trung-ký chưa in bản quốc-ngữ nào hết.

Tôi nhưn vì việc quan, có ra ở ba năm tại Hà-tĩnh, là quê quán của ông Nguyễn-Du Đức-hầu. May gặp dịp được làm quen với cháu nhà ông ấy, là ông Tân-sĩ Mai, mượn đọc bốn chánh "*Kim-Tây-Tinh-Tử*" có chú dẫn điển-tích rõ ràng.

Tôi thấy chắc gộc như vậy, nên xin phép ông Nguyễn-Mai dịch lại, in ra cho tài-nhơn tao-khách xem chung, ngõ biết ý nhiệm-mầu, lời tao-nhã và khuôn-linh sập đặt cho người đời. ít ai tròn qua trời dặng.

Ông Nguyễn-Mai bằng lòng, nên cho tôi một bài tựa có in ra sau đó.

May lại gặp ông Huỳnh-thúc-Mậu ra sức điển-dịch giúp các bài chữ nho trong truyện ấy, không dám bỏ sót câu nào. Và cũng nhờ có M. Nguyễn-thành-Điểm ra công tìm kiếm trong Tự-diễn Génibrel với tôi dặng viết cho trùng chữ quốc-ngữ.

Xin chư vị cao-minh vui lòng xem chơi, dẫu thầy sai-suyển chỗ nào, rộng lòng sông biển.

PHẠM-KIM-CHI,

振之傳載索金蘭之語 饌以遙遙花胃碌碌詞章雅懷輔
口錦心居然樹後進之赤幟自揣枯腸儉腹未克襲先
人之清芬惟有家稿辰披如逢山寶國音日誦欲溯河源
喜今舊振重鐫傳世之文章增價到處新聲遍誦在人
韻事添花深有感達人好善之心洵不負先代立言之
意謹書拙語用質大方

皇朝維新九年孟春月穀旦 賜甲辰科進士 派孫龍溪
友雪阮氏梅 監壽

聖皇

周詢幾許流傳一般理會王觀金仲二翠事蹟人口成碑
 聖嘆青心才人列編史心可鏡參斯北本演以南音古人
 之斃曲佳詞備陳役饌本國之方言諺語兼採芻蕘詞麗
 以葩韻回而響蹟俚而點粧入雅情癡而鎔鑄成工叙其
 人則畫中有畫而苦揭精神記其事則過處無縫而難尋
 段落使才子佳人之際遇認來旋轉自天而義夫孝婦之
 襟期看得報酬有地讀之可安分遇靜觀物色于風塵玩
 之可養仁誠閑杜俗情于雪月蓋繼韓詮士固諸佳作而
 句腰用韻體裁特出史經擬潘陳花箋列名編而筆下有
 神靈妙可參卜筮欽奉
 閱獎經蒙賢達批評翰客詞人津津樂道村童閨女嘖嘖
 爭談豈僅聚三牌正泰茶風流競賞特與南中吟北行咏
 筆墨留香可憐選料完深臆解味天然之趣絕恨留編錯
 誤竄改成後起之緣琴本存而雅響仍鏗酒籥罷而眞香
 尚郁會心自在得意難忘 貴座判事范賢台用世長
 才談文雅性亞雨歐風盛會文明快觀新潮鴻雲魚月前
 遊冠冕穆思舊閱謂昔人之有作期善本之不差欲公石

金翠情詞新集序

恭聞君子之立言不朽機杼成自一家吾人之好善無窮
 金石刻于五內蓋言足文文足志無數於人宜美則愛愛
 則傳有辭永世本譜前已卯科儒生奉直大夫正治卿
 欽差北國貢使禮部右參知政事德侯阮清軒先生皇黎
 辛亥科黃甲大司徒春郡公晉封春伯公毅軒先生之子
 封贈禮部尙書太保加封太宰潤郡公嶺南先生之孫
 癸丑科進士仙嶺侯介軒先生正子科鄒解藍溪侯
 雅軒先生之侄庚辰科進士太保續邵公述軒先生
 鄉解特進輔國上將軍鉤岳侯迪軒先生鄉解特進光
 祿上大夫兩充北國歲貢正使宜城侯桂軒先生之弟
 工部詹事朔岳侯海陽鎮參協儻德侯之兄也嗣蓋門風
 鴻藍地望蘊藏自富諸子百家閱歷更深九州四海歛英
 葩而就實忘勢骸而集虛值故黎蠅務經餘爲獵戶爲釣
 徒負豪邁不羈之氣入
 國朝龍興伊始而郡符而朝笏據經綸有用之才方白雉卑
 上國之交肆皇葩奉使臣之命既闕庭而專對爰原濕以

Bài tựa (của ông Tàn-sĩ NGUYỄN-MAI)

nói về truyện "Kim-Tỳ-Tinh-Tử"

Kính nghe rằng : Đứng quân-tử lập lời chẳng mục, đường không-khổ dặt kiêu riêng một nhà ; bọn người ta ham tốt không cùng, sánh vàng đá khác dấu vào năm tạc. Vốn là lời đủ chữ, chữ đủ chỉ, người nghe không nhầm ; vậy nên : tốt thì mến, mến thì truyền, đời khen chẳng dứt.

Ông tôi đây là kẻ nho sanh khoa kỹ-mão trước, vưng sắt phong làm chức Đại-phu-chánh-trị-khanh, rồi Khâm-sai công sứ nước Tàu. Đến chừng về lên chức Lễ-bộ Hữu tham tri tước Du-đức-hầu, hiệu Nguyễn thanh-Hiến Tiên-sanh. — Ngài vốn thiệt :

Con ông Nghị-Hiến Tiên-sanh, thuở triều Hậu-Lê thi đậu Hoàng-giáp khoa Tân-hợi, làm chức Đại-tử-dồ, tước là Xuân-quận-công, sau lại tiến phong là tước Xuân-nhạc-công ;

Cháu ông Lãnh-Nam Tiên-sanh, thuở triều Hậu-Lê phong tằng chức Lễ-bộ Thượng-thư Thái-bảo, lại gia phong chức Thái-lễ, tước Nhuận-quận-công ;

Cháu chú bác ruột của ông Giải-Hiến Tiên-sanh, thi đậu Tấn-sĩ khoa Qui-sử, tước Tiên-lãnh-hầu và cháu chú bác ruột của ông Nhà-Hiến Tiên-sanh, thi đậu Giải-nguơn khoa Nhâm-ti, tước Lâm-khê-hầu ;

Em ông Thuật-Hiến Tiên-sanh, thi đậu Tấn-sĩ, khoa Canh-thình, chức Thái-bảo, tước Toãn-quận-công và em ông Địch-Hiến Tiên-sanh, thi đậu Giải-nguơn khoa Hương, vua phong chức Đặt-tấn phụ-quốc Thượng-trưởng-quản, tước Điền-nhạc-hầu ;

Cùng là em ông Quế-Hiến Tiên-sanh, thi đậu Giải-Nguơn khoa Hương, vua phong chức Đặt-Tấn quan-lộc Thượng-dại-phu, hai lần sung chức Chánh-sứ đi công sứ bên Tàu, tước Nghi-thành-Hầu ;

Anh quan Công-bộ Thiềm-sự, Sóc-nhạc-Hầu và anh ông Tham-Hiệp tểnh Hải-Dương, Thoãn-đức-hầu.

Oai phương nhà tạo-cái từ-xa, danh vọng cõi Lam-hà Hồng-Lâm. (1)

Văn học chưa biết bao sách vở, những là chữ từ bá giu ; lý lịch xem trải khắp non sông, cũ thấy chữ châu từ hải.

(1) Hồng-Lam là núi Hồng sông Lam, ở tỉnh Nghệ-An và Hà-tĩnh.

Góp bông thơm mà kết ra nên trái, thị thế hừng cũng dường thế như tro. Gặp đời Lê ông dạy bốn phương, đã làm người lập-hộ điều-đồ, hào khí lẫy lừng ai cấm dặng ; qua triều Nguyễn rộng bảy năm về, mới chịu chức Quận-hầu triều hoạn, kinh luân bày bùa chúng nhờ nhiều.

Đương khi trị trắng (1) kết bang giao, trải lúc bông điều (2) vung sự mạng ; vào bệ-khuyết trở tài chuyên-đối, đạo lu-điền ngụ ý châu-tuần. Sự tích xưa lắm lúc lưu truyền, tài sắc nọ thấy đều tra rõ. Chuyên KIM-TRONG, VƯƠNG-QUAN với hai nàng TÚY, miệng người thuật lại đã thánh bia ; tích Thành-Tâm, Thành thàng những mấy người tài, sách sử rõ biên đường mặt kiến.

Sánh so nơi hồn Bắc, diễn dịch lại tiếng Nam, về hay bài khéo của cô-nhơn. đủ bài chủ gọi ; tiếng tục lời quê nơi hồn-quốc, gồm góp cô rau ; đặt ra lịch sự, tốt như bông, ép lại xuôi vắn, rang tợ mỡ. Tích quê-kịch mà diêm trang lời tao-nhã ; tình mê-mang mà đức đặt tiếng khôn ngoan, nhất tích người như trong sách có hình, tình thần rực rỡ ; ghi mỗi việc đến chỗ qua không khớp, khoản đoạn liền trơn. Khiến cơ duyên tài tử giai ơn, nhận xét lại bởi tại trời dạy trở ; mà bụng dạ nghĩa phu hiểu phụ, xem kỹ rồi đều có chỗ đáp đưa.

Đọc truyện này phận mạng cũng yên, dường thấy dan hình nơi gió bụi ; xem kiểu ấy chọn thân khá dường, dùng ngãng tình-dục lúc trang hoa.

Tượng truyện này là : Nói Hàn-Thuyên, Sĩ-Cổ các bài hay, mà dùng vận giữa câu, kiểu cách thua gì kinh sử ; sánh Phan-Trần, Hoa-tiên, là thơ giỏi, mà có thần ngòi viết, nhiệm mẫu tỷ với bói xám.

Kính vung lời Thánh chưa phân khen, trải nhờ dùng hiền tài phê luận. Những là kẻ tử nhơn hạn-khách, vui lòng ngâm ngợi tiếng ran ran ; cho đến người khuê-nữ thôn-dồng, giùm miệng luận bàn rạn rạn ; Há những sánh bài tổ tằm, trà chánh-thái, đua nhau thưởng cách phong lưu ; hẳn dăm đua thơ Nam-trung, vịnh Bắc-hành, chen chút mũi thơm bút mặt. Khá thương thay ! cách đặt đề ý sâu và rộng, kẻ bụng lờng, giải mất thú thiên-nhiên ; cam hôn bầy ! sách chép biên chữ quấy lại lắm, người tay chữa, gây nên duyên hậu khởi.

(1) Trị-trắng là bạch-trử, đời xưa đi sứ cầm.

(2) Hoang-ba là tợ hoàng-ba (chữ kinh-thi) nói chuyện đi sứ.

Nhưng rứa mà : Bản đờn còn thì tiếng tốt cũng thanh thao, tiệc rượu mần chớ hơi thơm còn nao nức. Lòng rõ dặng, mũi hay bèn ở đó, ý vui rồi, thù lịch dễ quên đầu.

Nay ông Phạm hiền thái là chức Phán sự qui tòa, tài giỏi dùng đời, tính hay ưa chữ ; con thanh-hội gió ào mưa á, lối văn-minh vui ngộ cuộc Tân-Triều. Lốp tiền du trang cá mây hồng, tài quan miện , chạnh nhớ dòng cụ phiệt. Tương người trước làm ra chẳng dễ, quyết bền hay chạm lại đừng sai ; muốn in bản đá, đề truyền đời, cậy tiếng bạn vàng, giùm nhắc tích.

Tôi nay là dòng hoa vợi vợi, lời kịch sở sở : Nhưng tánh ham lòng gấm miệng thêu, đứng sượng đứng cờ điều hậu tấn ; nghĩ mình xét bụng non dạ nót, thừa ưa noi dấu biết tiên hơn.

Duy có : Bồn-gia-truyền, lúc rành dỡ xem, dường như bầu núi ; truyện quốc-ngữ, ngày thường đem đọc, muốn thấu nguồn sông.

Mừng ngày nay bản cũ chạm lại rồi, chữ nghĩa đề đời thêm nặng giá ; dấu xứ khác kiêu thơm truyền dặng khắp. bia bài nơi chúng vì dường hoa. — Rất cảm ơn nhà ông có bụng tham lành, thiệt chẳng phụ lớp trước dùng ý hay đặt truyện.

Kính biên lời vụng đứng đến nhà to.

Thuở triều vua Duy-Tàn, năm thứ 9 tháng giêng (mạnh xuân) ngày lành.

Đội ơn vua ban cho, chức Tấn-sĩ khoa Giáp-thìn, cháu dòng họ : NGUYỄN tên : MÀI, hiệu Long-Khê-hữu-tuyệt, kính làm bài từ tán tập.

HUỲNH-THỨC-MẬU phụng dịch.

(4) Bệ-khuyết là đình-khuyết, chỗ sân vua.

(5) Lu-diêm là chỗ dân ở.

以北行詩集及翠翹傳行世初以家世相黎遭西山亂、僻居游獵鴻山九拾九峰足迹幾遍迨被徵命不得辭乃出居官嘗抄誦於有司慰慰不得志及病劇不肯服藥使家人啓于足曰既冷矣曰好好言訖而卒無一語及身後事沒後聖祖御覽其題淮陰祠有推食解衣難倍德藏弓烹狗亦甘心之句每深嘉之謂侍臣曰北人如阮某尙在吾當以協辦處之當辰人輓睡有云一代才葩爲使爲卿生不黍百年事業在家在國死猶榮蓋紀實也公有弟二儻朔俱以才藝顯儻字諧楷正以善書名官至工部侍郎平順協鎮鎮爵儻德候朔有巧思官工部僉事歷監督武庫爵朔岳候嘉隆明命年間兄弟皆貴顯鴻山世譜驩郡名家北朝紳宦帖贈豈僅顯于故黎云

阮侯列傳

公諱攸字素如子號鴻山獵戶又號南海釣徒故黎朝嶺南先生贈太宰潤邵公之孫毅軒先生官參從大司徒春郡公之子述軒先生官參從封太保繼郡公之弟也景興癸卯入泮以相家子有文才負節義不肯僞爲丙午亂後謀復黎氏爲鎮將所拘幸得免嘉隆初授常信知府尋以病辭五年徵授東閣學士八年出爲廣平該簿治民有政績拾二年陞勤政殿學士充如清歲貢政使及還陞禮部右參知明命元年復有使命未行尋卒奉

賜白金式十兩宋錦式枝表還加賜錢三百緡公爲人內自負而外謹愿每進見揣揣若不能言者嘗奉

諭云國家用人惟賢是與初無南北之異卿與吳位旣蒙知遇官至亞卿當知無不言以效其職豈可遠巡畏縮徒事唯諾爲哉公博學能文尤長於詩安南五絕之號與姪子敬居其二焉至於琴棋詩畫無不精妙善武藝通兵法而未嘗試用自清使還

Sự tích ông Nguyễn-Hầu

Ông Nguyễn-Hầu, húy tên là Du, tự là Tố-như-Tử, hiệu là Hồng-sơn-lạp-Hộ, lại có một hiệu khác nữa là Nam-bãi-diều-Dồ, nguyên là cháu nội của ông Lãnh-Nam Tiên-sanh, thuở triều Lê trước tặng chức Thái-tể, tước Nhuận-quận-công ;

Con ông Nghị-Hiền Tiên-sanh, làm quan Tham-tùng chức Đại-tư-đồ, tước là Xuân-quận-công ;

Em ông Thuật-Hiền Tiên-sanh, cũng làm quan Tham-tùng, phong chức Thái-bảo, tước là Toàn-quận-Công, hiệu Cảnh-hưng nam Qut-mão, ông Nguyễn-Du thi đậu. Ngài nghĩ rằng mình là con nhà tướng, có tài văn học, dỗi lòng tiết nghĩa, nên chẳng khứng làm quan triều Ngụy.

Đến nam Bình-ngũ loạn rồi, giặc Tây-Sơn) ngài toan mưu phục nghiệp cho dòng Lê, bị tướng Ngụy bắt may dặng tha.

Qua triều Nguyễn, hiệu Gia-Long năm đầu, phong ngài làm chức Tri-phủ Thương-tín, ngài liền cáo bệnh mà từ chức. Đến năm thứ 5 vua đời ông về triều cho làm chức Đông-các Học-sĩ, qua năm thứ 8 ra làm chức Cai-bộ tỉnh Quảng-bình. Trị dân có công (chánh tich) nên qua năm thứ 12 thăng bổ về Cần-chánh-diện học-sĩ, vua sai đi sứ Tàu, đến chừng về lên chức Lễ-bộ, hữu Tham-tri.

Qua triều Minh-mạng năm đầu vua lại sai đi sứ Tàu nữa, chưa kịp đi, rồi kế chết.

Vua ban cho 20 lượng bạc và 2 hai cây gấm hồng. Chôn rồi lại ban thêm tiền 300 quan nữa.

Tánh hạnh ông Nguyễn-Du làm người trong lòng tuy tự phụ, mà bề ngoài cần thận ; mỗi khi vào chầu vua dầm dầm như người chẳng hay nói.

Vua từng chỉ dụ ông rằng : « Nhà nước dùng người, duy kẻ hiền cho làm quan, vốn không luận là người Nam người Bắc. Người cùng Ngô-Vị đã nhờ ơn tri ngộ làm quan đến chức Hiền-khánh, (quan lớn) hề biết đâu phải nói cho xứng chức mình, dẫu khà dùng dằng sợ sệt, luống những đạ dụ làm chi.»

Ông Nguyễn-Hầu học rộng, văn hay, làm thơ rất giỏi. Nước Nam gọi năm người tuyệt diệu, thì ông và cháu ông là Tử-Kính là hai người trong số ấy. Chỉ như việc cầm, kỳ, thi, họa, không việc nào mà ngài chẳng tinh ; và giỏi võ nghệ, thông binh-pháp, đều ngài chưa gặp dịp dùng đến.

Từ khi đi sứ Tàu về, đem tập thơ Bắc-hành (thơ đi sứ Tàu) và truyện Tùy-Kiều bùa cho đời xem.

Vốn ngài tưởng gia thế ngài làm quan triều Lê, nên gặp giặc Tây-Sơn làm loạn, ngài buồn trí mới thả đi săn chơi: cảnh núi Hồng, 99 chót, dấu chơn ngài gần giáp hết.

Sau bị Triều-đình đòi, ngài từ chối không dặng, mới chịu ra làm quan. Rồi lại bị thượng ty yểm-đào tài năng của ngài, ngài ngồi ngồi chẳng vui lòng. Sau bệnh ngặt, ngài không chịu uống thuốc, bảo người nhà rờ tay chơn coi, chúng nó thưa rằng: « Đã lạnh hết rồi. » Ngài nói: « Tốt ! tốt ! » nói rồi tắt hơi, không một lời chi trở đến việc nhà.

Sau Đức Thánh-tổ (Minh-Mạng), ngự đến dinh ông mà viếng, thấy bài thơ đề “*Hoài-âm-lư*” của ông làm có câu rằng: « *Thôi thực dài y nan bội đức. Tân cung phan cầu diệt cam tâm.* »

Thích nghĩa. — Nhường cơm cho áo ơn dưng thế. Bề nả giết cây dạ cũng cam.

Đức Minh-Mạng xem thơ ấy rồi khen lắm, gọi thị thần rằng: « Người Bắc-kỳ như Nguyễn-Du hỡi còn, thi ta cho làm đến chức Hiệp-Biện. »

Lúc ấy lại có người đi điều ngài một đôi liền rằng:

« *Nhứt đợi tài ba, vi sứ vi khanh, sanh bất thêm,*

« *Bách niên sự nghiệp, tại gia tại quốc, tử du vinh.* »

Thích nghĩa:

Lúc sanh tiền một dấng tài ba, làm sứ làm khanh, đều chẳng thẹn.

Khi tử hậu trăm năm sự nghiệp, ở nhà ở nước, cũng còn vinh.

Cũng là biểu sự thiệt của ngày đó.

Ngài có hai người em: Nguyễn-Thoản, Nguyễn-văn-Sóc, đều dùng tài năng mà rạng danh trong đời.

Thoản, chữ viết ngay ngắn, người đều khen là: « người viết chữ hay », làm quan đến chức Công-bộ Thị-lang, rồi ra trấn tỉnh Bình-thuận, tước là Thoản-đức-hầu.

Sóc, có ý từ lanh, làm quan chức Công-bộ Thiêm-sự và Giám-đốc Võ-khố, tước là Sóc-nhạc-hầu.

Trong triều Gia-Long và triều Minh-Mạng anh em đều quý hiển. Thiệt nhà ông Nguyễn-Hầu là thế-phủ nơi núi Hồng-Sơn, danh giá chốn Hoan-quận (Hà-tĩnh Nghệ-au).

Nhiều quan bên Tàu tặng biền liền cho ngài, chẳng những là vinh hiển nơi triều Lê trước mà thôi.

HUYNH-THỨC-MẬU phụng dịch.

KIM-TÚY-TÌNH-TỬ

1.- Trăm năm trong cõi người ta, (1)
Chữ tài, chữ mệnh khéo là ghét nhau. (2)
Trải qua một cuộc bể-dâu, (3)
Những điều trông thấy đã đau đớn lòng.
Lạ gì : Bỉ sắc, tư phong, (4)
Trời xanh quen với má hồng đánh ghen !

2.- Kiêu thơm, lần giở trước đèn,
« Phong-tình-cổ-lục » còn truyền sử xanh ; (5)
Rằng : Năm Gia-Tĩnh triều Minh, (6)
Bốn phương phẳng lặng, hai Kinh (7) vững vàng.
Có nhà viên-ngoại, họ Vương,
Gia-tư nghĩ cũng thường thường bực trung.

(1) Trang-Tử. Bá niên cảnh nhi ngã du vi nhơn. Thích : Sách Trang-Tử nói : Cảnh trăm năm mà ta còn làm người. Ý nói con người ta ít ai sống quá trăm năm.

(2) Tùy-viên : Cổ lai tài mệnh lưỡng tương phùng. Thích : Sách Tùy-viên nói : Xưa nay tài mệnh hằng ghét nhau.

(3) Thần-tiên-truyện, Đông-dương-Công viết : Tam kiến thương hải biến tang điền. Thích : Trong truyện Thần-tiên, ông Đông-dương-Công có nói rằng : Ba lần biển thâm hóa cồn dâu.

(4) Bản thơ : Phong vu tài, sắc vu ngô, tạo hóa kỳ dinh, nhi vu hồng nhan vuu thâm. Thích : Bản thơ, là sách « Kim-vân-Kiều lục » có nói : « Tài ngô chời, thì gặp gỡ phải kém, đứng tạo hóa hay ghét người giỏi, mà kẻ hồng nhan lại bị ghét hơn nữa ».

(5) Đời xưa sử chép trên mảnh tre xanh nên gọi là sử xanh (thanh sử).

(6) Minh triều đệ thập tam đế Kiến-Ngươn Gia-Tĩnh, hiệu Thế-Tôn. Thích : Triều Minh, vua đời thứ mười ba, niên hiệu là Gia-Tĩnh, miếu hiệu là Thế-Tôn.

(7) Minh Thái-Tò đô Thuận-thiên vị Nam-kinh, Thành-Tò đô Phụng-Thiên vị Bắc-kinh. Thích : Triều-Minh, vua Thái-Tò đóng đô nơi Thuận-thiên là Nam-kinh, đến vua Thành-Tò đóng đô nơi Phụng-thiên là Bắc-kinh.

Một trai con thừ rớt lòng,
Vương-Quan là chữ nổi dòng nho gia ;
Đầu lòng hai ả tố-nga,
Túy-Kiều là chị, em là Túy-Vân.
Mai cốt cách, tuyết tinh thần, (1)
Một người một vẻ, mười phân vẹn mười. (2)
Vân xem trang-trọng khác vời,
Khuôn trăng đầy đặn, nét ngài nở nang. (3)
Hoa cười (4), ngọc thốt (5) đoan trang,
Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da.
Kiều càng sắc sảo mặn mà,
So bề tài sắc, lại là phần hơn.
Làn thu thủy, nét xuân sơn, (6)
Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh.
Một đôi nghiêng nước nghiêng thành ; (7)
Sắc đành đòi một, tài đành hòa hai.
Thông minh vốn sẵn tính trời,
Pha mùi thi họa, đủ mùi ca ngâm.

(1) Mai-phô : Mai di cách thẳng. Thích : Truyện Mai-phô nói : Cây mai dùng cách làm hơn.— Đường thi : Hữu mai vô tuyết bất tinh thần. Thích : Đường-thi : Có bông mai mà không có tuyết thì không tinh thần. Cốt cách dịu dàng như cây mai, tinh thần trong như tuyết.

(2) Một người đẹp mỗi cách : nhưng người nào đẹp cũng đủ mười phần.

(3) Diện như mấn nguyệt, mi như ngọc tâm. Thích : Mặt như trăng tròn, lông mày như con tâm nằm ngan. (Ở Bắc gọi con tâm là con ngài).

(4) Đường thi : Khởi cập ngã, giải tiểu hoa. Thích : Trong Đường thi có câu : Đầu sánh kịp nhà ta hoa biết cười.

(5) Tây-Sương : Phu nhơn kim khẩu ngọc ngôn. Thích : Sách Tây-Sương nói : Nàng phu nhơn miệng như vàng nói ra lời ngọc.

(6) Nhân quan thu thủy, mi đậm xuân sơn. Thích : Mắt sáng như nước mùa thu, nét mày lợt như núi mùa xuân.

(7) Lý-diên-Niên ca : Nhứt cổ khuynh nhơn thành, tái cổ khuynh nhơn quốc. Thích : Có câu ca của ông Lý-diên-Niên rằng : Một lần ngó nghiêng thành người, hai lần ngó nghiêng nước người.

*Cung, thương lâu bực ngũ-âm,
Nghề riêng ăn đứt Hồ-cầm (1) một trương.*

Khúc nhà tay lựa nên xang, (2)

Một thiên bạc mạng lại càng não nhân !

Phong lưu rất mực hồng-quần, (3)

Xuân xanh xấp xỉ tới tuần cập kê. (4)

Yêm niêm trướng dĩ màn che,

Tường-đồng ong bướm đi về mặc ai.

3.- Ngày xuân con én đưa thoi, (5)

Thiều-quang chín chục đã ngoài sáu mươi. (6)

(1) Ngoại-sử : Hồ-Tử thiện cầm, duyệt nhưt mi-nhơn, hậu bất tương ngộ. Nhưt nhưt Hồ-Tử gian thượng cô cầm, kiên nhưt thì lưu xuất, tâm động, ngộ dĩ xự thình vi xang thình, thê thậm, văn giả truy luy. Hậu thi lưu đáo, tác sở duyệt mi-nhơn giả. Thích : Sách Ngoại-sử : Người Hồ-Tử khảy đàn cầm hay, phải lòng một người con gái lịch, mà sau không gặp nữa. Một ngày kia người Hồ-Tử khảy đàn cầm trên sông họ, xây thấy một cái thây chết trôi, động lòng, khảy làm tiếng « xư » làm tiếng « xang » thảm lắm, ai nghe cũng sa nước mắt. Chập lâu thây ấy trôi đến tận nơi, thì là thây người con gái của y phải lòng ngay trước. (Hồ-cầm chỉ nghĩa người Hồ-Tử đàn cầm hay cho đến đời người thác rồi cũng muốn đến mà nghe).

(2) Xang, là : Cách, điệu đàn.

(3) Hồng-quần, là quần đỏ. Tục xưa bên Tàu, hề con gái nhà danh giá thì hay mặc quần đỏ.

(4) Lễ : Nữ cập kê nhi giá. Thích : Theo lễ : Con gái đến tuần cài trâm mà gả lấy chồng. (Con gái đến 15 tuổi thì làm lễ cài trâm, vì đến tuổi lấy chồng).

(5) Đường Hoanh-thi : Chức liễu loạn phạo xa. Thích : Đời Đường có bài thơ chim hoanh : Dệt tơ liễu rộn quăng thoi.— (Cây liễu xủ mảnh xuống như tơ, mà con én bay qua bay lại như thoi dệt vải).

(6) Cửu thập Thiều-quang năng hữu kỳ. Thích : Thiều quang chín chục có bao nhiêu ? — (Thiều-quang là mùa xuân có ba tháng, là 90 ngày. Đã ngoài sáu mươi, nghĩa là đã sang tháng ba rồi).

*Cỏ non xanh tận chơn trời,
Nhành lê trắng điểm một vài bông hoa. (1)
Thanh-minh trong tiết tháng ba,
Lễ là Tảo-mộ, hội là Đạp-thanh. (2)
Gần xa nao nức yến anh,
Chị em sắm sửa bộ hành chơi xuân.
Đập-diều tài tử giai nhân,
Ngựa xe như nước, (3) áo quần như nêm,
Ngõn ngang gò đống kẹo lên,
Thoi vàng bủa rắc, tro tiền giấy bay.*

*4.- Tà-tà bóng ngựa về tây,
Chị em thơ thẩn dan tay ra về.
Bước dần theo ngọn tiêu khe,
Lần xem phong cảnh có bề thanh-thanh :
Nao-nao dòng nước uốn quanh,
Nhịp cầu nho nhỏ cuối ghành bắt ngang.
Sờ sờ nắm đất bên đàng,
Dầu dầu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh.
Rằng : « Sao trong tiết Thanh-minh,
Ở đây hương khói vắng tanh thế mà ? »
Vương-Quan mới dần gần xa :
« Đạp-Tiên nàng ấy xưa là ca nhi ;
« Nồi danh tài sắc một thì,
« Xón-xao ngoài cửa thiếu gì yến anh !*

(1) Ngươn-Háo-Đồng thi : Lê-hoa như tịnh nữ, tịch mịch xuất sơn mộ, cô phương kỳ thái khiết, mặc sử phạm hủy đồ. Thích : Thơ của Ngươn-Háo-Đồng rằng : Bông lê đậm thâm như con gái, vắng vẻ trở ra lúc núi chiều, cái tánh thơm riêng kiên cá sạch, cỏ hèn chớ khiến ghét ghen nhiều.

(2) Đạp-thanh, nghĩa là đi giậm trên cỏ xanh.

(3) Hán-thi : Xe như lưu thủy. Thích : Hán-thi rằng : Xe như nước chảy.

« Kiếp hồng-nhan có mong manh,
« Nửa chừng xuân (1), thoát gãy nhành thiên-hương (2) :
« Có người khách ở viễn-phương,
« Xa nghe cũng nức tiếng nàng tìm chơi.
« Thuyền tình (3) vừa ghé đến nơi,
« Thì đã trâm gãy, bình rơi bao giờ. (4)
« Bồng không lặng ngắt như tờ,
« Dấu xe ngựa đã rêu lò mờ xanh. (5)
« Khóc than khôn biết sự tình,
Khéo vô duyên mấy, là mình với ta !
« Đã không duyên trước chẳng mà,
« Thì chỉ chúc đĩnh, gọi là duyên sau. »
« Sấm sanh nhiếp tử xe châu, (6)
« Bụi hồng một năm, mặc dầu cỏ hoa.

(1) Lý thi : Tam nguyệt xuân tiền bạc mạng hoa. Thích : Lý thi rằng : Ba tháng trắng mùa xuân, cây hoa nào bạc mạng mới chết.

(2) Tô thi : Bán quyển thiên hương tán. Thích : Tô thi rằng : Nửa chừng tan tác nhành thiên hương.

(3) Tình sử : Thuyền di tình quý. Thích : Sách Tình sử rằng : Thuyền bởi tình mà quý. (Vị tình hơn ở dưới thuyền, nên thuyền mới quý.)

(4) Bạch thi : Bình trụ trâm chiếc thị hà như ? Tợ thiếp kim triều dử quân biệt. Thích : Bạch thi rằng : Bình rơi trâm gãy ấy dường nào ? — Giống thiếp ngày nay từ biệt chàng.

(5) Tì-Bà-hành : Môn tiền lạnh lạc, xa mã hi. Thích : Trong Tì-Bà-hành có nói : Trước cửa vắng vẻ, xe ngựa ít.

(6) Hán thơ : Tử mộc tác cung, linh xa già. Thích : Hán thi rằng : Lấy cây gọi Tử làm cung, gọi rằng cái linh xa. Hựu thuyết : Thử thời Đạm-Tiên già màu, dục khí chi câu trung khách vị chi cụ tử quan, cố ngưo xa vắng chi, châu tác trâu. Thích : Lại có một lời như vậy : Lúc Đạm-Tiên chết đó, mẹ nuôi Đạm-Tiên muốn đem thân bỏ nơi hào, có kẻ khách quen với Đạm-Tiên lúc trước chẳng đành lòng như thế, vì đó ra sấm hòm cây gọi Tử, thuê xe trâu kéo đem chôn ; chữ châu ấy là trâu.

« *Trải bao thổ lặn, ác tà, (1)*
« *Ấy mờ vô chủ (2) ai mà viếng thắm !*
 Lòng đau sẵn mối thương-tâm,
Thoạt nghe, Kiều đã dầm-dềm châu sa : (3)
 « *Đau đớn thay, phận đàn bà,*
« *Lời rằng bạc mạng (4) cũng là lời chung !*
 « *Phụ phàn chi mấy, Hóa-công ?*
« *Ngày xanh mòn mỏi, má hồng phui pha ;*
 « *Sống, làm vợ khắp người ta, (5)*
« *Hại thay ! thác xuống làm ma không chông !*
 « *Nào người phượng chạ loan chung ? (6)*
« *Nào người tích lục tham hồng là ai ?*
 « *Đã không kẻ đoái người hoài,*
« *Sẵn đây ta kiếm một vài nén hương. (7)*

(1) Thổ là mặt trăng : ác là mặt trời — Câu này nghĩa là : ngày tháng qua lại biết bao nhiêu lần.

(2) Bồn thơ : Từ hậu thùy cầu vô chủ phận. Thích : Bồn thơ rằng : Chết rồi ai viếng mờ vô chủ.

(3) Thập-Gi-Ký : Đông hải giao, nhưn thiện chức quyền, tại nhưn gia, biệt thời khắp hạ thành châu, hậu di lụy vi châu. Thích : Sách Thập-Gi-Ký có tích rằng : Biền Đông có con cá Giao hóa hình người dệt lụa khéo, lúc đi bán ở đậu nhà người ta, đến chừng từ giã ra về, rơi giọt lụy hóa thành hột châu, đời sau dùng điền ấy kêu là « châu lụy ».

(4) Tây-Sương nữ nhưn, tự nhiên mạng bạc. Thích : Chuyện con gái trong truyện Tây-Sương tự nhiên phải mang câu bạc mạng.

(5) Bản thơ : Sanh vi vạn nhưn thể, từ tác vô phu qui. Thích : Sống làm vợ muốn người, chết làm ma không chông.

Hựu Điền : Sanh thời di tác thiên nhưn phụ ! Thích : Lại có điền rằng : Thuở sống để làm vợ ngàn người !

(6) Nhứt đối nhi, phụng hữu loan giao. Thích : Sánh một cặp, bạn loan bạn phụng.

(7) Bản thơ : Kiều toát thổ vi hương. Thích : Nàng Kiều vắt đất làm hương.

« Gọi là gặp gỡ giữa vàng,
« Họa là người dưới suối vàng (1) biết cho. »
Lâm dâm khăn vải nhỏ to,
Sup ngồi vài gập (2) trước mỗ, bước ra.
Một vũng cỏ ấy bóng tà,
Gió hiu-hiu thổi một vài bóng lau.
Rút trâm sẵn giặt mái đầu,
Vạch da cây, vịnh bốn câu ba vần.
Lại càng mê-mẩn tâm thần.
Lại còn đứng sững tần-ngần chẳng ra ;
Lại còn ử-dột nét hoa,
Sầu tuôn đứt nối, châu sa vẫn dài.
Vân rằng : « Chị cũng nực cười !
« Khéo dư nước mắt, khóc người đời xưa ! »
Rằng : « Hồng-nhan tự thuở xưa, (3)
« Cái đèn bạc-mạng có chừa ai đâu !
« Nỗi niềm tưởng đến mà đau !
« Thấy người, mình dễ biết sau thế nào ? »
Quan rằng : « Chị nói hay sao !
« Một lời là một, vận vào khó nghe !
« Ở đây âm-khí nặng nề,
« Bông chiều đã ngã, dặm về còn xa. »
Kiều rằng : « Những đứng tài hoa,
« Thác là thề-phách, còn là tinh-anh ! (4)
« Dễ hay tình lại gặp tình,
« Chờ xem ắt thấy hiền linh bây giờ ! »

(1) Suối vàng là nghĩa hai chữ Huỳnh-tuyền, chỉ là âm phủ.— Tả Truyện : Bất cập huỳnh tuyền vô tương kiến dã. Thích : Sách Tả truyện rằng : Chẳng kịp suối vàng hồng thấy nhau vậy. — Sở Từ : Cửu nguyên lượng thứ tâm trường. Thích : Sách Sở từ có câu rằng : Chín suối xin tin bụng dạ này.

(2) Lạy.

(3) Bản thơ : Hồng nhan bạc mạng, tự cô giai nhiên. Thích : Gái đứng mực hồng nhan, phải mang câu bạc mạng, xưa nay đều thế ấy.

(4) Bản thơ : Từ đã thề-phách, bất từ đã tinh thần. Thích : Thề-phách mỗi người đều phải chết, chỉ tinh thần không chết.

Một lời nói chưa kịp thưa,
Phút đầu trận gió cuốn cờ (1) đến ngay ;
 Áo ào đồ lệch rung cây,
Ở trong đường có hương bay ít nhiều.
 Đề chừng ngọn gió lần theo,
Dấu giày từng bước in rêu rành-rành.
 Mặt nhìn, ai nấy đều kinh ;
Nàng rằng : « Nay thật tinh-thành chẳng xa !
 « Hữu-tình ta lại gặp ta,
« Chớ nề u-hiền (2) mới là chị em. »
 Đã lòng hiển hiện cho xem,
Tạ lòng, nàng lại nói thêm vài lời ;
 Lòng thơ lai láng bồi hồi,
Gốc cây lại vạch một bài cổ thi.

5.- Dùng-dăng nửa ở nửa về,
Lạc vàng đầu đã tiếng nghe gần gần ;
 Trông chừng thấy một văn-nhân,
Lông buông tay khấu, bước lần dẫm băng (3)
 Đề huề lưng túi gió trăng, (4)
Sau chơn theo một vài thằng con con.

(1) Cờ thi : Phong kiệt hồng kỳ sơ bất khai. Thích : Trong Cờ thi có câu : Gió guôn cờ hồng xô chông ra.

(2) U là chết ; hiên là sống. Nghĩa là : Một người chết một người sống chơi với nhau cũng được.

(3) Bản thơ : Kim sanh thừa mã, viên viên nhi lai, băng tức viên đá. Tục văn : Xa băng. Thích : Chàng Kim-Trọng cỡi ngựa xa xa mà đến : chữ băng nghĩa là xa vậy. Tục Bắc rằng " xa băng ",

(4) Bản nan phong nguyệt. Thích : Nửa túi gió trăng. Hựu Điền : Lý-Hạ mỗi xuất bội cầm nan từng nhứt tiêu đồng. Lại có điền rằng : Ông Lý-Hạ mỗi khi ra đi mang một cái dây gấm, một đứa bé con theo hầu.

Lưng túi gió trăng ở đây chỉ nghĩa là đi phong lưu lắm.

Tuyết in sắc ngựa cầu don,
Cỏ pha màu áo nhuộm non da trời. (1)
Nẻo xa mời tỏ mặt người,
Khách đà xuống ngựa, tới nơi tự tình ;
Hài-văn lần bước dặm xanh,
Một vùng như thề cây Quỳnh nhánh Giao. (2)
Chàng Vương quen mặt ra chào,
Hai Kiều e lệ nép vào dưới hoa. (3)
Nguyên người quanh-quất đầu xa,
Họ Kim tên Trọng, vốn nhà trâm-anh ; (4)
Nền phú qui, bực tài danh,
Văn chương nét đất, thông minh tánh trời. (5)
Phong-tư tài-mạo tốt vời,
Vào trong trong nhũ, ra ngoài hào hoa ;
Chung-quanh vẫn đất nước nhà,
Vời Vương-Quan, trước vẫn là đồng thân. (6)
Trộm nghe thơm nức hương lân,
Một nền Đổng-tước, tỏa xuân hai Kiều. (7)

(1) Lý-Bạch thi : Thanh thảo như bào, vị thượng ti. Thích : Thơ ông Lý-thái-Bạch rằng : Sắc cỏ xanh như màu áo bào, mà ngói cỏ còn thấp.

(2) Thế thuyết : Vương-Diên thần thề, như Quỳnh lâm Giao thọ, phong trần ngoại vật. Thích : Thế thuyết rằng : Tinh thần phong thề của người Vương-Diên, dường như rừng ngọc Quỳnh, cây ngọc Giao, là vật báu ngoài cảnh phong trần. (Ý nói Vương-Quan cùng Kim-Trọng hai người đều quý báu cả).

(3) E lệ là bộ ngực.

(4) Nhà trâm anh là nhà quan. Trâm là cái trâm cài đầu. Anh là cái giải mào. Nhà quan mới được dùng đồ ấy.

(5) Văn chương nhờ chỗ nền mã (đất chôn ông bà, cha mẹ). Thông minh là tánh tự nhiên trời cho.

(6) Đồng song thân hữu. Nghĩa là : Anh em bạn thiết học một trường.

(7) Đồ thi : Đổng-tước xuân thăm tòa nhị Kiều. Thích : Đồ thi rằng : Đền Đổng-tước hơi xuân ấm áp, đề hai nàng Kiều nữ đón chơi.

Nước non cách mấy buồng thêu, (1)
Những là trộm dấu thăm yêu chốc mòng.
May thay giải cấu tương phùng !
Gặp tuần đỏ lá, (2) thỏa lòng tìm hoa.
Bóng hồng liếc thấy nẻo xa,
Xuân lan, thu cúc, mận mà cả hai. (3)
Người quắc-sắc, kẻ thiên tài,
Tình trong như đã, mặt ngoài còn e.
Chập chờn cơn tỉnh cơn mê,
Rốn ngời chẳng tiện, dứt về chĩnh khôn.
Bóng tà như đục cơn buồn,
Khách đà lên ngựa, người còn ghé theo.
Dưới dòng nước chảy trong veo,
Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha. (4)

6.- Kiều từ trở gót trường hoa.

Mặt trời gác núi, chiếu đà thu không.

(1) Thiên-hương dừ Hồng-Khue, tương cận chí xích, nhi diêu nhược sơn hà
Thích : Mùi Thiên-hương cùng gái Hồng-Khue, gần nhau trong gan thướt mà chẳng lại gần đặng, thì ví dường cách mấy núi sông. (Ý nói Túy-Kiều với Kim-Trọng gặp nhau mà chẳng hỏi han tình tự chi đặng, ví cũng như cách trở non sông).

(2) Tình tri hồng điệp thị lương mai. Thích : Rõ biết lá đỏ thiệt là người mai giỏi. (Tích này có dẫn ra nơi trường 32).

(3) Tùy Dương-Đế mộng, Trần Hậu-chúa vấn Tiêu-Phi dừ Trương-lê-Hoa thực thăng, viết : Thu lan, xuân cúc các nhứt thời chi tuyên dã. Thích : Đời Tùy, vua Dương-Đế chiêm bao ; thấy vua Hậu-chúa nhà Trần hỏi nàng Tiêu-Phi với Trương-lê-Hoa ai hơn ? Nàng Tiêu-Phi trả lời rằng : Đông lan mùa xuân, với bông cúc mùa thu, đều là vật tốt theo thời.

(4) Đường thi : Nhứt cử xuân bách lộng sản-àn, lục liễu kiều biên yêm án gian.
Thích : Đường thi : Nước biếc một bầu xuân lèo lèo, bên cầu tơ liễu cõi trời chiều.

Hựu Tây-Sương điền : Vạn ban niếu ná, tợ tẩu liễu phong tiền. I ại có điền Tây-Sương rằng : Diệu dàng muôn bực tốt, giồng gió đưa tơ liễu.

Mảnh trăng chênh-chếch dòm song,
Vàng gieo đáy nước, cây lồng bóng sân. (1)
Hải-đường (2) rả ngọn đông-lân,
Giọt sương gieo nặng nhành xuân là đà.
Một mình lặng ngắm bóng nga, (3)
Dồn đường gần với nỗi xa bời-bời. (4)
« Người mà (5) đến thế thì thôi,
« Đời phiền hoa cũng là đời bỏ đi!
« Người đâu (6) gặp gỡ làm chi,
« Trăm năm biết có duyên gì hay không ?
Ngôn ngang trăm mối bên lòng,
Nên câu tuyệt diệu ngụ trong tánh tình.

7.- Chênh-chênh bóng nguyệt xế mảnh,
Dạ nương bên triện một mình thiu thiu.
Thoát đầu thấy một tiêu Kiều..
Có chiều phong vận, có chiều thanh tân.
Sương in mặt, tuyết pha thân,
Sen vàng (7) lãng thăng như gàn như xa.

(1) Sách Hoa-tiên có câu : Vầng trăng vặc vặc song sa ; bóng cây vẽ bích màu hoa sa diêm (Đêm thâm trắng mọc giọt dưới nước, thấy nước dợn vàng vàng, còn cây thì đã gieo bóng ra trước sân).

(2) Đường sử : Đường-Quy-Phi sơ khởi, tính nhân mộng lung. Thượng viết : « Hải-đường thị vị túc gia ? » Thích : Đường sử : Bà Đường-Quy-Phi ngủ mới dậy, con mắt còn lơ mơ. Vua Đường Minh-Hoàng hỏi rằng : « Hoa Hải-đường ngủ chưa đã sao ? »

(3) Nga là Hằng-Nga, chỉ là trăng.

(4) Gần xa : Chỉ hiện thân, thân hậu ngôn. Ý nói thân bây giờ với thân mình về sau.

(5) Người là Đạm-tiên.

(6) Người là Kim-Trọng.

(7) Tề Đông-hôn-Hầu di kim niêm địa, sử Phan-Phi hành thượng, viết : « Bộ bộ sanh liên ba. » Thích : Đời nhà Tề, ông Đông-hôn-Hầu lấy hoa sen bằng vàng lót dưới đất, khiến bà Phan-Phi đi lên trên, rồi cười nói rằng : « Mỗi bước đều sanh ra hoa sen ». Chỉ nghĩa là người đẹp lắm.

Chào mừng đón hỏi dò la :

« Đào-nguyên (1) lạc lối, đâu mà đến đây ? »

Thưa rằng : « Thanh khí (2) xưa nay,

« Mới cùng nhau lúc ban ngày, đã quên ?

« Hàn-gia (3) ở mé tây thiên,

« Dưới dòng nước chảy, bên trên có cầu.

« Có lòng hạ-cổ đến nhau,

« Có lời hạ-tử, ném châu gieo vàng !

« Vưng trình hội-chủ (4) xem tường,

« Mà sao trong số đoạn-trường có tên.

« Ấu đành quả kiếp nhơn duyên,

« Cũng người một hội một thuyền (5) đầu xa.

« Này mười bài mới, mới ra,

« Câu thần lại mượn bút hoa vẽ vờ. »

Kiều vưng lãnh ý đề bài,

Tay tiên một vẫy đủ mười khúc ngâm.

Xem thơ nức nở khen thắm :

« Giá đành tú-khẩu cầm-tâm (6) khác thường ;

« Vì đem vào tập đoạn-trường, (7)

« Thì treo giải nhứt, chi nhường cho ai ! »

(1) Đào-nguyên chỉ là người cõi tiên, vì có tích như vậy : « Cuối đời Tấn, có một người đi đánh cá, lạc vào trong một cái suối hoa-đào, đi lần vô, thì đến một động tiên. »

(2) Kinh-dịch : Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu. Thích : Kinh dịch & câu : Đồng tiếng ứng nhau, đồng hơi tiềm nhau.

(3) Hàn-gia, là cái nhà lạnh, chỉ là cái mã.

(4) Hội-chủ, là chủ bọn đoạn trường.

(5) Bồn thơ : Tiền thuyền hậu thuyền, yên tri nhi ngã, phi tái lai nhơn. Thích : Bồn thơ rằng : Thuyền trước thuyền sau, vốn là người với ta, chẳng phải người đi nơi khác. (Ý Đạm-Tiên nói Túy-Kiều cũng người một hội với mình).

(6) Tú-khẩu là miệng thêu, cầm-tâm là lòng gấm.

(7) Châu-thục-Chơn thi tập, danh đoạn trường tập. Thích : Người Châu-thục-Chơn có làm một tập thi gọi là tập Đoạn-trường.

Thềm hoa, khách đã trở hài,
Nàng còn cầm lại, một hai tự tình.
Gió đầu sịch bức màn-mành,
Tĩnh ra mới biết rằng mình chiêm bao.
Trông theo, nào thấy đầu nào !
Hương thừa (1) dường hãy ra vào đầu đây.
Một mình lưỡng lự canh chầy,
Đường xa nghĩ nỗi sau này mà kinh.
«Hoa trời bèo giạt, đã đành, (2)
«Biết duyên mình, biết phận mình thế thói !»
Nỗi riêng lộp-lộp sóng giời,
Nghĩ đòi con, lại sụt-sùi đòi con.

8.- Giọng Kiều rên-rĩ trướng loan,
Nhà-huyền (3) chợt tỉnh, hỏi : «Con có gì ?
«Cớ sao trần-trọc canh khuya ?
«Màu hoa lê hãy dầm-dề giọt mưa.» (4)
Thưa rằng : «Chút phận ngày thơ,
Dưỡng-sanh, (5) đôi nợ, tóc-tơ chưa đền.
«Buổi ngày chơi mả Đạm-Tiên,
«Nhấp đi, phút thấy ửng liền chiêm-bao.
«Đoạn-trường là số thế nào ?
«Bài ra thế ấy, vịnh vào thế kia !

(1) Tây-Sương : Lan xạ hương nhưng tại, vọng điệt xuyên diên không yết. Thích Tây-Sương có câu : Mùi lan mùi xạ hãy còn đây, trông cháu lưỡng nuốt nước miếng hoài

(2) Người nhà Đường luận bài phú rằng : Cọng lạc hoa nhi tương trực. Thích : Cùng hoa rụng mà trôi theo.

(3) Thi-Kinh có câu : Yên đặc huyền thảo, thọ chi bối hậu. (Ước được cỏ huyền, mà trồng sau hè). Cỏ huyền có tánh làm cho giải phiền, nên chữ huyền dùng chỉ là mẹ.

(4) Bạch-cư-Dị thi : Ngọc dung tịch mịch lựu lan can, lê hoa nhứt chi xuân đới vô. Thích : Thơ ông Bạch-cư-Dị có câu : Vóc ngọc vẫn về lựu chứa chan, ví như một nhánh hoa lê đơm giọt mưa mùa xuân.

(5) Dưỡng-sanh đây là cha mẹ. (Phụ hề sanh ngã, mẫu hề ư dưỡng ngã : Cha sanh, mẹ dưỡng).

« Cũ trong mộng-triệu mà suy,
« Thân con, thôi có ra gì mai sau ! »
Dạy rằng « Mộng ảo chắc đâu ?
« Bổng không mua não chắc sàu, nghĩ nao ! »
Vưng lời khuyên giải thấp cao,
Chưa xong điều nghĩ, lại dào mạch Tương. (1)
Ngoài song thỏ thẻ oanh vàng,
Nách tường bóng liễu bay sang láng diềng. (2)

Hiên tà gác bóng nghiêng-nghiêng,
Nổi riêng, riêng chạnh tác riêng một mình.

9. — Cho hay là giống hữu-tình, (3)
Đổ ai gỡ mối tơ mảnh cho xong !
Chàng Kim từ lại thơ-song,
Nổi nằng canh-cánh bên lòng biếng khuấy...
Sầu đong càng gạt càng đầy, (4)
Ba thu dồn lại một ngày dài ghé. (5)
Mây Tần khóa kín song the, (6)
Bụi hồng lẻo đẻo đi về chiêm-bao, (7)

(1) Tương-phu-nhơn huy lụy, trước tận thành ban. Thích : Nàng Tương-phu-nhơn rảy nước mắt nhâm tre, tre đều có dóm.

(2) Bài thơ cây liễu có câu : Phi như quá lân tường. Thích : Tơ liễu bay ngang qua vách xóm.

(3) Bồn thơ : Kim lang tự thị tình chường. Thích : Bồn thơ rằng : Chàng Kim vốn thiệt là giống hữu tình.

(4) Đong lúa đong gạo hề lật nó thì vừa có chừng rồi, chớ cái sàu càng lật nó càng thêm, nghĩa là nghĩ đến chừng nào thì thêm rầu chừng nấy.

(5) Thi-Kinh có câu : Nhứt nhựt bất kiến như tam thu hề.

(6) Thơ ông Hàn-Dư : Vân hoành Tần lạnh gia hà tị. Thích : Mây bay che núi Tần, chẳng thấy nhà cửa ở đâu.

Chi nghĩa là Kim-Trọng nhớ Kiều, ngó ra cửa sổ không thấy chi hết, cũng như có đám mây che, không cho thấy vậy.

Thơ Vân-Uyên lại có câu rằng : Vân sàu Tần nhi minh bao. Nghĩa là : Mây sàu núi Tần mà mờ昧.

(7) Đường thi : Ngân thược trùng quan thịnh vị tịch, bất như miên khứ mộng trung khan. Thích : Cửa khóa mấy tầng nghe chưa mở, chi bằng nằm ngủ nhập chiêm-bao.

Tuần trăng khuyết, đĩa dầu hao, (1)
Mặt mơ tưởng mặt, lòng ngao ngán lòng.
Phòng vẫn hơi giá như đồng,
Trúc xe ngọn thỏ, tơ dùng phẩm loan (2)
Mành Trương (3) phân phát gió dờn,
Hương gây mùi nhớ, trà khan giọng tình
Vi chăng duyên nợ ba sanh, (4)
Làm chi đem thời khuyếch thành trêu người.»
10. — Bàng-khuông nhớ cảnh nhớ người,
Nhớ nơi kỳ ngộ, vội đời chơn đi ;
Một vùng cỏ mọc xanh-rì,
Nước ngâm trong vắt, thấy gì nữa đâu !
Gió chiều như giục cơn sầu,
Bóng lau hiu hắt như mờ khảy trêu.
Chạnh riêng tưởng ít tình nhiều, (5)
Xăm xăm dè nẻo Lam Kiều (6) lữ sang.

(1) Ba sứ : Thanh hòa bán tiêu tàn nguyệt kế, huỳnh chung sơ thụ vãng tịch hi.
Thích : Đèn đỏ gần tàn tăng kế lạnh, chuông vàng vừa sáng đám sao thưa. (Trong phòng muốn cuối muộn đi rồi, đêm này qua đêm kia, tìm lụn dầu hao, Kim-Trọng cứ mơ tưởng Túy Kiều luôn luôn.)

(2) Tống thi : Đãi đất loan gia tục đặng huyền. Thích : Tống thi rằng : Đợi đặng keo loan mỗi giây đứt.

(3) Kim-Lăng thi : Cựu thời tiêu viện Trương liêm hạ, vu bả anh ca hoá khách thính. Thích : Kim-Lăng thi có câu : Nhà hoa buổi cũ rèm Trương xú, còn mượn tiếng chim anh đề gọi người.

(4) Tam sanh kử hạnh.

(5) Tình sử : Tu hành gia, dĩ tưởng thiếu tình đa, vi độn ư tu hành. Thích : Nhà tu hành gọi mấy người tưởng phật ít, tình dục nhiều thì tu hành chậm lắm.

(6) Bùi-Hàng chí Lam-Kiều ngộ tiên nữ. Thích : Người Bùi-Hàng đến cầu Lam gặp tiên nữ.

Tích : Thuở xưa người Bùi-Hàng gặp nàng Vân-Kiều cho một bài thơ, trong thơ ấy có câu rằng : «Lam-Kiều là chỗ tiên ở ?» Sau lại đi qua cầu Lam gặp Vân-Anh đẹp để muốn lấy làm vợ. Bà mẹ Vân-Anh đòi được chày và cối ngọc mới gả, Bùi-Hàng nhờ gặp tiên cho chày và cối ngọc nên lấy được Vân-Anh. Sau hai vợ chồng thành tiên hết.

*Thâm nghiêm, kín cổng, cao tường,
Cạn dòng lá thắm (1) dỉt đường chim xanh. (2)
Lơ-thơ lơ liễu buồn mảnh,
Con oanh học nói trên nhành mĩ-mai. (3)
Mấy lần cửa đóng then gài, (4)
Đầy thềm hoa rụng biết người ở đâu ! (5)*

(1) Đời Đường, vua Hi-Tôn, có một nàng cung nga họ Hàn, ngày kia ở trong cung không việc chi, buồn lắm, dùng lá cây viết bài thơ chỉ đỏ như vầy : Lưu thủy hà thái cấp, cung trung tận nhật nhân, ân cần tạ hồng diệp, hảo khứ đáo nhơn gian. Thích : Nước chảy sao mà vội, trong cung vắng tới ngày, này cây mảy lá đỏ, báo tỉnh cho người hay. Thả lá ấy theo dòng nước ; người Vu-Hựu vớt đặng, coi rồi cũng biên lại nơi lá đó hai câu thơ như vầy : Tầng văn diệp thượng đề hồng hoán, diệp thượng đề thi ký dư thủy ? Thích : Tầng xem trên lá đề thơ hoán, đề thơ hoán ấy gọi cho ai ?....

Đến sau vua cho 3000 cung-nhơn ra lấy chồng, Vu-Hựu kết duyên với Hàn thị. Trò chuyện cùng nhau mới rõ biết đề thơ hồng-diệp là thơ của mình, hai vợ chồng bèn kết một bài thơ rằng : Nhất liên giai cú tùy lưu thủy, thiên tải quan sơ ngộ hảo cừ, kiem nhật kiết thành loan phụng lữ, tính tri hồng-diệp thị lương mai. Thích : Một cặp đôi hay theo suối chảy, ngàn năm chim tốt sanh đôi lành, bây giờ đã hẳn duyên loan phụng, mới hay lá đỏ thiệt mai lành ».

(2) Cổ thi : Thanh điều bắt lại xuân tính trỉ. Thích : Cổ thi có câu rằng : Chim xanh chẳng đến tinh xuân chậm. Lại có tích như vầy nữa. — Vua Hán Vô-đế ngày xưa đang ngự chơi, thấy hai con chim xanh bay đến. Vua phán hỏi chim gì đó. Đông-phương-Sóc tâu rằng : Ấy là chúa tiên Tây Vương mẫu sửa đến chơi ; nên sai sứ đến thăm trước đó ». Một lát quả thật có Tây Vương mẫu đến.

(3) Đường thi : Kì cá hoàng-oanh minh túy liễu. Thích : Trong Đường thi có câu rằng : Ít con chim hoàng-oanh kêu trên cây liễu xanh.

(4) Tây-Sương : Môn yếm trùng quan. Thích : Cửa đóng mấy lớp.

(5) Tây-Sương : Ba liễu y nhiên, nại ngọc nhơn bát kiến. Thích : Bông liễu y nguyên, mà người ngọc chẳng thấy.

Tần ngần đứng suốt giờ lâu, (1)
Dạo quanh chợt thấy mái sau có nhà.
Hỏi ra Ngô-Việt thương-gia,
Buồng không đề đó, người xa chưa về.
Lấy đều du-học hỏi thuê,
Túi đờn, cặp sách đề huề dọn sang.
Có cây, có đá sẵn sàng,
Có hiện Lãm-Túy (2) nét vàng chưa phai.
Mình thăm chốn ấy chữ bài :
« Ba sanh âu hẳn duyên trời chi đây ! »
Song hồ (3) nửa khép cánh mây,
Tường đông ghé mắt ngày ngày hằng trông. (4)
Tắc gang đồng tỏa nguyên phong, (5)
Mịt mù nào thấy bóng hồng vào ra.

11.- Những từ quán khách lân la,
Tuần trăng thắm thoát nay đã thêm hai.
Cách tường phải buổi êm trời,
Dưới đào dường có bóng người thướt-tha.
Buồng cầm, xóc áo vội ra,
Hương còn thơm nức, người đã vắng tanh.
Lên theo tường gấm dạo quanh,
Trên đào chợt thấy một nhánh kim xoa.

(1) Tây-Sương : Ngọc lập bán hướng. Thích : Đứng đợi trần trần đến nửa giờ.

(2) Kim sanh kiến Lãm-Túy-viên tam tự, viết : nhị Kiều sự, bất bốc khả tri hi.
Thích : Chàng Kim thấy ba chữ « Lãm-Túy-viên » rằng : « Chuyện hai nàng Kiều, chàng bói cũng biết rồi. »

(3) Nhơn đi chỉ hồ song, viết : song hồ. Thích : Người dùng giấy phất cửa song, rằng : chữ song hồ.

(4) Tống-Ngọc đối Sở-Vương viết : « Đông lân nữ khuy thân tam niên hi. » Thích : Người Tống-Ngọc tâu với vua Sở-Vương rằng : Đứa con gái nhà ở phía Đông, dờm tôi đã ba năm rồi.

(5) Ở gần một bên (một tắc, một gang) mà cửa đóng nguyên phong hoải.

Giơ tay với lấy về nhà :
« *Này trong khuê-các, đâu mà đến đây ?*
 « *Gẫm âu người ấy bấu này,*
« *Chẳng duyên chưa dẽ vào tay ai cầm !* »
 Đêm khuya nưong-náu mùng thềm,
Trời như xui khách tri-cầm biết nơi !
 Tan sương, đã thấy bóng người,
Quanh tường ra ý tìm-tòi ngẩn-ngơ.
 Sanh đà có ý đợi chờ,
Cách tường lên tiếng, xa đưa ấm lòng :
 « *Xoa này bắt được hư không,*
« *Biết đâu Hiệp-phố mà mong châu về ?* » (1)
 Tiếng Kiều nghe lọt bên kia :
« *Ơn lòng quân-tử sá gì cửa rơi ?*
 « *Chiếc xoa, nào của mấy mươi,*
« *Mà lòng trọng nghĩa khinh tài xiết bao !* »
 Sanh rằng : Lân lý ra vào,
« *Gần đây, nào phải người nào xa xuôi !*
 « *Được rày nhờ chút thơm rơi,*
« *Kề đà thiếu-não lòng người bấy nay !*
 « *Mấy lâu mới được một ngày,*
Dừng chơn, gạn chút niềm-tây (2) gọi là. »
 Vội về thêm lấy của nhà,
Xuyến vàng đôi chiếc, khăn là (3) một vương.

(1) Hán Mạnh-Thường vi Hiệp-Phố Thái-thứ chánh thanh, khứ châu phục hoàn. Thích : Ông Mạnh-Thường đời nhà Hán làm quan Thái-thứ xứ Hiệp-Phố rất thanh liêm, nên hột trần châu trở về như củ. (Hiệp-Phố, thuộc về đất nước Nam, ở miền biên, có nhiều ngọc Trân-châu. Vì quan Thái-thứ bên Tàu sai qua cai trị, tàn-bạo và tham-làm lắm nên hột châu biến mất. Sau ông Mạnh-Thường đến, rất thanh liêm, nên châu ấy đều trở về như củ).

(2) Niềm tây : Chuyện riêng.

(3) Khăn là : Khăn lụa.

Thang mây (1) nhọn bước ngọn tường,
Phải người hóm nọ rõ-ràng chẳng nhe ?

Sợng-sùng đỡ ý rụt rè,

Kẻ nhìn tận mặt, người e cúi đầu ;

Rằng : « Tìr ngẫu-nhĩ gặp nhau, (2)

« Thăm trông trộm nhớ, bấy lâu đã chồn !

« Xương mai tnh đã gầy mòn, (3)

« Lần lữa ai biết hầy còn hóm nay !

« Thàng tròn như gởi cung mây, (4)

« Trần-trần một phận ấp cây đã liều ! (5)

« Tiễn đây xin một hai điều,

« Đài gương soi đến dấu bèo cho chẳng ? » (6)

Ngần-ngừ, nàng mới thưa rằng :

« Thói nhà băng-tuyết chất hằng phi-phong ; (7)

« Dầu khi lá thắm, chỉ hồng, (8)

« Nên chẳng thì cũng tại lòng mẹ cha.

(1) Bồn thơ : Vân thê ; thang mây.

(2) Ngẫu-nhĩ là tình cờ.

(3) Đường thi có câu : Mai cốt sấu nan chi : Xương mai ốm yếu khó chống.

(4) Nhứt ngoạn dang, ký tâm vu ngoạn cung. Thích : Trong cã thàng, gởi lòng trên cung trăng.

(5) Như thú châu nhọn đá. Thích : Như người ôm cây vậy. Tích có một người thấy một con thỏ chạy đụng cây mà chết, sau cứ-giữ cây ấy hoài chờ sau có thỏ chết như vậy nữa mà bắt.

(6) Thiếp như đài thương cảnh, chiếu kiến thị phân minh. Thích : Thiếp như cái gương trên đài, soi xuống thấy rõ ràng.

(7) Nhà tôi trong sạch cũng như đá tuyết, việc chi cũng phải cần thận.

(8) Ngươn-Chấn khiên hồng tư : Người Ngươn-Chấn kéo nhảm sợi chỉ đỏ (được vợ tốt). Tích này có diễn ra sau trong tương thứ 50.

Lại có cái tích như vậy nữa : Người Vi-Cổ, kén vợ, đi dạo chùa, gặp một ông già đương ngồi xem sách, một bên có cái túi chỉ đỏ. Vi-Cổ hỏi thì ông già ấy trả lời rằng : « Sách này là Hôn-thơ, chỉ này để buộc những người phải lấy nhau. » Ông già nói vợ Vi-Cổ bây giờ mới có ba tuổi và là con nhà ăn mày. Vi-Cổ đi kiếm con nhỏ ấy mà g.ết, giết hụt, sau rồi cũng phải lấy nó.

« *Nặng lòng xót liễu vì hoa,*
« *Trẻ thơ đã biết đâu mà dếm thừa.* »
 Sanh rằng : « Rày gió, mai mưa,
« *Ngày xuân đã dễ gì chờ mấy kẻ ?*
 « *Dầu chẳng xét tấm tình-sí,*
« *Thiệt đày mà có ích gì đến ai !*
 « *Chút chi gấn-vó một hai,*
« *Cho đành, rồi sẽ liệu bời mối-manh.*
 « *Khuôn-thiên (1) dầu phụ tác thành,*
« *Cũng liễu bỏ quá xuân-xanh một đời.*
 « *Lượng xuân dầu quyết hẹp hòi,*
« *Công đeo đuổi chẳng thiệt thòi lắm ru ! »*

12.- *Lặng nghe lời nói như du,*
Chiều-xuân dễ khiến, nét thu ngại ngừng.
 Rằng : « Trong bardi mới lạ lùng,
« *Nề lòng có lẽ cầm lòng cho đang !*
 « *Đã lòng quán-tử đa mang,*
« *Một lòng, vung tạc đá vàng năm trong.* » (2)
 Được lời như cõi tấm lòng,
Dở kim-xoa với khăn-hồng, trao tay.
 Rằng : « Trăm năm cũng từ đây,
« *Của tin, gọi một chút này làm ghi.* »
 Quạt vàng, khăn gấm sẵn khi, (3)
Với nhành xoa ấy tức thì đổi-trao.
 Một lời vừa gấn tất-giao, (4)
Mái sau đường có xôn-xao tiếng người.

(1) Khuôn-thiên là tạo-hóa.

(2) Năm trong chỉ là trong năm tạc, trong lòng. Kim-thạch chỉ ngón, khắc vu ngữ
nội : Lời nói đá vàng, chạm vó trong năm tạc.

(3) Bôn thơ : Kiều cỉ cầm thuê, kim phiến hoán chỉ. Thích : Nàng Kiều dùng khăn
gấm quạt vàng đổi đó.

(4) Tất là sơn, giao là keo. Tất-giao nghĩa bền chặt.

Vội vàng lá rụng hoa rơi,
Chàng về viện-sách nàng đời lâu trang.
Tir phen đá biết tuổi vàng, (1)
Tình càng thắm-thía, dạ càng ngần-ngợ.
Sóng Tương một dải nông trừ,
Bên trông đều nọ, bên chờ cuối kia. (2)
Một tường tuyết chở, srong che,
Tin xuân đâu dễ đi về cho năng !
13.- Lăn-lăn ngày gió đêm trăng,
Thưa hồng, rậm lục, đã chùng xuân qua. (3)
Vừa ngày sanh nhật ngoại-gia ;
Trên song-đường, dưới nữa là hai em.
Tưng-bưng sấm-sửa áo xiêm,
Cần (4) dựng một lẽ, qui (5) đem tặc thành.
Nhà lan thanh-vãng một mình,
Gấm cơ hội-ngộ đã đành hôm nay ;
Thì-trần (6) thức-thức sẵn bày,
Gót sen thoát-thoát dạo ngay mé tường.

(1) Sách Kỳ-quan có câu : Thí kim, kiêm hữu thạch. Thích : Thử vàng nay có đá (Cổ thứ đá đề thử vàng, người ta thường dùng coi vàng cao thấp).

(2) Tình sử : Ngủ-qui thời, Lương-Y-nương dử Lý-Sanh ngộ, hậu tương ly, hữu thi vân : « Nhơn đạo Tương gian thâm, vị đề tương tư bán ; gian thâm chung hữu đề, tương-tư vô biên ngại ; quân tại Tương gian đầu, thiếp tại Tương gian vi ; tương-tư bất tương kiến, đồng âm Tương gian thủy. Thích : Đời Ngủ-qui, nàng Lương-Y gặp chàng Qui-Sanh, thương yêu nhau, mà sau lìa nhau, nên có thơ rằng : « Sông Tương người gọi rằng sâu, gấm chưa bằng nửa bình đầu thương thâm ; sông tuy sâu hãy còn có đáy, tương-tư nhau không bài không bờ ; đầu sông chàng ở chàng chờ, nỏ hay thiếp lại đứng sờ cuối sông ; tương-tư nhau không thấy mặt nhau, chỉ mong uống nước một màu sông Tương. »

(3) Hoa đỏ thưa, lá xanh rậm, nghĩa là cuối mùa xuân.

(4) Cần là rau cần. Sách Kê-khang có tích người nhà quê kia đem rau cần dựng cho vua. Cần dựng đây chỉ nghĩa là lẽ mọn không xứng đáng (ấy là lời nói khiêm).

(5) Qui là bông qui (dựng rau cần và bông qui).

(6) Thì-trần là vật qui theo mùa.

Cách hoa, (1) sẽ dửng tiếng vàng,
Dưới hoa, thấy đã có chàng đứng trông ;
« Trách lòng hờ-hững với lòng,
« Lửa hương chốc dề lạnh-lùng bấy lâu !
« Những là đắp nhớ đôi sầu,
« Tuyết sương nhuốm nửa mái đầu hoa-rám ! » (2)
Nàng rằng : « Gió bắt mưa cầm, (3)
« Đã cam tẻ với tri-âm bấy chầy !
« Vắng nhà, được buổi hôm nay,
« Lấy lòng gọi chút ra đây tạ lòng. »
Lần theo núi-giả (4) đi vòng,
Cuối tường dáng có nẻo thông mời rào ;
Sấn tay mở khóa động Đào, (5)
Rè mây trông tỏ lối vào Thiên-Thai. (6)
Càng nhìn, mặt càng thêm tươi,
Bên lời vạn phúc, bên lời hàn-huyên. (7)
Sánh vai về chốn thơ-hiên,
Phủ tình phong-nguyệt, nặng nguyên non-sông.
Trên yên, bút giá thi-đồng,
Đạm-thanh một bức tranh Tùng (8) treo trên.

(1) Bồn thơ : Cách tường ba phi, đối diện nhưn lai. Thích : Cách vách tường hoa bay, người sánh mặt lại đến.

(2) Bồn thơ : Tương-tư đầu vi bạch. Thích : Đau bệnh tương-tư nên tóc bạc.

(3) Đường thi có câu : Vô vô thiết tả năng lưu khách. Thích : Mưa, không có giây thiết tả, mà cầm khách lại được.

(4) Núi-giả là non bộ.

(5) Động Đào là động Tiên.

(6) Thiên-thai là núi Tiên ở. (Tích Lưu-Thần và Nguyễn-Trị-ệu đi hái thuốc lộc vào núi Thiên-thai gặp Tiên).

(7) Vạn-phúc là muôn phước, (lời chúc ; hàn-huyên ; ấm lạnh).

(8) Bồn thơ : Kiều kiến Tùng các viết : Thử họa đạm hoàng sơ lục, thậm thị giai diệp. Thích : Nàng Kiều thấy bức Tùng các rằng : « Bức họa này sắc vàng lơ, sắc lục sưa thiết vẽ khéo mà tốt lắm.

Phong sương được vẻ thiên-nhiên, (1)
Mặt khen nét bút càng nhìn càng tươi.
Sanh rằng : « Phác-họa vừa rồi,
« Phàm-đề, xin một vài lời thêm hoa. »
Tay tiên gió táp mưa sa, (2)
Khoản trên, vẩy bút thảo và bốn câu.
Khen : « Tài nhả ngọc phun châu,
« Nàng Ban, ở Tạ, (3) cũng đâu thế này !
« Kiếp tu xưa vì chưa dày,
« Phúc nào đổi được giá này cho ngang !
Nàng rằng : « Trộm liếc dung-quang,
« Chẳng sản ngọc-bội, cũng phùng kim-môn ! (4)
« Nghĩ mình phận mỏng cánh chuồn,
« Khuôn-xanh (5) biết có vương tròn mà hay !
« Nhớ từ năm hãy thơ ngây,
« Cứ trông tượng-pháp, lắm thầy chê-bai :
« Anh-hoa phát-tiết ra ngoài,
« Ngân thu bạc-mạng, một đời tài-hoa ! »
« Trông người lại gẫm đến ta,
« Một dày, một mỏng, biết là có nên ? »
Sanh rằng : « Giải cầu (6) là duyên,
« Xưa nay như định thắng thiên cũng nhiều ;
« Vì dầu giải-kiết (7) đến đều,
« Thì đem vàng đá mà liều với thân. »

(1) Thiên nhiên là tự nhiên.

(2) Phong vô thời thi tứ. Thích : Gió mưa giục ý tứ làm thơ.

(3) Hán Ban-Chiêu hoàn phiến thi, Tấn Tạ-Đạo-Uần vịnh như. Thích : Đời Hán nàng Ban-Chiêu làm bài thơ "quạt thơ", nhà Tấn nàng Tạ-Đạo-Uần vịnh bài thơ "tơ liễn". (Hai nàng ấy hay chữ đời xưa, ý nói Thúy-Kiều cũng giỏi như hai người đó).

(4) Ngọc-bội là đeo ngọc, chỉ nhà quan ; kim-môn là cửa vàng, chỉ là con nhà quý tộc.

5) Khuôn xanh là trời.

(6) Giải cầu là gặp gỡ.

(7) Giải oan kiết tục ; là điều chẳng may.

Đủ đều trung khúc ân cần,
Lòng xuân phơi-phời, chén xuân tàng-tàng.
Ngày vui ngắn chẳng đầy gang,
Trông ra Ác đã ngậm gương non đoài. (1)
Vắng nhà chẳng tiện ngồi dai,
Giã chàng, nâng môi kịp dời song-sa.

14.- Đến nhà vừa thấy tin nhà,
Hai thân còn gỡ liệc hoa chưa về ;
Cửa ngoài vội xủ rèm the,
Xăm xăm bưng nỏ vườn khuya một mình.
Nhật thừa, gương giọt đầu nhánh, (2)
Ngọn đèn trông suốt, trướng bình hắt-hiu. (3)
Sành vừa dựa án thiu-thiu,
Giở chiều như tỉnh, giở chiều như mê.
Tiếng sen xây động giấc hoè, (4)
Bóng trắng đã xể, hoa lê lại gần. (5)
Bàng-khuàng đánh Giáp non Thần, (6)
Còn ngờ giấc mộng dèm xuân mơ màng.

(1) Cò thi : Tây sơn dục hàm bán biên nhựt. Thích : Núi phía tây muốn ngậm nửa mặt trời.

(2) Cò thi : Nguyệt minh tài thượng liễu sảo đầu. Thích : Trăng lên xây tới đầu cây liễu.

(3) Đãng ba quang dạng, cách trước bình phong, huyền thần ngữ. Thích : Bóng đèn chấp chóa, cách tấm bình phong, om lời than-thờ.

(4) Xưa người Thuận-vu-Phần, ngủ dưới gốc cây hoè, chiêm-bao thấy mình được kén phò-mã và làm quan, hưởng lộc hơn hai mươi năm. Thức dậy không có chi hết. Mới biết là một giấc chiêm-bao.

(5) Cò thi : Nguyệt minh ba ảnh ngọc nhưn lai. Thích : Trăng giọt hoa (lê), người ngọc đến.

(6) Vu-Giáp, Sở-Vương thần nữ mộng. Thích : Vua Sở-Vương chiêm bao thấy nàng thần nữ núi Vu-Ciếp. (Vua Sở-Tương-vương chiêm bao thấy một người con gái đẹp lắm, hỏi là người ở đâu. Con gái ấy thưa rằng : “ Thiếp là thần nữ núi Vu-Giếp ”.)

Nàng rằng : « Khoảng vắng đêm trường,
« Vi hoa nên phải đánh đường tìm hoa ;
« Bây giờ rõ mặt đôi ta,
« Biết đâu rồi nữa chẳng là chiêm bao ? » (1)
Vội mừng làm lễ rước vào,
Đài sen (2) nổi sập, song đào (3) thêm hương.
Tiên (4) thề cùng thảo một chương,
Tóc mây một mối, dao vàng chia đôi.
Vầng trăng vặc-vặc giữa trời,
Đình-ninh hai mặt, một lời song-song ;
Tóc tơ căn-dẫn tức lòng,
Trăm năm tạc một chữ Đồng (5) đến xương.
Chén hà (6) sánh giọng Quỳnh-trương, (7)
Dải là hương lụn, bình gương bóng lồng.
Sanh rằng : « Gió mát trăng trong,
« Bấy lâu nay một chút lòng chưa cam ! »
Chày sương chưa nện cầu Lam, (8)
Sợ lặn-khán quá ra sàm-sở chúng ?

(1) Tây sương : Dữ ngã thâm thị minh bạch, nan đạo thị phi, giả mộng trung lai
Thích : (Chàng với thiếp) bây giờ thật rõ mặt đôi ta, khó nói phải quấy, như việc chiêm bao.

(2) Đài sen là cái đài chạm bông sen đề tháp đèn sập (Người Dũ-Tính làm bài phú cây đèn sập có câu : Đồng hà thừa lạp.)

(3) Phạm-Thuần-Nhơn song tiên đào thọ. Thích : Ông Phạm-Thuần-Nhơn có trồng cây đào trước cửa song.

(4) Tiên là tờ.

(5) Đồng là đồng tịch, đồng sàng, đồng sanh, đồng tử.

(6) Bôi sắt như vân hà, tiên bôi đá. Thích : Sắt chén như mây rắng, là chén của tiên để uống rượu.

(7) Quỳnh-trương, tiên tửu dả. Nhứt âm quỳnh-trương bá cầm sanh. Thích : Quỳnh-trương là rượu của tiên. Có câu thơ rằng : Một lần uống rượu quỳnh-trương, sanh trăm đều cảm nhớ.

(8) Đường Bùi-Hàng đất ngọc xứ cựu, đề Lam-Kiều thú Vân-Anh nhi tiến khứ. Thích : Người Bùi-Hàng đòi Đường được chày cối ngọc, đến chỗ Lam-Kiều, cưới nàng Vân-Anh, rồi dắt nhau về cảnh tiên. (Tích này đã dẫn trước rồi. Câu này chỉ nghĩa là chưa cưới hỏi chi.)

Nàng rằng : « *Hồng-diệp xich-thằng,*
« *Một lời cũng đã tiếng rằng tương-tri.*
« *Đừng đều nguyệt nọ, hoa kia,*
« *Ngoài ra ai lại tiếc gì với ai ! »*
Rằng : « *Nghe nổi tiếng cầm-đài,*
« *Nước non, luống những lắng tai Chung-kỳ.* » (1)
Thưa rằng : « *Tiện kị (2) sá chi,*
« *Đã lòng dạy đến, dạy thì phải vưng.* »
Hiên sau treo sẵn cầm-trắng, (3)
Vội vàng, Sanh đã tay nâng ngang mày.
Nàng rằng : « *Nghề mọn riêng tay,*
« *Làm chi cho nặng lòng này lắm, thà ? »*
So dần giấy Võ, giấy Văn,
Bốn giấy to nhỏ theo vần Cung, Thương.
Khúc đầu Hán, Sở chiến-trường,
Nghe ra tiếng sắt tiếng vàng chen nhau ! (4)
Khúc đầu Tư-Mã Phụng-cầu, (5)
Nghe ra như oán như sầu phải chắng !
Kê-khang này khúc Quảng-lãng,
Một rằng Lưu-thủy, hai rằng Hành-vân ;

(1) Cao-sơn, Lưu-thủy ngộ tri-âm, du Bá-Nha dư Từ-Kỳ dã. Thích : Bài Cao-sơn, bài Lưu-thủy, gặp bạn tri-âm, câu ấy là sự tích của Bá-Nha với Chung-Kỳ. — (Chung-từ-Kỳ đời Xuân-Thu, là người biết nghe âm nhạc có tiếng. Ngày kia, Bá-Nha khảy đàn mà trong bụng nghĩ đến núi, Từ-Kỳ biết mà khen rằng : « Tiếng đàn hay lắm, chót vót như núi cao ». Kế Bá-Nha cũng đàn mà bụng lại nghĩ dưới sông. Từ-Kỳ cũng biết mà khen : « Tiếng đàn hay lắm, cuộn cuộn như nước chảy. » — Đến sau Từ-Kỳ chết, Bá-Nha bứt dây đàn mà nói rằng : « Trong thiên hạ không còn ai mà biết nghe đàn ta nữa. »)

(2) Tiện-kị là nghề hèn.

(3) Cầm-trắng là nguyệt cầm.

(4) Hán thơ : Thiết mã kịm qua. Thích : Ngựa sắt giáo vàng.

(5) Tư-mã Trương-Như, đời nhà Hán, đàn bài « Phụng-cầu-hoàng ». Nàng Trác-văn-Quân nghe tiếng đàn thâm tằm lắm nên mê, nửa đêm lên theo Trương-Như sau hai dằng lầy nhau.

Quá-quan nầy khúc Chiêu-Quân, (1)
Nửa phần luyện chúa, nửa phần tư gia.
Trong như tiếng hạc bay qua, (2)
Đục như nước suối mới sa nửa vôi. (3)
Tiếng khoan như gió thoảng ngoài,
Tiếng mau sầm-sập như trời đổ mưa.
Ngọn đèn khi tỏ khi mờ,
Khiến người ngồi đó cũng ngơ-ngẩn sầu.
Khi dựa gối, khi cúi đầu,
Khi vô chín khúc, (4) khi châu đôi mày.
Rằng : « Hay thì thật là hay,
« Nghe ra ngậm đắng nuốt cay thế nào !
« Lựa chi những bực tiêu-tao, (5)
« Nhột lòng mình, cũng nao-nao lòng người ? »
Rằng : « Quen mất nết đi rồi,
« Tẻ vui, thói cũng tình trời biết sao !
« Lời vàng vung lãnh ij cao,
« Họa dần-dần, bớt chút nào được không ! »
Ngọn lan (6) càng tỏ thức hồng,
Đầu mày cuối mắt càng nồng tằm yêu.

(1) Bà Chiêu-Quân là cung-nhơn đời nhà Hán, vua phải đem gả cho chúa Hung nô. Lúc đi ra đến cửa ải, nhớ chúa nhớ nhà, Chiêu-Quân cỡi ngựa khây đờn Tì-bà mà tả cảnh sầu-bi.

(2) Tôn thị cầm thi : Sơ nghi tấp tấp lương phong động, hựu tợ tiêu tiêu mộ vô linh ; cận nhược lưu tuyền lại bích chương, viễn như huyền hạc hạ thương minh. Thích : Bài thơ đờn cầm của họ Tôn rằng : « Mới nghe gió thổi ào ào, lại nghe độp độp mưa rào tận nơi ; gần như nước suối chảy khơi, xa như tiếng hạc giữa trời bay qua. »

(3) Vịnh vật thi : Thanh như huyền hạc tiêu-tiểu hạ, trực tợ thanh tuyền còn-còn lai. Thích : Vịnh vật thơ : Tiếng đờn « thanh » như chim huyền hạc phới-phới bay, tiếng đờn « trực » giống suối thanh-tuyền cuộn cuộn chảy.

(4) Cửu khúc hồi trường : chín khúc ruột quắn.

(5) Tiêu-tao là thâm thiết.

(6) Tình-sử : Lan mai đặng tàn, chúc hoa dã. Thích : Lan mai đặng tàn là cái hoa cén.

Sóng tình dường đã xiêu-xiêu,
Xem trong áu yếm có chiều lả-lơi.
Thưa rằng : « Đừng lấy làm chơi ;
• Đề cho thừa hết mọi lời đã nao.
• Vẻ chỉ một đóa yêu đòo,
« Vườn hồng chi dám ngăn rào chim xanh ?
• Đã cho vào bực bố-kinh, (1)
• Đao từng phu lấy chữ Trinh làm đầu !
• Ra tưởng trên Bộc, trong Dâu. (2)
• Những con người ấy ai cầu làm chi ?
• Phải đều ăn xôi ở thi,
• Tiết trăm năm, nữ bỏ đi một ngày !
• Gãm duyên kỳ-ngộ xưa nay,
• Lừa dối ai lại đẹp tày Thôi, Trương ? (3)
• Máy-mưa đánh đờ đá-vàng,
• Quá chiều trước đã chán chường yển-anh ;
• Trong khi chấp cánh liền nhành, (4)
• Mà lòng rẻ-rúng đã đành một bên !
• Mái tây đề lạnh hương nguyệt,
• Xui duyên dấm thắm, ra duyên bề-bàng !

(1) Kinh-xoa, bố-quần, chánh thể đá. Thích : Chữ kinh-xoa, bố-quần, nghĩa là vợ chánh.

(2) Tan-trung, Bộc-thượng, Trịnh Vệ dâm thi. Thích : Chữ Tan-trung, chữ Bộc-thượng là thơ dâm của nước Trịnh nước Vệ. — Bộc là sông Bộc, là chỗ quan Thái-sư của vua Trụ trăm mình. Nơi ấy thường có tiếng đồn dâm lâm, vì những bài thơ đó vốn là từ đời vua Trụ lưu truyền lại. Dâu là đám dâu nơi bãi sông Bộc, thường con trai con gái nước Trịnh nước Vệ hay Cấn đó mà trai gái với nhau.

(4) Đường, Trương-Cung dừ Thôi-Oanh tương ngộ vu Phò-Mục tự chi Tây-sương, Lậu Trương biệt thú, Thôi diệt hủ thân vu nhơn. Thích : Người Trương-Cung nhà Đường với Thôi-Oanh-Oanh gặp nhau tại chái tây chùa Phò-Mục, phải lòng nhau. Sau lại Trương-Cung cưới vợ khác, còn Thôi-Oanh cũng lấy người khác.

(4) Bạch thi : Tại thiên tỉ dục điều, tại địa liên lý chi. Thích : Thơ ông Lý-thái-Bạch có câu : Dưới đất giằng gặt nhánh khơi, nào ai chấp cánh tận trời chim bay.

« Gieo thoi (1) trước chảng giữ-giàng.
« Dẽ sau nên thẹn cùng chàng, bởi ai ?
« Vội gì liểu ép hoa nài ?
« Còn thân ắt cũng đền bồi có khi ! »
Thấy lời đoan chánh (2) dẽ nghe,
Chàng càng thêm nễ thêm vì mười phân.
Bóng tàu (3) vừa lọt vẻ ngân, (4)
Tin dẫu đã gõ cửa ngăn gọi vào ;
Nàng thì vội trở buồng thêu,
Sanh thì ráo gót sân đào bước ra.

15.- Cửa ngoài vừa ngỏ then hoa,
Gia-đồng vào gửi thơ nhà mới sang.
Mở xem thủ bút nghiêm-đường,
Nhận rằng : « Thúc phụ xa đàng mạng chung ;
« Háy còn kỷ táng Liêu-Đông,
« Cố hương khơi diên ngàn trùng sơn khê.
« Rày đưa linh sấn về quê,
« Thế nào con cũng phải về hộ tang. »
Mảng tin xết nổi kinh hoàng,
Băng mình lên trước đài-trang tự-tình ;
Gót đầu (5) mọi nổi đình-ninh,
Nổi nhà tang tóc, (6) nổi mình xa xuôi :
« Sự đâu chưa kịp đôi hồi !
« Duyên đâu chưa kịp một lời trao tơ !

(1) Tấn, Tạ-Côn chấp lân nữ, nữ di xoa đầu chiếc lược xi. Thích : Người Tạ-Côn nhà Tấn gheo con gái hàng xóm, bị con gái ấy lấy thoi (của nó đang dệt cửi) quăng gãy mất hai cái răng.

(2) Đoan chánh là ngay thẳng.

(3) Tàu là cái rường nhà. Thơ Hoa-Tiên có câu : « Nàng hồng duyên chằng chấp nhau, mái tây chi đề bóng "Tàu" xế trắng.

(4) Cỗ thi : Nguyệt sắc như ngân câu. Thích : Sắc mặt trắng như vòng bạc.

(5) Gót đầu là đầu đuôi gốc ngọn.

(6) Tang tóc là để tang, để chế.

« Trǎng thề còn đó sờ sờ,
« Dám xa-xuôi mặt, mà thừa thốt lòng.
« Ngồi ngàn dặm, chốc ba đông, (1)
« Mối sầu khi gỡ cho xong, còn chầy !
« Gìn vàng, giữ ngọc cho hay,
« Cho đành lòng kẻ chọn mây cuối trời ! » (2)
Tai nghe ruột rối bời-bời,
Ngập ngừng, nàng mới giải lời trước sau :
« Ông tơ ghét bỏ chi nhau ?
« Chưa vui sum-hiệp, đã sầu chia-phui ; (3)
« Cùng nhau trót đã nặng lời,
« Dẫn thay mái tóc, dám dời lòng tơ !
« Quấn bao tháng đợi năm chờ,
« Nghĩ người ăn gió năm mưa xót thẳm. (4)
« Đã nguyện hai chữ đồng-tâm,
« Trăm năm thề chẳng óm cầm thuyền ai. (5)
« Còn non, còn nước, còn dài,
« Còn về, còn nhớ đến người hôm nay ! »
Dùng-dằng chưa nỡ dời tay,
Vàng đồng, trông đã đứng ngay nóc nhà.
Ngại-ngùng một bước một xa,
Một lời trân trọng, châu sa mấy hàng.
Buộc yên, quấy gánh vợi vàng,
Mối sầu xẽ nữa, bước đàng chia hai.

(1) Ba đông là ba năm (tam niên tang).

(2) Xa xuôi.

(3) Chia-phui là phân-rẽ nhau ra.

(4) Tô thi : Lộ túc phong xang lục bách lý. Thích : Trong Tô thi : Xa xuôi trăm dặm trường đình, năm mưa ăn gió một mình xót xa.

(5) Đường thi : Khằng bả tì-bà quá biệt thuyền. Thích : Trong Đường thi : Nỡ óm đờn tì-bà qua thuyền khác. — Lại trong Thiên-Hương-Tập có câu : Thiếp kí di thân hứa quân, tuy toái ngọc trầm châu, bất nhàn bảo tì-bà quá biệt thuyền đả. Thích : Thiếp đã thân hứa cho chàng, tuy rằng nát ngọc phai vàng dám sai ; nỡ nào sang bước thuyền ai, óm đờn mà khây những bài tình chung.

Buồn trông phong cảnh quê người,
Đầu nhành quỳên nhất, cuối trời nhạn thưa.
Nào người chải gió dầm mưa,
Một ngày nặng gánh tương-tư, một ngày.

16.- Nàng còn đứng dựa hiên tây,
Chín hồi vấn vít như vầy mối tơ ;
Trông chừng khói ngót song thưa,
Hoa trôi chác thắm, liễu xoắn-xác vàng. (1)
Tần-ngần rảo gót lầu trang,
Một đoàn mình thợ ngoại hương, mới về.
Hàn-huyên chưa kịp giải giề, (2)
Sai người bỗng thấy bốn bề lao-xao.
Người nách thước, kẻ tay đao,
Đầu trâu, mặt ngựa, ào ào như sóng.
Gia-giang (3) một lão một trai,
Một dây vô-loại buộc hai thâm-tình ;
Đầy nhà vang tiếng ruồi xanh, (4)
Rụng-rời không-cử, tan-tành gói may.
Đồ tế nhuyễn, (5) của riêng-tây,
Sạch sành-sanh, (6) vét cho đầy túi tham.
Đều đâu bay buộc ai làm ?
Này ai đan rậm (7) giạt giãm (8) bỗng nhưng ?
Hỏi ra, sau mới biết rằng :
Phải tên xung suất tại thẳng bán tơ.

(1) Chỉ qua mùa thu.

(2) Giải giề : là bày tỏ, cắt nghĩa nguồn cơn.

(3) Gia-giang là đóng gông.

(4) Kinh thi : Thường những chi thình. Thích : Trong Kinh thi : Cái tiếng ruồi chỉ nha lại, lệ dịch).

(5) Đồ tế nhuyễn là đồ kính, đồ nhỏ như nữ trang.

(6) Sạch sành-sanh là lấy sạch bách.

(7) Đan rậm nghĩa là chuyện ít suýt ra cho nhiều đặng vu oan cho người ta.

(8) Giạt giãm là kéo bẫy.

Một nhà hoảng-hốt ngàn-ngơ,
Tiếng oan dấy dứt, án ngờ lừa máy.
Hạ từ, (1) van vái trót ngày,
Điếc tay lân-tuất, phũ tay tời tàn ;
Rường cao, rút ngược dây oan,
Dẫu là đá cũng nát gan, lựa người.
Mặt trông đau đớn rụng rời,
Oan này còn một kêu trời, nhưng xa !
Một ngày lạ thói sai-nha (2)
Làm cho khốc hại, (3) chẳng qua vì tiền.
17.- Sao cho cốt nhục vẹn tuyền,
Trong khi ngộ biến lòng quyền, biết sao ?
Duyên hội ngộ, đức cù-lao,
Bên Tình, bên Hiếu, bên nào nặng hơn ?
Đề lời thệ-hải minh-son, (4)
Làm con trước phải đền ơn sanh thành.
Quyết tình, nàng mới hạ tình : (5)
« Hỡi cho đề thiếp bán mình chuộc cha ! »
Họ Chung có kể lại già,
Cũng trong nha-dịch, lại là từ-tâm ;
Thấy nàng hiếu-trọng tình thâm,
Vi nàng, nghĩ cũng thương thầm xót vay !
Tính bài lót đó, luồn đây,
Có ba trăm lạng việc này mới xuôi.
Hãy về tạm phó giam ngoài,
Nhủ nàng qui liệu (6) trong đôi ba ngày.

-
- (1) Hạ từ là hạ mình xuống mà xin.
(2) Sai nha là kẻ quan sai (nhà tơ).
(3) Khốc hại là làm sự độc dữ.
(4) Hoa-tiên : Sơn minh hải thệ hựu cố phụ. Thích : Trong Hoa-tiên : Chỉ núi thờ sông đầu đám quên.
(5) Hạ-tình là đẹp cái tình lại, mà lo hiếu.
(6) Qui liệu là tính toán cho xong.

Thương tình con trẻ thơ-ngây,
Gặp cơn họa bực, tai bay bất kỳ !
Đau lòng tử biệt sanh ly,
Thân còn chẳng tiếc, tiếc gì đến duyên !
Hột mưa (1) sá nghĩ phận hèn,
Liều đem tấc cỏ, quyết đền ba xuân ! (2)

18.- Sự lòng ngộ với băng-nhơn, (3)
Tin sương đồn-đại xa gần xôn-xao.
Gần miền có một mục nào,
Đưa người viễn-khánh, tìm vào vấn danh.
Hỏi tên, rằng : « Mã-giám-Sanh, »
Hỏi quê, rằng : « Huyện Lâm-Thanh cũng gần. »
Quá niên giặc ngoại tử-tuần,
Mây râu nhẵn-nhụi, áo quần bảnh-bao ; (4)
Trước thầy, sau tớ lao-xao,
Nhà băng đưa mỗi, rước vào lâu trang ;
Ghế trên ngồi tốt số sàng,
Bường trong, mỗi đã giục nàng kip ra.
Nỗi mình, đương tức nỗi nhà,
Thềm hoa một bước, lụy hoa mấy hàng !
Ngại-ngùng dạn gió e sương,
Nhìn hoa bóng thẹn, trông gương mặt dày :
Mỗi càng vén tóc bắt tay,
Nét buồn như cúc, điệu gầy như mai. (5)
Đẩn-đo cân sắc, cân tài,
Ép cung cầm-nguyệt, thử bài quạt thơ.
Mặt-nhông một vẻ một ưa,

(1) Hột mưa nghĩa là thân phận đờn bà. Tục ngữ có nói : « Thân em như hột mưa đào, hột sa xuống giếng, hột vào vườn hoa ».

(2) Mạnh-giao thi : Dục trương thốn thảo tâm, báo đáp tam xuân huy. Thích : Thơ Mạnh-giao : Muốn đưa tấc cỏ lòng con, để mà báo đáp cho tròn ba-xuân.

(3) Băng-nhơn là người làm mai, làm mối.

(4) Nhẵn-nhụi là trơn-tru ; bảnh-bao là tử tế.

(5) Dung đậm như cúc, cách sáu như mai. Thích : Hình dung lợt lạt như nhành cúc, cốt cách óm gầy giống vóc mai.

Bằng lòng, khách mới tùy cơ dặt-diu.

Rằng : « Mua ngọc đến Lam-Kiều,

« Sinh nghi xin dạy bao nhiêu cho tương ? »

Mối rằng : « Đáng giá ngàn vàng,

« Rắp nhà, nhờ lượng người thương dám nài ! »

Cò-kè bớt một thêm hai,

Giờ lâu ngã giá, vưng ngoài bốn trăm.

Một lời, thuyền đã êm-dầm,

Hãy đưa canh-thiếp, trước cầm làm ghi.

Định ngày nạp thề vu qui, (1)

Tiền lưng đã có, việc vì chẳng xong ?

19.- Một lời câu với Chung-Công,

Khất-tờ tạm lánh Vương-Ông về nhà :

Thương tình con trẻ cha già,

Nhìn nàng, ông những máu sa ruột dầu :

« Nuôi con những ước về sau,

« Trao tơ (2) phải lừu, gieo cầu (3) đáng nơi !

« Trời làm chi cực bấy trời !

« Này ai vu-thác, cho người hiệp tan !

« Phủ cân (4) bao quản thân tàn,

« Nỡ đày-đọa trẻ, càng oan-khốc già !

« Một lần sau trước cũng là,

« Thôi thì mặt khuất, chẳng thà lòng đau ! »

(1) Nạp thề vu qui : Cưới rồi đưa dâu.

(2) Đường, Trương-Công ngũ nữ, các chấp-nhứt sắc tư, Thọ-Nguyên-Chấn khiến chi, hạnh hoạch mỹ nữ. Thích : Ông Trương-Công đời Đường sanh được năm người con gái. Lúc kén rể biểu năm người con gái ấy, mỗi người cầm một mối chỉ khác sắc nhau, rồi trao mỗi chỉ đầu kia cho người Nguyên-Chấn rút, may rút nhằm mối chỉ của người con gái lịch sự.

(3) Cò dả công nữ trạch tế, tại lầu thượng đầu hoa châu, trúng dõ tức tế dã. Thích : Đời xưa con gái quan lớn chọn rể, ngồi trên lầu gieo cầu xuống, trúng nhằm người nào thì người ấy là rể đó.

(4) Phủ cân là búa rìu.

Theo lời càng chảy dòng châu,
Liều mình ông rắp gieo đầu tường vôi.
Vội vàng kẻ giữ, người coi,
Nhỏ to, nàng lại tìm lời khuyên can :
« Vẻ chi một mảnh hồng-nhan ! (1)
« Tóc tơ, chưa chút dền ơn sanh-thành !
« Dưng thơ đã thẹn Nàng-Oanh, (2)
« Lại thua Á-Lý (3) bán mình hay sao ?
« Cội thung tuổi hạc càng cao,
« Một cây gánh vác biết bao nhiêu nhành ?

(1) Mảnh hồng-nhan là thân phận con gái.

(2) Đời nhà Hán nàng Đê-Oanh là con Thuận-vu-Khôn. Cha bị tội đáng chết, nàng Đê-Oanh dưng thơ tâu với vua Văn-Đế, xin bán mình vào cung mà chuộc tội cho cha. Vua cảm tình hiếu ấy mà tha cha nàng.

(3) Đường-Đại Tụng thư : Ngô-Việt xuân-thu, Lý gia hữu ngữ nữ, bản thậm, cư thôn phụng xà thần, mỗi niên tất mài nhưt nữ di hường, chí thử nan chi. Lý chi qui nữ thị Ký, ngôn ư phụ mẫu viết : “ Thiếp bất năng như Đê-Oanh thượng thư cứu phụ, hựu bất năng mại thân cứu bản da ? Phụ mẫu lân chi bất thính ; Ký cố thỉnh chi, chí nhưt, Ký dĩ phệ xà khuyên, nhưt lợi kiểm dư phần miếng di vàng. Xà xuất, tiên dĩ phần miếng tự chi, phóng khuyên phệ xà, xà quyện, dĩ kiểm trăm chi ; phúc kỳ huyết, đất tiền sò phụng chủ nữ cốt, xà trường thập xích dư ; tự thị quái tuyết, Việt vương văn chi, sinh vi hậu. Thời nhơn viết : Luru-Quý trăm xà vi đế, Lý-Ký trăm xà vi hậu, thiên hạ bất khả vô đối. Thích : Tập Tụng thi đời Đường có nhắc tích : Ngô-Việt xuân-thu, nhà họ Lý có năm đưa con gái, nhà nghèo lắm ; trong làng ấy có thờ thần Rắn, mỗi năm phải mua một đứa con gái mà cúng thần. Đến phiên nhà họ Lý thì đứa con gái út là thị Ký nói với cha mẹ rằng : “ Tôi không được như nàng Đê-Oanh dưng thơ cứu cha, lại chẳng hay bán mình mà đỡ nghèo sao ? Cha mẹ thương không cho ; thị Ký cứ xin đi hoài. Đến bữa cúng thần, thị Ký đem theo một con chó biết cắn rắn, một cái gươm bén và bánh bột mì. Đến nơi rắn bò ra, thị Ký trước quăng bánh bột mì cho nó ăn, rồi thả chó cho cắn con rắn ấy ; khi rắn mệt rồi thì nàng ấy cầm gươm chém nó. Đào hang rắn coi thì đặng xương của mấy người con gái cúng hồi trước. Con rắn ấy dài hơn mười thước. Từ đó rồi không có vật quái nữa. Vua Việt-vương nghe chuyện ấy, rước thị Ký về cho làm hậu. Người đời ấy nói rằng : “ Ông Luru-Quý chém rắn làm vua, nàng Lý-Ký chém rắn làm hoàng-hậu, trong thiên hạ chẳng nên không cặp.”

« Lòng tơ dẫu chẳng đứt lnh,
« Gió mưa âu hẳn tan.tành nước non !
« Thà rằng liều một thân con,
« Hoa dẫu rã cánh, lá còn xanh cây.
« Phận sao, đành vậy cũng vậy,
« Cầm như chẳng đợi những ngày còn xanh ! (1)
« Cũng đừng tính quàn lo quanh,
« Tan nhà là một, thiệt mình là hai ! »
Phải lời, ông cũng êm tai,
Nhìn nhau giọt vẫn, giọt dài ngỗn-ngang (2).
Mái ngoài, họ Mã vừa sang,
Tờ hoa đã kỹ cân vàng mới trao.
Trăng già (3) độc địa làm sao ?
Cầm dây chẳng lựa buộc vào tự-nhiên !
Trong tay đã sẵn đồng tiền,
Dầu lòng đổi trắng thay đen, khó gì ?
Họ Chung ra sức giúp vì,
Lễ tâm (4) đã dứt, tụng kỳ cũng xong.
20.- Việc nhà mới tạm thông-dong,
Tình-kỳ (5) giục-giã đã mong độ về.
Một mình nương ngọn đèn khuya,
Áo dầm giọt tủi, tóc chia mái sầu.
« Phận dẫu, dẫu vậy cũng dẫu,
« Xót lòng đeo-đẳng bấy lâu một lời !
« Công-trình kẻ biết mấy mươi ?
« Vì ta khăng-khít (6) cho người dở dang !

(1) Kề cũng như lúc còn thơ mà nuôi không đặng vậy.

(2) Ngỗn-ngang là dọc ngang.

(3) Trăng già là bà Nguyệt-lão.

(4) Lễ tâm là lễ đến lạy quan lớn gọi là lòng thành.

(5) Hôn giã kiến tinh nhi hành. Thích : Lễ đưa dâu, lúc còn thấy sao mà đi đưa.
(Chỉ là cưới về đêm).

(6) Khăng-khít là chặt-chặt.

« Thề hoa chưa ráo chén vàng,
« Lỗi thề thôi đã phụ phàng với hoa !
« Trời Liâu (1) non nước bao xa,
« Nghĩ đâu rẽ cửa, chia nhà từ tôi !
« Biết bao duyên nợ thề bồi !
« Kiếp này thôi thế là thôi còn gì ?
« Tái-sanh (2) chưa dứt hương thề,
« Làm thân trâu ngựa (3) đền nghi trước-mai !

(1) Liâu là đất Liâu-Dương, quê của Kim-Trọng.

(2) Trương-Sanh duyệt Lữ-Công nữ, nữ bạo tốt, tư chi, mỗi thực chức chi. Hậu nữ hình hiện tương dữ tù mu ngũ niên. Hốt viết « Kiếm đất thác sanh Hà-Bắc, Lữ hộ hộ gia. Như bất vọng, hậu thập ngũ niên vàng phùng chi. » Sanh y ngôn, chí Hà-Bắc, mộng nhưt đồng dân dục ư trỉ, cấp tình, tu phát tận lạc, diện văn diệt cải. Nữ khuy Sanh tặng-hết phủ, tru uất nhi tử. Hậu Sanh mộng nữ chí, viết : « Quả quân da, tốc chiêu hồn khả huyệt dã. » Sanh nhập vấn Lữ-Công, ngôn chiêu hồn chi, tái tô toại thành lễ, huê qui. Thích : Người Trương-Sanh muốn con gái ông Lữ-Công, con gái ấy chết sớm ; Trương-Sanh nhớ lắm mỗi bữa ăn đều vái. Sau đưa con gái hiện hình ra ở với người ấy năm năm. Ngày kia con gái ấy nói : « Nay được đầu thai nơi nhà quan Lữ hộ bộ ở Hà-Bắc, nếu bụng-chàng còn thương chàng quên thì sau 15 năm qua đó hỏi thăm nhà đến mà viếng. Trương-Sanh y lời, sau đến Hà-Bắc, chiêm bao thấy một đứa tiều-đồng dắt mình đi tìm nơi ao, đến khi tỉnh giấc thì râu tóc rụng hết, gương mặt cũng khác. Nàng con gái thấy Trương-Sanh tặng mạo không giống như trước râu nhó mà chết. Sau Trương-Sanh chiêm bao thấy nàng ấy đến nói rằng : « Quả thiệt chàng đây mơ, phải kịp chiêu hồn thì tôi sống lại. » Trương-Sanh liền vào thưa với ông Lữ-Công làm lễ chiêu hồn, rồi nàng ấy sống lại, Sanh cưới nàng đem về. (Ấy là một tích tái sanh).

(3) Liâu-trai : Tích nhưn hữu thọ trái bất hườn, tử hậu thác sanh vi chủ gia nguuru mã, đi thường chí. Thích : Trong Liâu-trai : Xưa có người mắc nợ người ta không trả được, sau chết đi, rồi đầu thai lên làm trâu ngựa nhà ấy đền mà bồi đó.

« Nợ tình chưa trả cho ai,
« Khối tình (1) mang xuống tuyền-đài (2) chưa tan ! »
Nỗi riêng, riêng những bàng-hoàng,
Dầu chong trắng đĩa, lụy tràn thấm khăn.
Tuyết-Vân chợt tỉnh giấc-xuân,
Dưới đèn ghé đến ân-cần hỏi han :
« Cơ trời dầu bề đa đoan,
« Một nhà đề chị riêng oan một mình.
« Cớ gì ngồi những tàn canh,
Nỗi riêng còn mắc mối tình chi dày ? »
« Rằng : « Lòng đương thồn thức đầy,
Tơ duyên còn vướng mối này chưa xong.
« Hở mối ra, cũng thẹn thùng,
« Đẽ lòng, thì phụ tấm lòng với ai !
« Cậy em, em có chịu lời,
« Ngồi lên cho chị lạy rồi sẽ thưa,
« Giữa đàng dứt gánh tương-tư, (3)
« Giao-loan chấp mối (4) tơ thừa mắc em,
« Kể từ khi gặp chàng Kim,
« Khi ngày quạt ước, khi đêm chén thề.

(1) Tích hữu nhứt nữ duyệt nhứt thương già, bất chi, nữ uất tử. Kỳ phụ phần thi, tâm trung kiết thành nhứt khối, chùy chi bất phá, chiếu chi trung tợ nhứt thương già. Thương chí, hiến bửu cầu kiến ; lụy hạ dung nhi vi huyết. Thích : Có một nàng con gái phải lòng một người lái buôn, (thương yêu nhau lắm) ; sau tên lái buôn không đến nữa, nàng ấy rầu rĩ mà chết. Người cha đốt thầy, trong bụng nàng ấy có một khối đập không nát, coi kỹ lại giống hình dạng tên lái buôn. Tên này nghe chuyện ấy rồi đến, đem dung của báu cho người cha cầu xin coi cái khối đó ; tên lái buôn khóc, nước mắt nhỏ vào khối ấy bèn tan ra huyết.

(2) Tuyền-đài là cửu tuyền.

(3) Tương-tư là sự thương nhớ nhau.

(4) Đào-Cốc tặng Tân-Nhược-Lan thi : Đãi đất loan giao tục đoạn huyền, thị hà niên. Thích : Thơ Đào-Cốc tặng Tân-Nhược-Lan : « Chờ khi gấn được keo loan, hỏi rằng nói mối tơ đàn năm nao ?

« Sự đầu sóng gió bất kỳ,
« Hiếu tình, khôn nhẽ hai bề vẹn hai !
« Ngày xuân em hãy còn dài,
« Chút tình máu-mủ, thay lời nước non ;
« Chị dầu thịt nát xương mòn,
« Ngậm cười (1) chín tuổi hãy còn thơm lây !
« Chiếc xoa với birc tờ mây,
« Duyên này thì giữ, vật này của chung ;
« Dầu em nên vợ nên chồng,
« Xót người mạng bạc, ắt lòng chẳng quên.
« Mắt người còn chút của tin,
« Phim đèn với mảnh hương nguyên ngày xưa.
« Mai sau dầu có bao giờ,
« Đốt lò hương ấy, lựa tờ phim này ; (2)
« Trông ra ngọn cỏ lá cây,
« Thấy hiu-hiu gió, thì hay chị về.
« Hồn còn mang nặng lời thề,
« Nát thân bồ-liễu, đền nghì trước-mai. (3)
« Dạ-đài, (4) cách mặt khuất lời,
« Rảy xin chén nước cho người thác oan !

(1) Hàm tiếu nhập địa. Thích : Ngậm cười xuống đất.

(2) Kiểu lưu thơ vân : « Tha nhứt đồng ngã mụi, phần hương điệu cảm, canh ca độ khúc ; hương yên liễu nhiều, thê phương tịch lịch nhi lai, thiếp hồn tại yên, hạnh dĩ bị nhược lịch ngã oán hôn ». Thích : Túy-Kiểu lưu thơ lại : « Ngày sau đồng với em ta, thì đốt hương khảy đèn cầm và ca hết bài đờn ; khói hương bay nghi ngút, gió hơi lạnh lẽo phất, ấy là hồn chị về đó, may nhờ lấy chén nước rưới cái hồn oan cho ta. »

(3) Bồ-liễu là phận con gái. Trước-mai là vợ chồng.

(4) Nguyễn-Giao thi : Minh minh cửu nguyên thất ; mạn mạn trường dạ đài. Thích : Thơ Nguyễn-Giao : Cửa nhà chín tuổi mù mù ; canh trăng quạnh quạnh là nơi « dạ đài ».

« Bây giờ gương vỡ bình tan, (1)
« Kề sao cho xiết muộn vãn ái ân !
« Trăm ngàn gửi lạy tình quân,
« Tơ duyên vẫn-vội có ngần ấy thôi !
« Phận sao phận bạc như vôi ?
« Đã đành nước chảy hoa trôi (2) lữ-làng,
« Ôi Kim lang ! hỡi Kim lang !
« Thôi thôi thiếp đã phụ chàng từ đây ! »
Cạn lời phách tán hồn bay,
Một hơi lặng-ngắt, đôi tay lạnh-đồng.
Thung-huyền chợt tỉnh giấc nồng,
Một nhà tập nập kẻ trong, người ngoài ;
Kẻ thang, người thuốc bời-bời,
Mới người con vụng, chưa phai giọt hồng.
Hỏi : « Sao ra sự lạ lung ? »
Kiều càng nức-nỡ (3), mở không ra lời.
Nỗi nàng Vân mới dĩ tai,
« Chiếc xoa này với tờ-bồi ở đây.
« Này cha làm lỗi duyên may !
« Thôi thì nỗi ấy, sau này đã em !
« Vì ai rụng cái rơi kim, (4)
« Dề con bèo nổi, mây chìm vì ai ?
« Lời con dặn lại một hai,
« Dẫu mòn bia đá, dẫu sai tấc vàng ! »

(1) Từ-Đức-Ngôn dừ Lạc-Xương công chúa phá cảnh tương biệt (Người Từ-Đức-Ngôn với bà Lạc-Xương Công-chúa là vợ chồng, đến khi giặc hãm thành bèn đập bè hai cái kiến chia cho nhau, dặn nhau rằng sau muốn nhìn nhau phải đem kiến vờ ấy đến chợ mà bán).

(2) Đường thi : Thủy lưu hoa tạ lưỡng vô tình. Thích : Trong Đường thi : Nước trôi hoa rụng thình lình, cho hay là thói vô tình với nhau.

(3) Nức-nỡ là tức tối.

(4) Hồ phách thập đới ; từ thạch dẫn trâm : Hồ phách bắt hột cải, đá nam châm hút kim. (Câu này chỉ nghĩa vì ai mà vợ chồng phân rẽ nhau).

Lạy rồi nàng mới thưa chường,
« Nhờ cha trả được nghĩa chàng cho xuôi.
« Sá chi thân phận tôi-đòi,
« Dầu rằng xương trắng quê người quản đâu. »

21.- Xiết bao kẻ nổi thắm-sầu,
Khắc canh đã giục nam-lâu mấy hồi.
Kiệu hoa đâu đã đến ngoài,
Quản, huyện, (1) đâu đã giục người sinh lý.
Đau lòng kẻ ở người đi,
Lụy rơi thắm đá, tấc chia rỗi tấm.
Trời hôm mây kéo tối dầm, (2)
Dầu-dầu ngọn cỏ dầm dầm nhánh sương.
Rước nàng về đền trú-phường, (3)
Bốn bề xuân-tỏa, một nàng ở trong.
Ngập-ngừng then lục e hồng,
Nghĩ lòng, lại xót xa lòng đời phen :
« Phàm tiên rơi đến tay hèn,
« Hoài công (4) nặng giữ mưa gìn với ai !
« Biết thân đến bước lạc-loài,
« Nhụy đào thà bẻ cho người tình chung. (5)
« Vì ai ngẩn đón gió đông,
« Thiệt lòng khi ở, đau lòng khi đi !
« Trùng phùng (6) dầu họa có khi,
« Thân này thói có còn gì mà mạng !
« Đã sinh ra số long-dong,

(1) Quản là sáo ; huyện là đàn, chỉ nhạc rước ở đâu.

(2) Cờ thi : Hoàng hôn phong vô hắc như lam. Thích : Trong Cờ thi : Gió mưa
đêm đen như chàm.

(3)-Trú phường là chỗ ở tạm.

(4) Hoài công tức công, uông công.

(5) Người tình chung đây là Kim-Tiêng.

(6) Trùng phùng là gặp lại (dầu may mà có gặp lại nữa).

« Còn mang lấy kiếp má hồng đặng sao ? »
Trên yên sẵn có con dao,
Giấu cầm nàng đã gói vào chéo khăn :
« Phòng khi nước đã đến chơn,
« Dao thì liệu với thân sau này. »
Điền sầu một khúc một chày,
Báng-khuông như tỉnh như say một mình.
Chẳng ngờ gã Mã-giám-Sinh,
Vãn là một đũa phong-tinh đã quen.
Qua chơi lại gặp hồi đen,
Quen mời lại kiếm ăn miền nguyệt-hoa.
Lầu xanh có mục Tú-bà,
Làng chơi (1) đã trở về già hết duyên.
Tình cờ chẳng hẹn mà nên,
Mặt cửa, mướp đặng, đôi bên một phường. (2)
Chung lưng mở một ngôi hàng, (3)
Quanh năm buôn phấn bán hương đã lẽ. (4)
Dạo tìm khắp chợ thì quê,
Giã danh hầu hạ, dạy nghề ăn chơi.
Rủi may, áu cũng sự trời,
Đoạn-trường lại soạn mặt người vô-duyên !
Xót nàng chút phận thuyền-quyên,
Nhành hoa đem bán vào thuyền lái-buôn !
Mẹo lừa đã mắc vào khuôn, (5)
Sinh nghi rẻ giá, nghinh hôn sẵn ngày.
Mình thầm : « Cờ đã đến tay, (6)
« Càng nhìn vẻ ngọc, càng say khúc vàng ;
« Đã nên quốc-sắc thiên-hương,

(1) Làng chơi là bợm chơi.

(2) Mặt cửa, mướp đặng là đồ điều ngoan.

(3) Ngôi hàng là cửa hàng.

(4) Năm này qua năm kia đều thường làm nghề nuôi đi, bán đi.

(5) Đã bị mắc mớp.

(6) Tục ngữ : « Cờ về tay ai ».

« Một cười này, hẳn ngàn vàng chẳng ngoa !
« Về đây, nước trước bể hoa,
« Vương-tôn, qui-khách, ắt là đua nhau.
« Hẳn ba trăm lượng kèm đầu ?
« Cũng là vira vốn, còn sau thì lời !
« Miếng ngon kê đến tận nơi,
« Vốn nhà cũng tiếc, của trời cũng tham.
« Đào-tiên đã bèn tay phàm,
« Thì vin nhanh quit (1) cho cam sự đời !
« Dưới trần mấy mặt làng chơi,
« Chơi hoa đã để mấy người biết hoa !
« Nước vô-lự, máu mồng-gà, (2)
« Mượn màu chiêu-tập (3) lại là còn nguyên !
« Mập-mờ đánh lận con đen, (4)
« Bao nhiêu cũng bấy nhiêu tiền, mất chi !
« Mụ già hoặc có đều gì,
« Liều công mất một buổi qui mà thôi.
« Vả dầy dằng-sá xa xuôi,
« Mà ta bất động, nửa người sanh nghi. (5) »
Tiếc thay một đóa trà-mi, (6)
Con ong đã mở đường đi lối về.

(1) Lương-giản-văn-Quit thi : « Phàn chi chiết phiêu cán, cam chi nhược Quỳnh-tương. Thích : Người Lương-giản-văn-Quit có làm thơ : Vịn nhanh mà gãy cả cây, những đều ngon ngọt chỉ tay Quỳnh-tương.

(2) Bắc lý chi : Thanh lâu trung, khách phiêu hậu, dụng lưu bì than tỳ quá ; thốc kê quan thủ đơn, giá vị nguyên vật. Thích : Sách Bắc lý chi có nói : Nơi thanh lâu, khi khách chơi rồi thì dùng nước vô-lự rửa qua đi, rồi lấy máu mồng-gà bôi vào giá làm đồ nguyên.

(3) Chiêu-tập là dùng đồ làm cho sẵn da lại.

(4) Con đen là người phàm phu (lê dân)-

(5) Bôn thơ : Tú-bà nhược liễu, bà cụ diện không phụng thừa, tha tiện bất quái ngã liễu. Thích : Mụ Tú-bà nếu biết rõ, thì đem gương mặt ngày xưa đến bưng to để quan thì cũng khỏi trách móc mình đặng.

(6) Đường thi : Khai đáo trà-mi hoa sự liễu. Thích : Đường thi : Đến chơi xong trà-mi nở thì hết mùa chơi hoa rồi.

Một cơn mưa gió nặng nề,
Thương gì đến ngọc, tiếc gì đến hương ? (1)

Đêm xuân một giấc mơ màng,
Đuốc hoa đèn đỏ, mực nàng nằm trơ.

Nỗi riêng làm-tả (2) tuôn mưa,
Phần cảm nỗi khách, phần nhớ nỗi mình :

« Tuồng chi là giống hôi tanh ?
« Thân ngân vàng để ó danh má-hồng !

« Thôi còn chi nữa mà mong !
« Đời người đến thế, là xong một đời ! »

« Giận duyên tội phận bởi-bởi,
Cầm dao, nàng đã toan bài quyên-sinh. (3)

Nghĩ đi nghĩ lại một mình :
« Một tình thì chớ, hai tình thì sao ? (4)

« Sau đầu sanh sự thế nào,
« Truy nguyên, chẳng kéo lụy vào song thân !

« Đánh liều ầu cũng giần dần,
« Kịp chầy, thôi cũng một lần mà thôi ! »

22.- Những là do-dẫn ngược-xuôi,
Tiếng gà nghe đã gáy xối mái tường.

Lầu mai vừa rúc còi sương,
Mả-Sinh giục già vội vàng ra đi.

(1) Bồn thơ : Hốt bị cuồng phong đổ vỡ, khởi tri tích ngọc liên hương. Thích : Thoát bị gió dữ mưa hung, há biết tiếc ngọc gìn hương.

(2) Tâm-tả là lẽ chẵn.

(3) Quyên sinh là liều sự sống.

(4) Bồn thơ : Kiêu thốn đạo : Tha phi ngân thảo ngã, ngã nhược tử liễu, tha khởi cam tâm, tất liên lụy ngã phụ thân : Bài ! bài ! phạo đất nhưt tứ phóng tại hung trung : thà đáo tha gia như bất thỏa thiệp tử tại tha gia vị tri. Thích : Nàng Kiều ngấm nghĩ rằng : "Người ta đã tốn tiền bạc mà mua mình, mình nếu mà chết đi, người ta dễ đánh lòng làm thình cho sao ? (Kiện thừa ra) liên lụy đến cha mình. Thôi ! thôi ! sự chết đứng có đề trong bụng nữa, thà đến nhà người ta rồi không có thỏa mình sẽ chết nhà người ta không chậm gì.

Đoạn-trường thay, lúc lâm-kì ! (1)
Vó câu khắp-khênh, bành xe gập-ghềnh.
Bả ngoài mười dặm trường-đình, (2)
Vương-ông gánh tiệc tiễn hành-đưa theo,
Ngoài thì chủ khách dập-dìu,
Một nhà huyền với một Kiều ở trong.
Nhìn càng lã-chã giọt hồng,
Rỉ tai nàng mới giải lòng thấp cao :
« Hồ sanh ra phận thơ-đào,
« Công cha nghĩa mẹ, kiếp nào trả xong ?
« Lỡ làng nước đục, bụi trong, (3)
« Trăm năm để một tấm lòng từ dày.
« Xem gương trong mấy nhiều ngày,
« Thân con chẳng kéo mắc tay bọm giã.
« Khi về, bỏ vắng trong nhà,
« Khi vào dùng-dặng, khi ra vọt-vàng ;
« Khi ăn, khi nói lữ-làng,
« Khi thầy khi tớ, xem thường xem khinh,
« Khắc mâu kẻ quý người thanh,
« Gẫm ra cho kĩ như hình con-buôn.»
Thôi ! « Con còn nói chi con ?
« Sống nhờ đất khách, thức chôn quê người. (4) »

(1) Lâm-kì là chỗ đang chia ra nhiều nẻo. Đây chỉ là lúc phân rẽ nhau.

(2) Hán chế : Ngũ lý nhất đoàn-đình, thập lý nhất trường-đình. Thích : Nhà Hán chế : Năm dặm một cái đoàn-đình, mười dặm làm một cái trường-đình.

(3) Tình ảo loại : Giả-Sinh dử Ngụy-Bằng biệt viết : « Vân nê dị lộ, trước thủy thanh trần ». Ngôn thủy bồn thanh, nhi phân trước, trần bồn trước nhi hườn thanh. Thích : Trong sách Tình ảo : Người Giả-Sinh từ giả người Ngụy-Bằng có câu rằng : « Vân nê dị lộ, trước thủy thanh trần. » Là ý nói nước vốn trong, mà lại đục ; bụi vốn đục mà lại trong.

(4) Vương ông viết : « Nhi, Kiêm sanh thị tha hương nhơn, tử thị tha hương qui. » Thích : Ông Viên-ngoại nói rằng : « Con, may sống là người làng người ta, thì chết cũng là ma làng người ta.

Vương-bà nghe bấy nhiêu lời,
Tiếng oan đã muốn vạch trời kêu lên.
Vài tuần chưa cạn chén khuyên, (1)
Mái ngoài nghĩ đã giục lên ruồi xe.
Xót con lòng nặng tri-tri,
Trước yên ông dữ năn-ni thấp cao :
« Chút thân, yếu liễu tơ đào,
« Cực nhà đến nỗi chen vào tới người.
« Từ đây góc biển bên trời,
« Nặng mưa thui-thủi quê người một thân.
« Ngân tâm, nhờ bóng tùng quân,
« Tuyết sương che chở cho thân cát-đăng. (2) »
Cạn lời khách mới thưa rằng :
« Buộc chơn thôi cũng xích-thăng nhiệm trao. (3)
« Mai sau dầu đến thế nào,
« Kia gương như nguyệt, nọ dao quỷ thần ! »
Đùng đùng gió giục mây vần, (4)
Một xe trong cõi hồng trần như bay ; (5)
Trông vời, gạt lụy chia tay,
Góc trời thăm thẳm, đêm ngày dăm-đăm. (6)
Nàng thì cõi khách xa-xăm,
Bạc phau cầu giá, đen dầm ngàn mây ;

(1) Chén khuyên là chén rượu (khuyên lơn) mà đưa con.

(2) Chàng ví cũng như cây tùng cao ngàn tầm, xin gửi gắm con ta (Túy-Kiều) hèn hạ như dây cát-đăng (loài dây leo cây).

(3) Đường Vi-Cổ ngộ lão nhơn xích thăng hệ túc, hoan thù khả hiệp. Thích : Ngươi Vi-Cổ nhà Đường, gặp ông Nguyệt-Lão dùng chỉ đỏ buộc chơn người, dầu cho kẻ hoan thù cũng hiệp nhau đặng. (Tích này đã diễn trong trương 35 rồi).

(4) Phong quyện vân tri. Thích : Gió giục mây vần.

(5) La-Lân thi : Huyền huyền đề cốc tàu hồng-trần. Thích : Dấu xe rần rần bay bụi Lồng.

(6) Dăm-đăm là thăm-thăm.

Vi-lau (1) sát sát hơi mai,
Một trời thu để riêng ai một người ! (2)
Đậm khuya, ngất lạnh, mù khơi, (3)
Thấy trắng mà thẹn những lời non sông !
Rừng thu từng biếc xen hồng,
Nghe chim như nhắc tấm lòng thần-hôn !

23.- Những là lạ nước lạ non,
Lâm-tri vừa một tháng tròn trời nơi.
Xe chầu dừng bánh cữ ngoài,
Rèm trong đã thấy một người bước ra.
Thoát trong lọt-lọt màu da,
Ăn chi cao lớn, đẩy-đà làm sao !
Trước xe, bả-lả han chào,
Vưng lời, nâng mới bước vào tận nơi.
Bên thì mấy ả mây ngài, (4)
Bên thì ngời bốn năm người làng chơi ;
Giữa thì hương án hân-hòi,
Trên treo một tượng trắng đôi lông mày. (5)
Lầu xanh quen lối xưa nay,
Nghề này, thì lấy ông này tiên-sư.
Hương hoa hôm sớm phụng thờ,
Có nào xấu vĩa, có thừa mỗi hàng. (6)

(1) Vi-lau là lau với sậy.

(2) Đường thi : Thu tiêu chỉ vi nhưt nhơn trường. Thích : Đêm thu chỉ dài cho một người.

(3) Đậm khuya là đi ban đêm ; ngất lạnh là trời êm ái ; mù khơi là bốn bề minh mông mù mịt.

(4) Mây ngài là mây tằm, bọn đi đánh chơn mây tóc con.

(5) Nhà thanh lâu thường thờ mây trắng, gọi là thần đi.

(6) Xương kỳ như một sanh ý, tiện đôi thần, thoát đặc xích điều điều, đối tha, hiến hoa chút nhưt phiêu, bả khoái-tử liên xao kí nã, tàn tại sảng đầu, tiện hữu khách lai phiêu. Thích : Các ả lầu xanh nếu không đặt mỗi hàng, bèn lại trước chỗ thờ ông tiên-sư đó, cởi hết quần áo ra, ngay mặt tiên-sư dựng hoa rồi vái xin cho đất, cầm cái khoái-tử (sanh) khoét ít cái, rồi để giấu nơi đầu giường, tự nhiên đất mỗi hàng.

Cõi xiêm lột áo chần chừong,
Trước bàn, sẽ nguyễn mảnh hương làm-dầm ;
Đưa hoa, lột xuống chiếu nằm,
Bước đi ong lại âm-âm tức vi !
Kiều còn ngo ngẩn biết gì,
Cứ lời lay xuống, mụ thì khẩn ngay :
« Cửa hàng buôn bán cho may,
« Đêm-dêm hàn thực, ngày-ngày nguyên tiêu. (1)
« Muốn ngàn người thấy cũng yêu,
« Xón xáo anh-yến, dập-đu trước mai !
« Tin nhận vượt, lá thơ bày, (2)
« Đưa người cửa trước, rước người cửa sau ! »
Lạ tai nghe chữa biết đâu,
Xem tình ra cũng những màu dỏ-dang.

24.- Lễ xong hương hỏa từ đường,
Tú-bà vất vẻo lên giường ngồi ngay.
Dạy rằng : « Con lay mẹ đây,
« Lay rồi thì lay cậu mầy bên kia. »
Nàng rằng : « Phải bước lưu-ly,
« Phận hèn vưng đã cam bề tiêu-tinh ; (3)
« Đều đâu lấy én làm anh,
« Ngày thơ chẳng biết là danh phận gì !
« Đủ đều nạp thẻ vu-qui,
« Đã khi chung chạ, lại khi đứng ngồi. (4)

(1) Triều triều hàn-thực, dạ dạ nguyên-tiêu. Thích : Ngày đêm gì cũng có khách luôn luôn. (Hàn-thực là tết mồng ba tháng ba, nguyên-tiêu là hội nguyên-tiêu, rằm tháng giêng. Hai ngày ấy bên Tàu vui lắm. Tú bà khẩn vái đêm nào ngày nào cũng được như hai bữa ấy).

(2) Nhận tin viết chỉ, thi điệp tiền trần, đa nhơn chí dả. Thích : Tin nhân qua đến, thơ lá trước bày, nhiều người đến vậy.

(3) Tiêu-tinh là vợ bé.

(4) Bôn thơ : Ngã dư tha đồng miên đồng túc, hà hựu bái tha. Thích : Mình với người kia nằm chung ngủ chung, sao bây giờ trở lại biểu tôi phải lay người ấy.

« Giở ra thay bọc đổi ngôi,
« Dám xin gởi lại một lời cho mình. »
« Mụ nghe nàng nói bay tình,
Bây giờ mới nổi tam Bành (1) mụ lên ;
« Này này sự đã quả nhiên !
« Thôi đã cướp sống chồng mình đi rồi ! (2)
« Biếu rằng : đi dạo lấy người,
« Đem về rước khách lấy lời mà ần.
« Tuồng vô-sỉ, ở bất-nhơn,
« Buồn mình trước đã lẫn-mẩn thử chơi !
« Mâu hồ đã mất đi rồi,
« Thôi thôi vốn liếng đi đời nhà ma !
« Con kia, đã bán cho ta,
« Vào nhà, phải cử phép nhà tao đây !
« Lão kia có dở bài-bây, (3)
« Chẳng văng vào mặt mà mầy lại nghe !
« Cớ sao chịu trót một bề,
« Gái tơ mà đã ngựa nghề (4) sớm sao ?
« Phải làm cho biết phép tao, »
Giặt bi-tiên, (5) rửa sẵn vào ra tay.
Nàng rằng : « Trời thăm đất dày !
« Thân này đã bỏ những ngày ra đi. »
Thôi thôi còn có tiếc chi !
Sẵn dao tay áo, tức thì dỡ ra.

(1) Phật thơ : Bành-Kiều, Bành-Cư, Bành-Chất, tại nhơn thân trung, canh thân nhưt thượng tấu nhơn ác. Thích : Sách Phật : Bành-Kiều, Bành-Cư, Bành-Chất, là ba thần ở trong mình mỗi người ; ngày canh thân thì lên tấu đều ác của mỗi người.

(2) Bồn thơ : Nề chiếm ngã địch lão công liễu. Thích : Mầy cướp chồng tao rồi !

(3) Bài-bây là nói lẫn đần, lẫn dầy.

(4) Tú-bà văn : Kỳ dương táo phát, dân dụ ô-qui. Thích : Mụ Tú-Bà nói rằng : Sao mà ngựa nghề sớm vậy, đi quên dụ những đồ con trai ? (Ô-qui là ngọc 'lành, đồ con trai).

(5) Bi-tiên là roi da.

Sợ gan nát ngọc, liễu hoa,
Mụ còn nhìn mặt, nàng đã quá tay.
Thương ôi, tài sắc bực này !
Một dao oan-nghiệt, đứt dây phong-trần !
Nỗi oan võ-lở xa gần,
Trong nhà người chặt một lần như nêm.
Nàng thì bắn-bắt giặc tiên,
Mụ thì ngăn-ngắt, mặt nhìn hồn bay ;
Vực nàng vào chốn hiên tây,
Cắt người coi sóc, chạy thầy thuốc thang,

25.- Nào hay chưa hết trần-duyên,
Trong mê đã thấy Đạm-Tiên rõ ràng.
Biểu rằng : « Nhơn-quả (1) dở dang,
« Đã toan trốn nợ đoan-tràng được sao !
« Số còn nặng nghiệp má-đào.
« Người dầu muốn quyết, trời nào đã cho !
« Hãy xin hết kiếp liễu-bồ, (2)
« Sông Tiền-dương sẽ hẹn hò về sau ! »

26.- Thuốc thang trót một ngày trâu,
Giác mê nghe đã dầu-dầu vừa tan.
Tú-bà chực sẵn bên màn,
Điều lời khuyên-giải miên-mạn gỡ dần :
« Một người dễ có mấy thân !
« Hoa xuân đang nhụy (3), ngày xuân còn dài ;
« Cũng là lỡ một, lăm hai,
« Đá-vàng sao nữ ép nài mưa-mây ! (4)

(1) Phật thơ : Dục tri tiền thế nhơn, kiêm sanh thọ giả thị. Dục tri lai thế quả, kiêm sanh tác giả thị. Thích : Sách Phật : Mình muốn biết nhơn duyên kiếp trước của mình thì coi chỗ mình chịu đời này đó ; còn như muốn biết kết quả báo kiếp sau của mình, thì hãy coi những việc mình làm bây giờ đó.

(2) Liễu-bồ là yếu-đuối như cây liễu cây bồ. Phận con gái. (3) Nhụy là mới nở.

(4) Đá-vàng là sự trinh tiết ; mây mưa là sự chơi bời. (Ý Tú-bà nói như Túy-Kiều muốn giữ tiết thì không ai nữ ép việc chơi bời đâu).

« Lỡ chơn trót đã vào đây,
« Khóa buồng xuân, để đợi ngày đào non. (1)
« Người còn thì của hãy còn,
« Tim nơi xứng đáng là con cái nhà !
« Làm chi tội báo oan gia,
« Thiệt mình mà hại đến ta hay gì ? »
Kề tai mấy nỗi năn-ni,
Nàng nghe dường cũng thị phi rạch ròi.
Vả suy thàn mộng mấy lời, (2)
Túc hơn âu cũng có trời ở trong.
Kiếp này nợ trả chưa xong,
Làm chi lại mắc một vòng kiếp sau.
Lặng nghe, ngẫm nghĩ gót đầu,
Thưa rằng : « Ai có muốn đâu thế này !
« Được như lời thế là may !
« Hẳn rằng mai có phư rày cho chẳng ?
« Sự khi ơng bươm dãi-dăng.
« Đến đều sống đục, sao bằng thác trong ? »
Mụ rằng : « Con hãy thông-dong.
« Phải đều lòng lại dối lòng, mà chơi ?
« Mai sau ở chẳng như lời,
« Trên đầu có bóng mặt trời sáng soi ! »
Thấy lời quyết đoán hẳn-hỏi,
Đành lòng nàng mới sẽ người người dần.

(1) Đào non là lấy chồng. Kinh thi có câu : « Đào chi yêu yêu, kỳ điệp trần trần, chi tử vu qui, nghi kỳ gia nhơn. » (Gái lành đưa về nhà chồng, ăn ở hợp với người trong nhà).

(2) Túy-Kiều lương đạo : Cứ Đạm-Tiên thuyết, nghiệt trái vị hoàn, nhược kiêm tử liễu, bất đáng tiền sanh nghiệt trái, hà thời hườn đắc càn lịnh. Thích : Túy-Kiều ngẫm-nghi rằng : Cứ theo nàng Đạm-Tiên nói thì cái nợ oan nghiệt của mình chưa hết, nếu nay mình chết đi thì nợ oan nghiệt kiếp trước biết bao giờ trả đặng ráo ? »

27.- Trước sau ngưng bích (1) khóa xuân,
Vẻ non xa, tám trăng gần (2) ở chung.
Bốn bề bát ngát vời trông,
Cát vàng cồn nọ, bụi hồng dặm kia.
Bề-bàng mây sớm đèn khuya,
Nửa tinh, nửa cảnh như chia tấm lòng.
(3) Tưởng người dưới nguyệt chén đồng.
Tin sương luống những rày trông mai chờ.
Bên trời góc biển bơ-vơ.
Tấm son gột đến bao giờ chưa phai ! (4)
Xót người dựa cửa (5) hôm mai,
Quạt nồng ấp lạnh (6), những ai đó giờ ?
Sân Lai (7) cách mấy nắng mưa,
Có khi gốc Tử đã vừa người ôm ! (8)
Buổi trông cửa biển gần hôm,
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa-xa ?
Buồn trông ngọn nước mới sa,
Hoa trôi man-mác biết là về đâu ?
Buồn trong nội cỏ dàu-dàu,
Chơn mây mặt đất một màu xanh-xanh.
Buồn trông gió cuốn mặt giành,
Ầm-ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi.
28.- Chung quanh những nước non người.
Đau lòng lưu lạc, nên vài bốn câu.

- (1) Ngưng bích là tên cái lầu.
(2) Viên sơn bán nguyệt, mi đã. Thích : Vẻ non xa, tám trăng gần.
Từ câu số 3 đến số 4 nói về sự nhớ Kim-Trọng.
(3) Tề Vương-Giả, mẫu ý môn vọng tử. Thích : Ông Vương-Giả, nhà Tề, mỗi khi đi khỏi thì mẹ ở nhà dựa cửa mà trông.
(4) Lễ : Hạ thành đông ôn. Thích : Chữ Kinh Lễ : (Thờ mẹ) quạt khi nóng, ấp khi lạnh. (Đạo làm con khi mùa hạ trời nóng nực, phải kiếm thế làm cho cha mẹ mát ; qua mùa đông lạnh, phải kiếm thế làm cho cha mẹ ấm).
(5) Lão-Lai vô thê ư đình. Thích : Ông Lão-Lai mặc áo vô dờn múa nơi sân cho vui lòng cha mẹ
(6) Có khi gốc cây Tử đã lớn vừa một ôm kia rồi ; ý nói cha đã già rồi.
Từ câu số 3 đến số 8 nói về việc nhớ cha mẹ.

Tần-ngàn đứng đủ rèm châu,
Cách tường, nghe có tiếng dàu họa vờn. (1)
Một chàng vừa trạc thanh-xuân.
Hình-dung chải-chuốt, áo khăn dịu-dàng.
Nghĩ rằng cũng mạch thơ-hương,
Hỏi ra mới biết rằng chàng Sở-Khanh.
Bóng Nga thấp-thoảng dưới màn,
Trông nàng chàng cũng ra tình đeo-đai :
« Than ôi ! sắc nước hương trời,
« Tiếc cho đàn bống lạc-loài đến đây !
« Giá đành trong nguyệt trên mây,
« Hoa sao hoa khéo đọa-đày bấy hoa ?
« Tức gan riêng giận trời già,
« Lòng này ai tỏ cho ta hỡi lòng ?
« Thuyền-quyên vì biết anh-hùng,
« Ra tay tháo cũi sổ lồng như chơi ! »
Song thu nữa khép cánh ngoài,
Tai còn đồng vọng (2) mấy lời sắt đing. (3)
Nghĩ người thôi lại nghĩ mình,
Cảm lòng chua xót, lạt tình chơ vơ.
Nhưng là lần lửa nắng mưa,
Kiếp phong trần biết bao giờ là thôi ?
Đánh liều nhả một hai lời,
Nhờ tay tế-độ (4) vớt người trầm-luân.
Mảnh tiên (5) kẻ hết xa gần,
Nổi nhà gấp-bước, nổi thân lạc-loài.
Tan sương vừa rạng ngày mai,
Tiện-hồng (6) nàng mới nhả lời gởi sang.

(1) Tây-Sương : Cách tường nhìn thấy họa đảo thiên minh. Thích : Sách Tây Sương :
Cách vách tường nghe tiếng con trẻ họa vờn đến trời sáng.
(2) Đồng vọng : lòng tai nghe, nghe văng vẳng.
(3) Sắt đing : là lời nói chắc như đing sắt đóng vào cây.
(4) Tế-độ : là cứu giúp. (5) Mảnh tiên : là tâm giây. (6) Tiện-hồng : là gởi thơ.

Trời tây lừng-thững bóng vàng, (1)
Phục thơ đã thấy tin chàng tới nơi.
Mở xem một bức tiên mai,
Rành-rành « Tịch việt » (2) có hai chữ đề :
Lấy trong ý tứ mà suy :
« Ngày hai mươi mốt, tuất thì, phải chăng ? »
Chim hôm thoi-thót về rừng,
Đóa trà-mi đã ngậm-gương nửa vành :
Tường động lay động bóng nhành, (3)
Rẽ song đã thấy Sở-Khanh lên vào.
Sương-sùng đánh dạn ra chào,
Lay thoi nàng mới dĩ trao ân-cần,
Rằng : « Tôi bèo bọt chút thân.
« Lạc đàng mang lấy nợ-nần én-anh.
« Dám nhờ cốt-nhục tử sanh, (4)
« Còn nhiều kết cỏ (5) ngậm vành (6) về sau ! »

(1) Câu này chỉ mặt trời xế chiều rồi.

(2) 昔越 (Tịch Việt) lấy hai chữ này cắt nghĩa ra từ nét thì thành 廿一 日戌走 Nghĩa là ngày 21 giờ tuất, chạy.

(3) Tây-Sương : Cách tường hoa ảnh động. Thích : Sách Tây-Sương : Cách vách tường, bóng hoa lung lay.

(4) Tả truyện : Di cốt nhi nhục chi, di tử nhi sanh chi. Thích : Sách tả truyện nói : Người còn xương không mà mình giúp cho có thịt, người đã chết rồi mà mình giúp cho sống lại.

(5) Tả truyện : Tấn Ngụy-Tử, kiết thảo can Đê-Hồi, di báo giá nữ chi ân. Thích : Chuyện người Ngụy-Tử nước Tấn, có người kết cỏ can người Đê-Hồi, dâng đèn ơn gã con gái mình. (Tích kết cỏ như vậy : Ngụy-Thù người nước Tấn, có một người vợ bé còn trẻ mà lịch sự lắm. Khi Ngụy-Thù gần chết dặn Ngụy-Khòa là con, phải đem người vợ bé mà chôn sống chung một huyết với mình. Ngụy-Thù chết rồi, con là Khóa không theo lời cha dặn, gã người vợ bé của cha, lấy chồng. Đến sau Ngụy-Khòa ra đánh giặc với tướng Tần là Đê-Hồi, trên bãi cỏ xanh kia. Tự nhiên Hồi vương chọn mà té, bị Khóa đâm chết. Đêm ấy Khóa nằm chiêm bao thấy một ông già rằng : « Ta kết cỏ cứu Đê-Hồi dâng đèn ơn ngươi không có chôn sống con ta, đem gã nó lấy chồng »).

(6) Tấn Dương-Bừu cứu huỳnh-tước, hậu huỳnh-tước hàm ngọc huân dĩ bao Thích : Người Dương-Bừu nước Tấn, cứu chim huỳnh-tước, sau rồi chim huỳnh-tước ngậm vành ngọc đến mà đền ơn.

Lặng nghe thăm-ngẫm gặt đầu,
« Ta đây phải mượn ai đầu mà rằng.
« Nàng đã biết đến ta chẳng ?
Biền trầm-luân (1) lấp cho bằng mới thôi. »
Nàng rằng : « Muốn sự ơn người,
Thế nào xin quyết một bài cho xong. »
Rằng : « Ta có ngựa truy-phong, (2)
« Có tên dưới-trướng, vốn dòng kiện-nhi. (3)
« Thừa cơ lên bước ra đi,
Ba mươi sáu chước, chước gì là hơn ? (4)
« Dầu khi gió kếp (5) mưa đơn,
Có ta đây cũng chẳng can-cớ-gì ! »
Nghe lời nàng đã sanh nghi,
Song đã quá đổi, quản gì được thân.
Cũng liêu nhắm mắt đưa chơn,
Mà xem con Tào xây vờn đến đầu ! (6)
Cùng nhau lên bước xuống lầu,
Song-song ngựa trước ngựa sau một đoàn.
Đêm thâu khác với canh tàn,
Gió cây lọt lá, trăng ngàn ngậm gương. (7)
Lối mòn lướt lướt hơi sương,
Lòng què đi một bước đường, một đầu.

(1) Tích Tịnh-vệ công chúa nước Phiên, chồng bị chết chìm nơi biển Khô-hải. Công chúa biến ra con Tịnh-vệ, tha đá lấp cho cạn biển mà trả thù cho chồng.

(2) Truy phong là ngựa hay chạy như gió.

(3) Dưới-trướng là kẻ đầy tớ ; kiện-nhi là đứa nhỏ mạnh.

(4) Nam-bắc triều : Đán-Công ngữ Vương-Kinh-Tác viết : « Tam thập lục kế, tâu vi thượng sách. Thích : Tích trong Nam-bắc triều ; Ông Đán-Công nói với người Vương-Kinh-Tác rằng : « 36 chước thì chước chạy (trốn) là hơn. »

(5) Kếp là kiếp. Phiêu phong linh vô, sự bức chí hỉ. Thích : Gió gặp mưa vội, sự thế kiếp lắm.

(6) Liêu trai : Hiệp nhân phóng bộ, di hình Tào-hóa chi đề ngang. Thích : Trong Liêu trai có nói : « Thời thời nhắm mắt đưa chơn, mà coi con Tào thấp cao thế nào.

(7) Gió đổ lá cây, ngó lên non thấy trăng mới lộ mọc.

*Tiếng gà xao xác gáy mau.
Tiếng người dáu dãi mái sau giậy-giàng. (1)
Nàng càng thồn-thứt : gan vàng,
Sở-Khanh đã rẽ dây-cương lối nào ?
Một mình không biết làm sao,
Dậm rìng bước thấp, bước cao hỡi-hùng.*

29.- *Hóa nhi thật có nợ lòng,
Làm chi dày tía, vò hồng lấm nao !
Một đoàn đua đến trước sau,
Vút đầu xuống đất, cánh đầu lên trời ?
Tù-bà tốc thẳng đến nơi,
Hằm-hằm áp điệu (2) một hơi lại nhà ?
Hung-hăng chẳng nói chẳng tra,
Đang tay vùi liễu, đập hoa tơi bời.
Thịt da ai cũng là người,
Lòng nào hồng rụng thắm rời, chẳng đau !
Hết lời thú phục khần cầu,
Uốn lưng thịt đồ, cắt đầu máu sa.
Rằng : « Tôi chút phận đàn bà,
« Nước non lia cửa lia nhà đến đây.
« Bây giờ sống chết ở tay,
« Thân này đã đến thế này thì thôi !
« Nhưng tôi có sá chi tôi !
« Phận tôi đành vậy, vốn người đề đầu ! (3)
« Thân lươn bao quản lấm đầu,
« Chút lòng trinh-bạch từ sau cũng chừa. » (4)*

(1) Giậy-giàng là om sòm.

(2) Áp điệu là áp bắt đem về.

(3) Phận tôi đánh kháo đây dọa thì tôi cũng đành, nhưng mà rũi tôi có chết, thì vốn bà mất đi còn gì ?

(4) Từ này về sau tôi xin chừa sự trinh-bạch, không giữ như trước nữa.

Được lời mụ mới tùy cơ,
Đắt người bảo lãnh, làm tờ cung-chiêu.
Bày vai có ở Mã-Kiều,
Xót nàng, ra mới đánh liều chịu đoan.
Mụ càng kê-nhặt, kê-khoan,
Đón rào đến mực, rờng nản mới tha.
Vực nàng vào nghĩ trong nhà,
Mã-Kiều lại ngỏ ý ra dặn lời :
« Thôi đã mắc lẩn thì thôi !
« Đi đâu chẳng biết có người Sở-Khanh ?
« Bạc tình nổi tiếng lâu xanh, (1)
« Một tay chôn bết mấy ngàn phù-dung ! (2)
« Đả-đao (3) sắp ăn chước lòng,
« Lại gì một cốt, một đồng xưa nay !
« Có ba mươi lượng trao tay, (4)
« Không nhưng đâu có chuyện này trò kia !
« Rồi ra trở mặt tức thì,
« Bớt lời, liệu chỗ sân si mà đời ».
« Nàng rằng : « Thề-thốt nặng lời,
« Có đâu mà lại ra người hiềm-sầu ?
Còn đương suy trước nghĩ sau;
Mặt mo (5) đã thấy ở đâu dẫn vào.

(1) Đồ thi : Đinh đất thanh lâu bạc hãnh danh. Thích : Thơ họ Đồ : Hơn đời cái danh bạc hãnh ở chốn lâu xanh.

(2) Kim lăng viện kỹ, Dương-ngọc-Hương thi : Xuân phong xuy nhập phù-dung trướng, nhứt đóa xuân chi áp chúng phương. Thích : Nàng Dương-ngọc-Hương, viện Kim-lăng có thơ : « Gió xuân thổi vào trướng phù-dung một nhánh bông xuân thơm trời hơn ».

(3) Anh hùng phò : Tàu-Hồng dụng đả-đao khảm bối kế, biến sát dã. Thích : Trong anh hùng phò : Người Tàu-Hồng dùng cái chước đả-đao chém ngoài sau lưng, là gạt chúng mà giết.

(4) Tú-bà đi tam thập lượng ngân, cổ Sở-Khanh, tác đả-đao kế. Thích : Mụ Tú-bà dùng 30 lượng bạc, mướn Sở-Khanh làm chước đả-đao.

(5) Mặt mo là mặt dày, mày dạn.

Sở-Khanh lên tiếng réu-ráo,
Rằng : « Nghe mới có con nào ở đây ?
« Phao cho quển gió rủ mây,
« Hãy xem cho biết mắt này là ai ? »
Nàng rằng : « Thôi thế thì thôi !
« Rằng không thì cũng vưng lời rằng không ! »
Sở-Khanh khoác mủng dùm-dùng,
Bước vào, vira rắp thị hùng ra tay.
Nàng rằng : « Trời nhẽ có hay !
« Quển anh rủ én, sự này tại ai ?
« Phỉnh người giẫy xuống giếng khơi, (1)
« Nói rồi rồi lại ăn lời được ngay !
« Còn tiền « Tích việt » ở tay,
« Rõ-ràng mắt ấy, mắt này chớ ai ? »
Lời ngay đóng mắt trong ngoài,
Ai ai cũng gớm, mắt người vô-lương. (2)
Phụ tình án đã rõ-ràng,
Dơ-tuồng, nghĩ mới kiếm dăng tháo lui.
Buồng riêng, riêng những sứt-sùi :
« Nghĩ thân mà lại ngậm-ngùi cho thân !
« Tiếc thay trong giá trắng ngần,
« Đến phong-trần cũng phong-trần như ai !
« Tẽ vui cũng một kiếp người,
« Hồng-nhan phải giống ở đời mãi ru !
« Kiếp xưa đã vụng dăng tu.
« Kiếp này chẳng kéo đến bờ mới xuôi.
« Dấu sao, bình đã vỡ rồi,
« Lấy thân mà trả nợ đời cho xong ! »

(1) Hàn văn : Sài nonh nhập anh, hựu tưng nhi hạ thạch yên. Thích : Sách Hàn-văn, có lời : Xô người vào giếng lại theo mà lấp đá. (Giấy là xô).

(2) Có bản đổi câu này lại như vậy : « Kê chê bất nghĩa, người cười vô lương. »

30.- *Vừa tuần nguyệt sáng gương trong,*
Tú-bà ghé lại thông-dong dạo,
« Nghề chơi cũng lắm công phu,
« Làng chơi ta phải biết cho đủ đều. »
Nàng rằng : « Mưa gió dập diu,
« Liều thân, thì cũng phải liều thể thôi ! »
Mụ rằng : « Ai cũng như ai,
« Bồng nhưng ai mất tiền hoài đèn đây ? (1)
« Ở trong còn lắm điều hay,
« Nỗi đêm khếp mở, nỗi ngày riêng chửa,
« Này con thuộc lấy làm lòng,
« Vành ngoài bẩy chữ, vành trong tám nghề. (2)

(1) Bồn thơ : Kiều vân : « Dữ nhưn thụy tiện nghiệm đàng thụy, can đạo hữu biệt dạng » Tú vân : « Si-nhi-tử bất hiểu, nhược xương gia tử, dư lượng gia nhưt dạng nhưn đó bất phiêu liễu. » Thích : Kiều rằng : « Ngủ với người ta thì ngủ làm vậy đó, còn nói ngủ cách gì nữa ? » Mụ Tú-bà trả lời rằng : « Cái con khờ không biết gì, nếu con nhà điếm ăn ở một thể như con nhà lành thì ai mà chơi ? »

(2) Thanh-tâm-tài-nhơn tập : Nhược thị đoản tiêu, dụng : « Kịch cổ thôi-ba pháp ; trường đại, dụng : « Kim liên song toàn pháp ; nhược tánh cấp, dụng : « Đại triển kỳ cò » pháp ; tánh hườn, dụng : « Mạng đả khinh xao » pháp bất nại chiến, dụng : « cần-thuyên-tam diệt » pháp ; nại chiến dụng « Tá-chi-hữu trù » pháp ; diệu tình, dụng : « Tỏa tâm-truy hồn, pháp ; tham sắc, dụng : « Nhiếp thần châu-tỏa » pháp. — Biệt pháp tuy đa, bất xuất bát pháp ngoại, ký hữu châm thượng công phu, hựu tự học nhưt dụng đích pháp độ : Nhưt viết : « tiểu » ; nhị viết : « tiền » ; tam viết : « thích » ; tứ viết : « thiêu » ; ngũ viết : « giá » ; lục viết : « tàu » ; thất viết : « tử ». — Thích : Tập Thanh-tâm-tài-nhơn rằng : « Nhu người nào dương vật đoản tiêu thì dùng phép : « Đánh trống đục bưng nờ » ; trường đại, thì dùng phép : « Sen vàng ép lại » ; người tánh cấp, dùng phép : « Mở cờ trống ra cho lớn » ; người tánh hườn, dùng phép : « Nưng niêu om bóp » ; người nào chơi chằng dai dùng phép : « Ràng rịt ba lần » ; chơi nhây, thì dùng phép : « Chồng chỏi hai bên » ; hay dờn hót thì dùng phép : « Xiêu lòng lạt dạ » ; người tham sắc, thì dùng phép : « mê man khăng khít ».

Tuy còn nhiều phép nữa, cũng chẳng ngoài tám phép đó ; đã có công phu trên chieu gối lại phải học cách thức ngày dùng như sau đây : « Điều thứ nhất rằng : « Tiểu » (là làm bộ cười mơn) cho người thương yêu mình ; điều thứ hai rằng : « Tiền » (là làm bộ cắt tóc) thề nguyện ; điều thứ ba rằng : « Thích » (là làm bộ thích huyết) thề nguyện ; điều thứ bốn rằng : « Thiêu » (là làm bộ đốt hương) thề nguyện ; điều thứ năm rằng : « Giá » (là làm bộ quyết lấy làm chồng) ; điều thứ sáu rằng : « Tàu » (là làm bộ trốn theo) ; điều thứ bảy rằng : « Tử » (là làm bộ thề nguyện sanh tử).

« Chơi cho liễu chán hoa chè,
« Cho lẩn-lóc đá, cho mê-mẩn đời.
« Khi khoe hạnh, khi net ngài,
« Khi ngấm ngời nguyệt, khi cười cợt hoa, (1)
« Đều là nghề-nghiệp trong nhà,
« Đủ ngần ấy nết, mới là làng soi ! »
Gót dẫu vung dạy mấy lời,
Đường chau nét nguyệt, đường phai vẻ hồng !
Những nghe nói, đã thẹn thùng,
Nước đời lấm nổi lạ lũng khát-khê !
Xót mình cựa các, buông khuê,
Vỡ lòng học lấy những nghề nghiệp hay !
Khéo là mặt dạn mày dày,
Kiếp này đã đến thế này thì thôi !
Thương thay thân phận lạc-loài,
Dấu sao cũng ở tay người biết sao ?
Lầu xanh mới xử trượng đào,
Càng treo giá ngọc, càng cao phẩm người ! (2)
Biết bao bướm lả ong lời,
Cuộc say đầy tháng, trận cười suốt đêm.
Dập-diu lá gió nhánh chim, (3)
Sớm đưa Tống-ngọc, tối tìm Trường-Khanh. (4)

(1) Hoa-tiên : Hạnh nhân thời thời quan-trú ngã. Thích : Trong Hoa-tiên : Mặt hạnh thường thường liếc ngó ta.

(2) Hậu-Hán : Cam-Hậu dừ Ngọc nhơn tịnh mỹ, cung nhơn phi đấng đố Hậu, tịnh đố Ngọc nhơn. Thích : Đòi Hậu-Hán, bà Cam-Hậu phi với nàng Ngọc nhơn đều xinh ; cung nhơn chẳng những ghét bà Hậu, ghét cả Ngọc nhơn.

(3) Đường. Tiết-Đào thiều thời cú vãn : « Chi nghinh nam bắc điều ; điệp tống vãng lai phong. Thích : Người Tiết-Đào nhà Đường khi buổi trẻ có làm thơ rằng : « Nhánh ruồi chim nam bắc, nhánh đưa gió lại qua. »

(4) Tống-Ngọc, người nước Sở ; Trường-Khanh tức là Tư-mã-trương-Như, người đời Hán, hai người lịch sự trai có tiếng.

Khi tỉnh rượu, lúc tàn canh,
Giữt mình, mình lại thương mình xót-xa.
 Khi sao phong gấm rủ là,
Giờ sao tan-tác như hoa giữa đường ?
 Mặt sao dày gió, dạn sương ?
Thân sao bướm chán, ong chường bấy-thân ?
 Mặc người mưa Sở (1) mây Tần, (2)
Những mình, còn có biết xuân là gì !
 Đòi phen gió dựa hoa kè,
Nửa rèm tuyết ngậm, bốn bề trăng thâu. (3)
 Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu ?
Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ !
 Đòi phen nét vẽ câu thơ,
Cung cầm trong nguyệt, nước cờ dưới hoa. (4)
 Vui là vui gượng kẻo mà,
Ai tri âm đó, mặn mà với ai. (5)
 Thờ ơ gió trước mưa mai,
Ngần-ngơ trấm mối, giời mài một thân.
 Ôm lòng đời đoạn xa gần,
Chẳng vò mà rối, chẳng dần mà đau !
 Nhớ ơn chín chữ cao sâu,
Một ngày một ngã bóng đầu tà-tà, (6)

(1) Sở-vương mộng thần nữ vi vô. Thích : Vua Sở-vương chiêm bao thấy nàng thần nữ làm mưa.

(2) Tần vân như hành nhơn. Thích : Mây Tần như kẻ hành nhơn.

(3) Phong, ba, vân nguyệt. Thích : Gió, hoa, mây, trăng. (Hai câu này tả cảnh, có đủ : gió, hoa, mây, trăng).

(4) Còn hai câu này thì đủ : cầm, kỳ, thi, họa (đàn, đánh cờ, làm thơ, vẽ).

(5) Kỳ-quan : Tri-âm thuyết đủ tri-âm thính, bất thị tri-âm bất yếu đàm. Thích : Sách Kim-cô-kỳ quan có câu : " Tri-âm nói với tri-âm nghe, chẳng phải tri-âm thì chớ nói.

(6) Tang giu mộ cảnh. (Ti cha mẹ già yếu như bóng đầu đã tà vậy).

Dặm ngàn nước thăm, non xa.
Nghĩ đau thân phận con ra thế này !
Sân hòe (1) đôi chút thơ ngây.
Trần cam, ai kẻ đỡ thay việc mình ?
Nhớ lời nguyện ước ba-sinh,
Xa-xuôi ai có biết tình chăng ai ?
Khi về hỏi liễu Chương-đài, (2)
Nhành xuân đã bẻ cho người chuyên tay !
Tình sâu, mong trả nghĩa dày,
Hoa kia đã chấp cội này cho chưa ? (3)
Mối tình đòi đoạn vô tơ,
Giấc hương-quan (4) lưỡng mẫn-mơ canh dài !
Song sa vô-võ phương trời,
Nay hoàng-hôn đã, tại mai hôn-hoàng ! (5)
Lần-lần thỏ bạc ác vàng,
Xót người trong hội đoạn-tràng đòi con !
Đã cho lấy kiếp hồng-nhan,
Làm cho, cho hại, cho tàn, cho cân !
Đã đây vào kiếp phong-trần,
Sao cho sỉ-nhục một lần mới thôi !

31.- Khách du, bỗng có một người,
Kỳ-tám họ Thúc, cũng nói thơ-hương ;

(1) Vương-Hựu định hữu tam hòe, kỳ tử hiền đạt. Thích : Người Vương-Hựu có trồng trước sân ba cây hòe, con được vinh hiển cả. (Đôi chút thơ ngây đây là : Vương-Quang và Túy-Vân).

(2) Đường Hàn-Húc kỳ Liễu-thị thi : « Chương đài liễu, tích nhứt thanh thanh kiem tại phủ ? Dã ưng phạn chiết tha nhơn thủ ! Thích : Thơ của người Hàn-Húc nhà Đường gởi cho Liễu-thị có câu : « Cây liễu nơi Chương-đài, ngày xưa xanh xanh nay còn đó chẳng ? Có khi về tay người khác bẻ đi rồi ? »

(3) Nữ Tú-Tài di hoa tiếp thụ. Thích : Nàng Tú-tài tánh hay đời bông chấp cội

(4) Giấc hương quan là giấc mê, tưởng quê nhà.

(5) Châu-thục-Chơn thi : Khốc tôn song mâu đoạn tận trường, phạ hoàng hôn đắc hựu hôn hoàng. Thích : Thơ ông Châu-thục-Chơn : « Khóc sưng đôi mắt đứt hết ruột, chạng vạng nay rồi, chạng vạng mai. »

Vốn người huyện Tích châu Thường,
Theo nghiêm-đường mở ngôi hàng Lâm-tri.
Hoa-khôi (1) mộ tiếng Kiều nhi,
Thiếp hồng (2) đưa đến hương khuê (3) gọi vào.
Trương tô (4) giáp mặt hoa đào,
Vẻ nào chẳng mẩn, nét nào chẳng ưa ?
Hải-đường mỗn-mỗn nhành tơ,
Chiều xanh càng gió, càng mưa, càng nồng !
Nguyệt hoa, hoa nguyệt nã-nùng,
Đêm xuân ai dễ cầm lòng được chẳng !
Lạ chi thanh-khi lẽ hằng, (5)
Một dây một buộc, ai giăng cho ra ?
Sớm đào tối mận lân-la,
Trước còn trắng gió sau ra đá vàng.
Dịp đầu may-mắn lạ đường ?
Lại vừa gặp khoảng thung-đường lại quẽ.
Sanh càng một tỉnh, mười mê,
Ngày xuân lắm lúc quên về với xuân.
Khi gió các, khi trăng sân,
Bầu tiên chúc rượu, cầu thần nối thơ ; (6)
Khi hương sớm, khi trà trưa,
Bàn vầy điếm nước, đường tơ hòa đờn. (7)
Mệt-mê trong cuộc truy hoan.
Càng quen-thuộc nét, càng dan-dliu tình.

(1) Kỳ-quan : Vương-mĩ-Nương kiểu hoa, khôi nương tử lưu. Thích : Trong Kim-cô-ký-quan có câu : Vương-mĩ-Nương lịch sự chúng gọi là nàng " Hoa-khôi ".

(2) Thiệp hồng là thiệp viết trên giấy hồng đào.

(3) Hương khuê là lái buồng thơm.

(4) Tô-trương, cái thùy anh đá. Thích : Chữ tô-trương vẫn là giải mào. (Trương-tô đây là Thúc-Sanh còn hoa đào là Túy-Kiều).

(5) Thanh-khi là tiếng hỏi. (Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu) lẽ hằng là lẽ thường.

(6) Trong hai câu này có đủ bốn chữ : phong, nguyệt, tửu, thi, là gió, trăng, rượu, thơ.

(7) Hai câu này có 4 chữ : Hương, trà, kỳ, cầm.

Lạ chi cái sóng khuynh-thành,
Làm cho đồ quán xiêu đình như chơi ! (1)
Thúc-Sanh quen nết bốc rời,
Trăm ngàn đồ một trận cười như không !
Mụ càng tỏ lục chuốt hồng,
Máu tham hễ thấy hơi đồng (2) thì mê.
Dưới trăng, quỳên đã gọi hè,
Đầu tường lửa lựu (3) lập-loè đơm bông.
(4) Buồng the phải buổi thung-dung.
Thang lan, xử bức trướng hồng lằm hoa.
Rõ màu trong ngọc trắng ngà,
Dầy dầy sấn đúc một tòa thiên nhiên. (5)
Sanh càng tỏ nết, càng khen,
Ngụ tình tay thảo một thiên luật Đường. (6)
Nàng rằng : « Vưng biết ý chàng,
« Lòi lòi châu ngọc, hàng hàng gấm thêu.

(1) Cờ thi : Sắc bắt ba đào dị nịch hơn. Thích : Trong Cờ thi : « Sắc chẳng phải là sóng dợn, nhưng người hay vì nó mà mê chết ».

(2) Hậu Hán : Thôi-Liệt nhập tiền vi Tư-đồ, hơn vi « Đồng-khứ ». Thích : Đời Hậu Hán, người Thôi-Liệt lo tiền mua chức Tư-đồ người ta gọi là « Đồng-khứ » (như hơi đồng).

(3) Châu lễ : Hạ toàn lựu thủ tân hòa. Thích : Sách Châu lễ có câu : Mùa hạ giũ cây lựu để lấy lửa.

(4) Nguyệt hạ thanh lâu đảo ngọc hồ. Mĩ hơn thừa tửu khiết củ du. Băng cơ tiềm phách tranh minh mị, Tuyết thái hoa âm bán hữu vô. Sơ khởi đá tu hô bộc thức, Sa hành hàm tiểu thiên hơn phủ. Lâm lý khoái nhập phủ dung trướng, Chăm thương đề thanh xướng giá cô. Thích : Có bài thơ rằng : Dưới nguyệt lầu xanh rượu cạn hồ, Mĩ hơn chính choán ứng màu tô. Bóng thiền vóc ngọc đều xinh cả, Về tuyết gương hoa dễ kém mô. Gương đứng, đường xiêu kêu tổ đờ, Rán đi, e ngã cây người diều ; Đưa mình vào trướng hơi thơ giục, Thịnh thoản nằm ngâm vịnh giá cô.

(5) Ý nói Túy-Kiều cũng như cốt-tượng đúc tự-nhiên, coi hình dung thật là xinh đẹp.

(6) Luật Đường là thơ thất ngôn ; bày ra đời nhà Đường.

« Hay hèn lẽ cũng nói điều, (1)
« Lòng quê dỡ một vài đều ngang-ngang !
« (2) Lòng còn gửi đám mây vàng,
« Họa vắn xin hãy chịu chàng hôm nay ! »
Rằng : « Sao nói lạ lùng thay !
« Nhanh kia chẳng phải cội này mà ra ? »
Nàng càng tuôn giọt thu-ba,
Đoạn trường lúc ấy, nghĩ mà buồn tanh.
Thiếp như hoa đã lìa nhành, (3)
Chàng như con bướm liệng vành chút chơi !
« Chúc xuân (4) đành đã có nơi,
« Vắn ngày thôi có vài lời làm chi ? »
Sanh rằng : « Từ thuở tương-trì,
« Tấm riêng, riêng những nặng vì nước non !
« Trăm năm ỉnh cuộc vương tròn,
« Phải dò cho đến ngọn nguồn lạch sông ! »
Nàng rằng : « Muốn đội ơn lòng,
« Chút e bên thú bên tông (5) dễ đâu !

(1) Hán thơ : Điều bất túc, cầu vi tục ; phạm họa thi, vị vi tục điều. Thích : Trong sách Hán thơ : Đuôi điều không đủ, lấy đuôi chó nối : phạm họa thơ gọi chữ « tục-điều ».

(2) Kiều vân : « Thừa quân quá ái, cấp dục nhưt họa, đấng du vi khanh tư sở đó, cô si lai nhựt ». — Cò thi : « Hoàng vân phúc thiên lý, du tử tư cố hương ». Sanh vân « Khanh phi Tú-bà nữ hồ ? » Kiều vân : « Quân vô vắn thử đoạn trường sự, ngôn chi ích tăng bi thương. Thích : Kiều rằng : « Mang ơn chàng thương tôi quá, kíp muốn họa một bài thơ, nhưng tôi còn vì chàng toan liệu, xin đợi ngày mai sẽ làm. — Vậy có câu Cò thi rằng : « Mây vàng phủ ngàn dặm, xiêu lạc nhớ quê xưa ». Thúc-Sanh rằng : « Vậy người không phải là con gái Tú-bà sao ? » Kiều rằng : « Xin chàng đừng hỏi đến việc đoạn trường ấy, nói ra càng đau đớn tấm lòng ».

(3) Cò thi : Hoa di ly chi, nan thượng chi. Thích : Có câu Cò thi rằng : « Hoa đã lìa nhành thì khó lên nhành ».

(4) Chúa-xuân là vợ chánh.

(5) Bồn thơ : Thú thiếp nan tưng lương bất dị. Thích : Cưới vợ bé khó. (Bên thú là Thúc-Sanh lấy vợ bé khó ; còn bên tông là Túy-Kiều đương ở lầu xanh mà theo người tử-tế cũng khó).

« Bình-khang (1) nấn-ná bấy lâu.
« Yêu hoa, yêu được một màu diễm trang :
« Rồi ra lạt phấn phai hương,
« Lòng kia giữ được thườnq-thương thế chẳng ?
« Và chẵn thềm quế cung trắng,
« Chủ trương dành đã chị hằng ở trong ! (2)
« Bấy lâu khăng-khít dài dòng, (3)
« Thêm người, người cũng chia long riêng-táy !
« Vẽ gì chút phạn bèo mây.
« Làm cho bề ai, khi đầy khi vơi !
« Trăm đều ngang-ngửa vì tôi,
« Thân sau ai chịu tội trời ấy cho ?
« Như chàng có vũng tay co,
« Mười phần cũng đắp diêm cho một vôi.
« Thè trong dầu lớn hơn ngoài,
« Trước hàm sư tử, (4) gởi người đàng-la !
« Cúi đầu lòn xuống mái nhà, (5)
« Giấm chua lại tội bằng ba lửa nồng ! (6)

(1) Bình-khang : Đường thời kỳ hạn. Thích : Hai chữ "Bình-khang" là tên xóm diêm thuở đời Đường.

(2) Nghĩa là trong nhà có người cai quản (như Hằng-Nga ở trong mặt trăng).

(3) Cờ thi : Mạc kết đồng tâm đái. Thích : Chờ kết giải đồng tâm.

(4) Liễu-thị, Hà-đông nhưn cường can, phu hứy chí. Tô-thi : "Hà-đông sư tử hầu, trụ trượng tâm mang nhiên". Thích : Nàng Liễu-thị là người quận Hà-đông anh hung dữ, chồng phải sợ ; nên ông Tô-đông-Pha có làm bài thơ rằng : "Quận Hà-đông con sư tử rống, nương gậy nghe hơi bụng sưng sờ". Đàng-la là dây leo theo cây lớn.

(5) Hoài ốc sử nhưn đài đầu bát đất. Thích : Nhà thấp khiến người ta ngược đầu lên không được.

(6) Ngử vân : Âm than liệt tư mảnh hỏa. Thiên hương tập : Thổ khanh bất như hỏa khanh. Đường Vô-Hậu tâm Tiêu-Phi nhập thổ ứng, có tác thiếp xưng vì thổ bình, tác kí vì nhập hỏa khanh. Thích : Tục ngữ rằng : "Than vùi nóng hơn lửa hừng". Trong tập Thiên hương rằng : Hàm giấm chẳng bằng hàm lửa. Nàng Vô-Hậu đời Đường ghen lăm bắt nàng Tiêu-Phi giấm trong kiêu giấm, cho nên làm thiếp người gọi là "bình giấm", còn làm đi thì gọi là vào hàm lửa.

« Nhà cầu còn lại vườn thông,
« Lượng trên trông xuống biết lòng có thương ?
« Sá chi liễu ngộ, hoa tường, (1)
« Lầu-xanh lại bỏ ra phường lầu-xanh !
« Lại càng dơ dáng đại hình,
« Đành thân-phận thiếp, ngại danh-giá chàng !
Thương sao cho vẹn thì thương,
Tình sao cho trọn mọi đường thì vưng. »
Sanh rằng : « Hay nói dè chừng,
« Lòng đây lòng đấy chưa từng hay sao ?
« Đường xa chớ ngại Ngô Lào !
« Trăm đều hãy cứ trông vào một ta.
« Đã gần chi có đều xa ?
« Đá-vàng đã quyết, phong-ba cũng liều ! »
Cùng nhau căn-dẫn đến đều,
Chỉ non thề biển, nặng gieo đến !ời.
Nỉ-non đêm vẫn, tình dài,
Ngoài hiên, thỏ đã non đoài ngậm gương.
Mượn điều trúc viện thừa lương, (2)
Rước về hãy tạm giấu nàng một nơi.
Chiến, hòa, sắp sẵn hai bài,
Cây tay thầy thợ mượn người dò-la. (3)
Bản tin đến mặt Tú-bà.
Thua cơ mụ cũng cầu hòa, dám sao ?

(1) Kị nữ vi tường hoa lộ liễu. Thích : Tục gọi đi làm điếm là « liễu ngộ hoa tường ».

(2) Thúc-Sanh di tị thứ Hoa-Dương viên trung vi tử, thỉnh ngôn di mai lương vi xương hưng tụng ; sử Bộ-Tân thuyết Tú-bà khán ý như hà. Thích : Thúc-Sanh giả đi hứng mát trong vườn nàng Hoa-Dương, nói rao đề kiện mụ Tú-bà rằng mua con gái nhà lành bắt đi làm đi ; rồi (Thúc-Sanh) biều tên Bộ-Tân đi nói cho Tú-bà hay, coi ý mủ tính làm sao.

(3) Thầy thợ : Hoa-Dương dả ; dò-la : Bộ-Tân-dả. Thích : Thầy thợ đó là nàng Hoa-Dương ; dò-la là tên Bộ-Tân.

Rõ-ràng của dãn tay trao,
Hoàn-lương (1) một thiệp thân vào cửa cống.
Cong tư hai lẽ đều xong,
Gót tiên phút đã thoát vòng trần-ai !
Một nhà sum hiệp trước mai,
Càng sâu nghĩa biển, càng dài tình sóng.
Hương càng đượm, lửa càng nồng,
Càng xuê vẻ ngọc, càng lồng màu sen !
32-. Nửa năm hơi tiếng vừa quen.
Sán ngó nhành bích đã xen lá vàng. (2)
Rào thu vừa nảy chồi sương, (3)
Gói yên đã thấy thung đường đến nơi.
Phong lôi nổi trận bời-bời,
Nặng lòng e-ấp, tính bài phân-chia.
Quyết nghe biện bạch một bề,
Dạy : « Cho ma phần lại về lâu xanh ! »
Thấy lời nghiêm-huấn rành-rành,
Đánh liều, Sanh mới lấy tình nài kêu.
Rằng : « Con biết tội đã nhiều,
« Dầu rằng sấm sét búa rìu cũng cam !
« Trót vì tay đã nhưng chàm,
« Dại rồi còn biết khôn làm sao đây ?
« Cùng nhau vả tiếng một ngày,
« Ôm cầm ai nỡ dứt dây cho đành ?
« Lượm trên đầu chẳng thương tình,
« Bạc đen, thôi có tiếc mình làm chi ! »

(1) Kị giá nhưn vì hoàn-lương. Thích : Thôi làm điểm về lấy chồng, gọi là « Hoàn-lương ».

(Theo lời diễn trong bản chữ annam thì nói lúc đó quan tỉnh có đời xử, dạy Thúc-Sanh phải trả y giá 415 lượng bạc vốn lại cho Tú-bà (ấy là bạc mua Túy-Kiều) và cho thêm 50 lượng nữa. Và có cho riêng nàng Dương-Hoa một trăm lượng.

(2) Ngô-đồng điệp hoàng sơ, thu đã. Thích : Lá cây ngô-đồng vàng là dấu mùa thu vậy.

(3) Thu ly sương càng. Thích : Rào nửa thu, nảy chồi sương.

Nghe lời sắt-đá tri-tri, (1)

Sốt gan, ông mới cáo qui cửa công.

Đất bằng nổi sóng ùng-ùng.

Phủ đường sai lá phiếu hồng thôi tra

Cùng nhau theo gót sai nhà,

Song-song vào trước sân hoa, lay quì.

Trông lên mặt sắt đen sì, (2)

Lập nghiêm trước đã, ra uy (3) nặng lời :

« Gã kia đại nết chơi-bời,

« Mà con người thế là người đong-đưa !

« Tuồng gì hoa thối hương thừa ?

« Mượn màu sơn phấn, đánh lừa con đen ! (4)

« Suy trong tình trạng nguyên đơn,

« Bề nào thì cũng chưa yên bề nào.

« Phép công chiếu án luận vào,

« Có hai đường ấy, muốn sao mặc mình :

« Một là cứ phép gia hình,

« Một là lại cứ lâu xanh phó về !»

Nàng rằng : « Đã quyết một b»,

« Nhện này vương lấy tơ kia mấy lần !

« Đục trong thân cũng là thân,

« Yếu-thơ vưng chịu trước sân lối-đình !

Dạy rằng : « Cứ phép gia hình,

« Ba cây (5) đóng chặt một nhánh mẫu-đơn. (6)»

(1) Hoa tiên : Tâm trường thiết thạch kiên. Thích : Thơ Hoa-tiên : Lòng ruột bền ơn sắt đá.

(2) Tống Bao-Chân, nhưn hồ vi thiết diện ngự sử, vô tình dã. Thích : Ông Bao-Chân nhà Tống, người ta kêu bằng quan Ngự-sử mặt sắt, không tư vị ai hết. (Ý nói ông chủ xử việc Thúc-Sanh là quan ngay thẳng cũng như ông Bao-Chân vậy).

(3) Ra uy là ra oai.

(4) Con đen là kẻ khờ dại.

(5) Hán thơ : Tam mộc nang đầu, thủ túc dư thủ dã.

Thích : Sách Hán thơ gọi chữ « tam mộc nang đầu » là nọc tay, nọc chơn và gông.

(6) Đường thi : Hưu tương lương phiếu mộc, giáp sát nhưt chi ba. Thích : Trong Đường thi có câu : « Cớ đem hai miếng cây, kèm giết nhánh bông. (Nhánh mẫu-đơn đây là chỉ Túy-Kiều).

Phận đành, chi dám kêu oan,
Đào nhân-nhó má, liêu tan-tác mày !
Một sân làm cát đã đầy,
Gương lờ nước thủy, mai gầy vóc sương !
Nghĩ tình chàng Thúc mà thương,
Nẻo ra trông thấy lòng càng xót-xa.
Khóc rằng : «Oan-khốc vì ta,
«Có nghe lời trước, chẳng đà kéo sau !
«Cạn lòng chẳng biết nghĩ sâu,
«Đề ai trắng tuyết, hoa sâu, vì ai ?»
Phủ-đường nghe thoảng vào tai.
Động lòng, lại gạn đến lời riêng-tây.
Sụt-sùi, chàng mới thưa ngay,
Đầu đuối kể lại sự ngày cầu thần :
«Nàng đã tình hết xa gần,
«Từ xưa nàng đã biết thân có rày.
«Tại tôi hững hờ một tay,
«Đề nàng cho đến nỗi này vì tôi !
Nghe lời người cũng thương lời,
Đẹp oai mới dạy mở bài giải vi ; (1)
Rằng : «Nhu hửn có ỉ thế thì,
«Trắng hoa, song cũng thị phi biết đều !»
Sanh rằng : «Chút phận bọt bèo,
«Theo đời vủ cũng ít nhiều bút-nghiên.»
Cười rằng : «Hũ thế thì nên,
«Mộc-già (2) hãy thử một thiên, trình nghề !»
Nàng vung, cắt bút tay đề,
Tiên hoa trình trước án phê xem tường.
Khen rằng : «Giá lướt Thịnh-Đường, (3)
«Tài này sắc ấy ngàn vàng chưa cân !

(1) Tinh sử : Đường Từ-Phi di kiều ngữ giải vi. Thích : Trong Tinh sử : Nàng Từ-Phi nhà Đường dùng lời điệu dàng mà giải vây.

(2) Mộc-già là cái gông (Ông Phú lấy chữ mộc-già làm đề mà ra thơ cho Túy-Kiều).

(3) Thịnh-Đường là thơ lúc nhà Đường đương hay.

« Thật là tài-tử giai-nhơn,
« Châu Trần, còn co Châu Trần nào hơn ?
« Thôi đừng rước dư, cứu hờn,
« Làm chi lở nhiếp cho đờn ngang cung.
« Đã đưa đến trước cửa công,
« Dầu ngoài là phép, song trong là tình.
« Dầu con trong đạo gia đình,
« Thôi thì đẹp nổi bất bình là xong ! »
Kíp truyền sắm sửa lễ công,
Kiệu hoa lướt gió, đuốc hồng điềm sao.
Bày hàng cổ-nhạc xôn-xao,
Song-song đưa tới trước đạo sánh đôi.
Tương vì nét, trọng vì tài,
Thúc-ông thôi cũng đẹp lời phong ba.
Huê lan sức-nức một nhà,
Từng cay đắng, lại mặn-mà hơn xưa

33.- Mảnh vui rượu sớm cò trừu.
Đào đà phai thắm, sen vừa nảy xan
Trưởng hồ (1) vắng vẻ đêm ha h
E tình, nàng mới bày tình riêng chung :
« Phận bỏ từ vẹn chữ tông,
« Đồi thay nhận én, (2) đã hồng đầy nôi
« Tin nhà ngày một vắng tin :
« Mặn tình cát-lũy, lạt tình tao-khang ! (3)
« Nghĩ ra thật cũng nên dường,
« Tăm hơi ai dễ giữ-giàng cho ta ?
« Trộm nghe kể lớn trong nhà, (4)
« Ở trông khuôn-phép, nói ra mối-giềng.

(1) Hồ ỉnh, sa the tác trưởng. Thích : Tỉnh Hồ-quản dùng hàng mông làm trưởng.
(2) Yến nhận đại phi. Thích : Én nhận đồ bay (nghĩa là ở với vợ lớn rồi ở với vợ bé).
(3) Cát-lũy; đây cát leo, là vợ bé; tao khang là vợ chánh.
(4) Kể lớn trong nhà là vợ lớn.

« E thay những dạ phi-thường,
« Để dò rùn biển, khôn lường đáy sông !
« Mà ta trót một năm ròng,
« Thế nào cũng chẳng giấu xong được nào !
« Bấy chầy chưa tỏ âm-hao,
« Hoặc là trong có làm sao chẳng là ?
« Xin chàng liệu kịp lại nhà,
« Trước người đẹp ý, sau ta biết tình.
« Vi bằng giữ mực giấu quanh,
« Rày lần mai lựa như hình chưa thông !»
Nghe lời khuyên-nhủ thông-dong,
Đành lòng, Sanh mới quyết lòng hồi trang.
Sáng ra gửi đến thung-đường,
Thúc-ông cũng vội giục-chàng ninh-gia. (1)
Tiền đưa một chén quan-hà,
Xuân đình (2) thoét đã dạo ra cao đình. (3).
Sóng Tần (4) một dải trong xanh,
Lời thối bơ liểu mấy nhánh Dương-quan. (5)

(1) Ninh-gia là thăm nhà.

(2) Nhung-Dục biệt tình nhưn thi : « Hảo thị xuân phong hồ thượng đình ; cái tửu đình dã. Thích : Bài thơ của người Nhung-Dục từ giả tình nhưn rằng : « Tốt thay quán rượu gió xuân mát ; quán rượu là chữ tửu đình (chữ xuân đình lấy chữ trong câu thơ trên đó).

(3) Nhan-diên-Chi tiên biệt thi : « Tịch trường đình cao, thần nghi cấm uyên. Thích : Người Nhan-diên-Chi làm bài thơ tiên biệt rằng : « Ngậm ngùi quán rượu lúc trời chiều, khép nép vườn xuân khi tảng sáng ». (Chữ « cao đình » lấy chữ trong câu thơ này).

(4) Vị tây cửu chiết chi đề vân : « Sùng đầu lưu thủy, minh tỉnh u yết, diêu vọng Tần xuyên, can trường đoạn tuyết. Thích : Đề thơ « Vị tây cửu chiết » rằng : « Đầu gò nước chảy kêu tiếng lao rao, xa trông sông Tần, đau đớn tâm bào ». (Chữ Tần lấy trong câu thơ này).

(5) Vương-Duy tiên biệt thi : Vị thành triều vô áp khinh trần, Khách xá thanh thanh liểu sắt tân ; Khuyên quân cánh tận nhưt bôi tửu, Tây xuất Dương-quan vô cố nhưt. Thích : Ông Vương-Duy làm bài thơ tiên biệt rằng : « Thành Vị mưa mai ước buổi hồng. Xanh xanh màu liểu dựa thêm đông ; Khuyên người ráng cạn vài ly nữa, Ra chốn Dương-quan cảnh lạ lung ». (Chữ Dương-quan lấy điển trong bài thơ này).

Cầm tay dài thở vẫn than,
Chia-phui ngừng chén hiệp tan ghen lời. (1)
Nàng rằng : « Non nước xa khơi,
« Sao cho trong ấm, thì ngoài mới êm !
« Dễ lòa yếm thắm trốn kim,
« Làm chi bưng mắt, bắt chim khó lòng.
« Đói ta chút nghĩa dèo bông,
« Đến nhà trước liệu nói sòng cho mình.
« Dầu khi sóng gió bất tình,
« Lớn ra uy lớn, tôi dành phận tôi.
« Hơn đều giấu ngược giấu xuôi,
« Lại mang những việc tày trời đến sau.
« Thương nhau xin nhớ lời nhau,
« Nám chày cũng chẳng đi đâu mà chày !
« Chén đưa nhớ bữa hôm nay,
« Chén mừng xin đợi đêm này năm sau ! »
Người lên ngựa, kẻ chia bào,
Rừng phong, thu đã nhuộm màu quan-san. (2)
Dặm hồng bụi cuốn chinh-an, (3)
Trống người đã khuất mấy ngàn dâu xanh.
Người về chiếc bóng năm canh,
Kẻ đi muốn dậm một mình xa xuôi !
Vầng trăng ai xẻ làm đôi,
Nửa in gối chiếc, nửa soi dặm trường ! (4)

(1) Cò thi : Vị ngữ hầu đầu tiên yết ngạch. Thích : Bài Cò thi : « Chưa nói mà trước đã nghệt nơi cò hòng.

(2) Đình xa tọa ái phong lâm vân, thu điệp hồng ư nhị nguyệt hoa. Thích : Ngừng xe miễn cảnh rừng phong, lá thu hơn sắc huê hồng tháng hai.

Tây-Sương : Thu lại thủy nhiệm phong lâm túy. Thích : Lại có điền trong Tây-Sương như vậy nữa : Mùa thu ngọn gió phát phơ, rừng phong sắc túy bây giờ mới hay.

(3) Chinh an là cái yên ngựa đi đường. (Bụi hồng đã bay lấm cái yên ngựa của người đi đường).

(4) Đường thi : Thủy bả ngọc bôi phân lưỡng đoạn, bán trăm thủy đề bán phủ không. Thích : Trong Đường thi ai chia chén ngọc ra hai miếng, nửa nôi nửa chìm rất tham thay. (Câu đó cũng lấy trong điền này).

34.- Kể chi những sự dọc đường,
Buồng trong (1) này nổi chủ trương ở nhà.
Vốn dòng họ Hoạn danh-gia,
Con quan Lại-bộ tên là Hoạn-Thơ.
Duyên dang (2) sớm thuận gió đưa,
Cùng chàng kết tóc, xe tơ những ngày.
Ở ăn thì nết cũng hay,
Nói đều giam buộc thì tay cũng già !
Từ nghe vườn mới thêm hoa,
Miệng người đã lắm, tin nhà thì không.
Lửa tâm càng dập càng nồng, (3)
Trách người đen bạc ra lòng trắng hoa :
« Vi bằng thú thật cùng ta,
« Cũng dung kẻ dưới, mới là lượng trên !
« Đại chi chẳng giữ lấy nền,
« Hay chi mà chác tiếng ghen vào mình ?
« Lại còn bưng-bit giấu quanh,
« Làm gì những thói trẻ ranh nực cười !
« Tinh rằng cách mặt khuất lời,
« Giấu ta, ta cũng liệu bài giấu cho !
« Lo chi việc ấy mà lo,
« Kiến trong miệng chén lại bỏ đi đâu ?
« Làm cho nhìn chẳng được nhau,
« Làm cho đày đọa cất đầu chẳng lên !
« Làm cho trông thấy nhãn tiền,
« Cho người thăm ván, bán thuyền, (4) biết tay.
Nổi lòng kín chẳng ai hay,
Ngoài tai để mặc gió bay mái ngoài.

(1) Buồng trong chỉ là vợ lớn.
(2) Thời lai phong tống dăng vương các. Thích : Gặp thời gió các dăng vương, dường năm trăm dặm một đêm đến liền. (Thơ của Vương-Bột đời Đường).
(3) Sự giận dăng nó lại chừng nào nó lại càng thêm hơn.
(4) Thấy ván mới tham, bán thuyền đi. (Mới chuộng cũ vong).

Tuần sau bỗng có hai người,
Mách tin, ý cũng liệu bài tân công. (1)
Tiêu thơ nổi giặc: dùng dùng :
« Góm tay thâu dệt, ra lòng trêu người !
« Chồng tao nào phải như ai ?
« Đều này hẳn miệng, những người thị phi.»
Vội vàng làm dữ ra uy,
Đưa thì vả miệng đưa thì bẻ răng.
Trong ngoài kín-mít như băng,
Nào ai còn dám nói năng một lời ?
Buồng the khuya sớm thành-thời,
Ra vào một mực, nói cười như không.

35.- Đêm ngày lòng những dần lòng,
Sanh đã về đến lâu hồng xuống yên.
Lời tan hiệp, nổi hàn-huyền,
Chữ tình càng mặn, chữ duyên càng nồng.
Tây trần (2) vui chén hong-dong,
Nổi lòng ai ở trong lòng mà ra ?
Chàng về xem ý tú nhà,
Sự mình cũng sắp lán la tỏ bày.
Mấy phen cười tỉnh nói say,
Tóc-tơ bất động mây-may sự-tình,
Nghĩ : «Đã bưng kín miệng bình,
« Nào ai có khẩu, mà mình lại xưng »
Những là e-ấp dùng-dằng,
Rút dây, sợ nữa động rừng, lại thôi !
Có chi vui chuyện mua cười,
Tiêu-thơ lại dở những lời đầu-đầu ;
Rằng : «Trong ngọc đá vàng thau,
• Mười phần ta đã tin nhau cả mười.
« Khen cho những miệng đông-dài,
« Bướm ong lại đặt những lời nọ kia !

(1) Châu-tát-Đại thi : Táo tì sá tân công. Thích : Thơ người Châu-tát-Đại : « Đầy tớ nấu ăn dựng công mới.

(2) Tây trần là tiệc rượu rửa bụi, mừng người đi đường mới đến.

«Thiếp dầu vụng chằng hay suy,
«Đã do bụng nghĩ, lại bìa miệng cười !,
Thấy lời thủng-thỉnh như chơi,
Thuận lời chằng cũng nói xuôi đờ đòn.
Những là cười phẩn, cợt son,
Đèn khuya chung bóng, trăng tròn sánh vai.

36.- Thú quẻ thuần hức bén mùi, (1)
Giếng vàng đã rụng một vài lá ngô. (2)
Chạnh niềm nhớ cảnh giang-hồ,
Một màu quan-tái, mấy mùa gió-trắng.
Tình riêng chưa dám hở răng,
Tiểu-thơ trước đã liệu chừng nhủ qua :
« Cách năm mây bạc xa-xa, (3)
« Lâm-tri cũng phải tình mà thần hôn. (4) »
Được lời như mở tức-son,
Vó câu thẳng ruồi nước-non quẻ người.
Long-lanh đầy nước in trời,
Thành xây khói biếc, non phơi bóng vàng.
Vó câu vừa giống dặm trường,
Xe hương (5) Thơ cũng thuận đường qui-ninh. (6)
Thưa nhà huyền (7) hết mọi tình,
Nỗi chàng ở bạc, nỗi mình chịu đen.
Nghĩ rằng : « Ngừa ghẻ hờn ghen,
« Xấu chàng mà có ai khen chi mình ?
« Vạy nên nọhnh mặt làm thình,
« Mưu cao vốn đã rắp-ranh những ngày.

(1) Tấn Lý-Ung thu phong tư thuần canh lư khoái. Thích : Người Lý-Ung nhà Tấn nghe hơi gió thu, chạnh nhớ canh rau « thuần », gọi cá « lư ».

(2) Lá ngô đồng rụng thì là sông mùa thu rồi.

(3) Thái-hành sơn bạch vân. Thích : Mây, trắng ở núi Thái-hành.

(4) Thần hôn là « Thần tình hôn định » nghĩa sớm viêng tối thăm cha mẹ.

(5) Vi-Trang thi : Phi kỳ hoàng kim lạc, hương xa túy đến trang. Thích : The

ngươi Vi-Trang : Ngựa dùng làm khớ oàng vàng ; xe hương, nệm túy, chỉ đàn ruồi cung.

(6) Qui-ninh là về nhà cna mẹ. (7) Nhà huyền là mẹ.

« *Làm-tri đàng bộ thàng chầy,*
• *Mà đàng hải đạo, sang ngay thì gần.*
« *Dọn thuyền, lựa mặt gia nhơn,*
« *Hãy đem dây xích buộc chơn nàng về.*
« *Làm cho, cho đại, cho mê,*
« *Làm cho đau đớn ê-chẽ cho coi.*
« *Trước cho bỏ ghét những người,*
« *Sau cho để một trò cười về sau !»*
Phu-nhơn khen chước rất mầu,
Chiều con mới dạy mặc dầu ra tay.
Sửa-sang bươm gió lèo mây,
Khuyển, Ưng, lại lựa một bầy côn-quang. (1)
Dẫn-dò hết các mọi đàng,
Thuán phong một lá vượt sang biển Tề.
Nàng từ chích bóng song the,
Đàng kia nổi nọ, như chia mỗi sầu.
Bóng đầu đã xế ngang đầu,
Biết đầu ấm lạnh, biết đầu ngọt bùi ?
Tóc thề đã chấm ngưng vai, (2)
Nào lời non-nước, nào lời sắt-son ?
Sấn, bìm (3) chút phận con-con ?
Khuôn duyên biết có vương tròn cho chẳng ?
Thân sao nhiều nổi bất bằng ?
Liều như ả Tố cung trắng nghĩ nào.
Đêm thu gió lọt song đào,
Nửa vành trăng khuyết, ba sao giữa trời, (4)
Nén hương đến trước phật-đài,
Nổi lòng khăn chữa cạn lời vân-vân.
Dưới hoa dây lữ ác-nhơn,
Ầm ầm khốc quỷ kinh thần mọc ra !
Đầy sân girom rứt sáng lò,
Thất-kinh, nàng chữa biết là làm sao ?

(1) Công-quang là quân hoang-đàng, du côn.

(2) Tóc cắt mà thề với Thúc-Sanh bây giờ ra xuống đã chấm vai.

(3) Sấn, bìm là dây sấn, dây bìm bìm, chỉ là vợ bé.

(4) Trong sách Thi-kinh có nói : Tam tinh tại thiên.

Thuốc mê đầu đã rưới vào,
Mơ-màng như giấc chiêm bao biết gì !
Đặt ngay lên ngựa tức thì,
Phòng thêu, viện sách, bốn bề lửa động ;
Sẵn thây vô chủ bên sông,
Đem về để đánh lặn sông (1) ai hay.
Tôi đòi phách lạc hồn bay,
Xông pha bụi cỏ, gốc cây ần minh.
Thúc-ông, nhà cũng gần quanh,
Chợt trông ngọn lửa thất kinh rụng-rời.
Tôi thấy chạy thẳng đến nơi,
Tôi rời trời lửa tìm người lao-xao.
Gió cao ngọn lửa càng cao,
Tôi-đòi tìm đủ, nàng nào thấy đâu ?
Hắt-hơ hắt hải nhìn nhau,
Giếng sâu bụi rậm, trước sau tìm quàng ;
Chạy vào chốn cũ phòng-hương,
Trong tro thấy một đồng xương cháy tàn.
Ngay tình ai biết mưu gian,
Hắn nàng, thời lại có bàn rằng ai !
Thúc-ông rơi lụy vẫn dài,
Nghĩ con vắng-vẻ, thương người nết-na !
Di-hải nhật sắp về nhà,
Nào là khâm-liệm, (2) nào là tang-trai. (3)
Lẽ thường đã đủ một hai,
Lục-trình (4) chàng cũng đến nơi bây giờ.
Bước vào chốn cũ lâu xưa,
Tro than một đồng, nắng mưa bốn tường.
Sang nhà cha, đến trung đường,
Linh-sàng bài-vị thờ nàng ở trên.

(1) Đánh lặn sông là đánh lặn, gạt người. (2) Khâm-liệm là ôm đẽ liệm xác.
(3) Tang-trai là dề tang, làm chay. (4) Lục-trình là đi bộ.

Hỡi ôi ! nói hết sự duyên !
Tơ tình đứt ruột, lửa phiền cháy gan !
Gieo mình vật vữa khóc than :
« Con người thế ấy, thác oan thế này !
« Chắc rằng mai trước lại vầy,
« Ai hay vĩnh-quyết là ngày đưa nhau !
« Thương càng nghĩ, nghĩ càng đau,
« Đoạn-trường ai có qua cầu mới hay.

« 37.- Gần miền, nghe có một thầy,
Phi phù tri quỷ, cao tay thông-huyền.
Trên tam-đảo, (1) dưới cửu-tuyền. (2)
Tìm đâu thì cũng biết tin rõ-ràng.
Sấm sanh lễ-vật rước sang,
Xin tìm cho thấy mặt nàng hỏi han.
Đạo-nhơn phục trước tỉnh dân, (3)
Xuất thần giây phút chưa tàn nén hương.
Trở về mình bạch nói tường :
« Mặt nàng chẳng thấy, việc nàng đã tra ;
« Người này nặng kiếp oan-gia.
« Còn nhiều nợ lắm sao đã thác cho !
« Bội cung (4) đang mắc nạn to,
« Một năm nữa, mới thăm dò được tin ;
« Đói bên giáp mặt chiều-chiền,
« Muốn nhìn mà chẳng dám nhìn lạ thay !,
« Đều đâu nói, lạ đường này,
« Sự nàng đã thế lời thầy dám tin !
« Chẳng qua đồng cốt quàng-xiên, (5)
« Người đâu mà lại thấy trên cõi trần ?

(1) Tam-đảo : Bồng lai, Phương-trượng, Dinh-Châu, nãi tiên đảo. (Ba hòn núi ấy là cõi tiên). (2) Cửu-tuyền : Âm-phủ, cửu trùng thăm tuyền dã. (Chín suối, âm phủ).

(3) Tỉnh dân là bàn thờ.

(4) Bội : Bội tình dâm ; Bội tình lâm mạng cung, tác hữu đại nạng. Thích : Chữ Bội là sao Bội ; sao Bội đến mạng cung của mình, thì có nạng to.

(5) Lạng-Sơn, Sơn-Man các xứ, nam vu viết quàng, nữ vu viết xiên, diệt hữu Trung-châu chi nam đồng nữ cốt dã. Thích : Xứ Lạng-Sơn và xứ Sơn-Man, bóng trai gọi rằng "quàng" bóng gái gọi rằng "xiên" ; còn xứ Trung-châu bóng trai kêu bằng "đồng" bóng gái kêu bằng "cốt" .

Tiệc hoa những ngắm-người xuân ;
Thân này để lại mấy lần gập tiên !
Đánh rành nàng đã cứu-tuyền.
Hay đâu địa-ngục ở miền nhơn-gian !

38.- Khuyển, Ưng đã dắt mưu gian,
Đem nàng đưa xuống để an dưới thuyền.
Bư m cao, treo thẳng cánh chuyền,
Đè chừng Vô-Tịch, bằng miền vượt sang :
Dỡ đồ lên trước sảnh đường,
Khuyển, Ưng hai đưa nộp nàng dựng công.
Đem nàng bỏ xuống cửa phòng,
Hãy còn thêm-thiếp giấc nồng chưa phai ;
Mơ màng chợt lĩnh hồn mai (1)
Cửa nhà đâu mất, lâu đài nào đây ?
Bàng-hoàng đỡ tỉnh, đỡ say,
Sảnh-đường mắng tiếng, đòi ngay lên hầu.
Liều-hườn liền xuống giục mau,
Hãi-hùng, nàng mới theo sau một người.
Liếc trông tòa rộng dãy dài.
« Thiên-quan-trùng-tễ » có bài treo trên.
Ban ngày sập thấp hai bên,
Giữa giường thất-bửu, (2) ngồi trên một bà.
Gạn-gùng ngọn hỏi, ngành tra,
Sự mình nàng mới cứ mà hỏi thưa.
Bất tình nổi trận mây mưa,
Mắng rằng : Giống khéo bơ thờ quen thân !
« Con này chẳng phải thiện-nhân,
« Chẳng phùng trốn chúa, thì quân lộn chông !

(1) Tùy Triệu-sur-Hùng, tại La-phù-sơn, mai thực hạ, kiến mĩ nhơn xuất nghinh, cái mai hồn dã. Thích : Người Triệu-sur-Hùng nhà Tùy, ở tại núi La-phù, ở dưới cây mai thấy có người con gái đẹp ra rước, nên mới nói rằng hồn mai.

(2) Giường thất bửu là giường càn ngọc ngà quý báu lắm.

« Ra tuồng mèo mả, gà đồng, (1)
« Ra tuồng lũng-túng chẳng xong bề nào !
« Đã đem mình bán cửa tao,
« Lại còn khùng-khỉnh làm cao thế này !
« Nào là gia pháp nọ bay,
« Hãy cho ba chục, biết tay một lần ! »
Liều hườn trên dưới dạ rân,
Dẫu rằng trấm miệng, khôn phân lẽ nào.
Trước-côn, ra sức đập vào,
Thịt nào chẳng nát, gan nào chẳng kinh !
Xót thay đào lý một nhành, (2)
Một phen mưa gió tan-tành một phen.
Hoa-nô, truyền dạy đổi tên,
Buồng the dạy áp vào phiên thị-tì. (3)
Ra vào theo lủ thanh-y,
Dãi dầu tóc rối da chì, quần bao !
Quần-gia (4) có một mụ nào,
Thấy người, thấy nết, ra vào mà thương ;
Khi trà chén, khi thuốc thang,
Giúp lời phương tiện, mở đường hiểu sanh.
Dạy rằng : « May rủi đã đành,
« Liều-bờ mình giữ lấy mình cho hay.
« Cũng là oan-nghiệp chi đây,
« Sa cơ, mới đến thế này, chẳng nhưng.
« Ở đây tai vách mạch rừng, (5)
« Thấy ai quen thuộc cũng đừng nhìn chi.
« Kể khi sấm-sét bất kỳ,
Con sâu, cái kiến kêu gì được oan ! »

(1) Mèo mả là mèo ở mả, mèo hoang ; gà đồng là gà ở đồng, chỉ đừa vô chủ.
(2) Đào, lý là cây đào, cây lý, Thân phận con gái (yếu đuối như cây đào cây lý).
(3) Thị tì là đầy tớ gái.
(4) Quần-gia là người cai quản lủ đầy tớ.
(5) Tai vách mạch rừng là rừng có mạch, vách có tai.

Nàng càng giọt ngọc như chan,
Nỗi lòng luống những bàn-hoàn niếm tày :
« Phong-trần kiếp đã chịu đầy,
• Lằm than lại có thứ này bằng hai !
« Phận sao bạc chẳng vira thôi ! (1)
« Khăng-khăng buộc mãi lấy người hồng-nhan !
« Đã đánh túc-trái tiền-oan, (2)
« Cũng liêu ngọc nát, hoa tàn, mà chi ! »

39.- Những là nương nấu qua thì,
Tiểu-thơ phải buổi mới về ninh-gia.
Mẹ con trò-chuyện lán la,
Phu-nhơn lại gọi nàng ra dạy lời :
« Tiểu-thơ dưới trướng thiếu người.
• Cho về bên ấy theo đòi lâu trang, »
Lãnh lời nàng mới theo sang,
Biết đâu địa-ngục, thiên-đàng là đâu !
Sớm khuya khăn mặt, lược đầu,
Phận con hầu, giữ con hầu dám sai !
Có khi êm-ả chiều trời,
Trước tơ, hỏi đến nghề chơi mọi ngày.
Lãnh lời, nàng mới lựa dây,
Ni-non, thanh-thốt dễ say lòng người !
Tiểu-thơ xem cũng thương tài,
Khuôn oai dường cũng bớt nài bốn phân.
Cửa người, đày-đọa chút thân,
Sớm than thở bóng, khuya năn-nỉ lòng.
Lâm-tri, chút nghĩa đèo-bồng,
Nước bèo để chữ tương-phùng kiếp sau !
Bốn phương mây trắng một màu,
Trông vời cố quốc, biết đâu là nhà ?

(1) Tuy-Hầu Phu-nhơn thì : « Sắc mí phần tự khí, phận bạc hà khả lượng. Thích i
Bài thơ nàng Phu-nhơn của chúa Tuy-Hầu rằng : « Sắc sao sắc lại hại đường, cái đều phận
bạc dễ lường được sao ? »

(2) Túc trái tiền oan là nợ cũ, oan trước,

Ho.- Lăn-lăn thảng lụn ngày qua,
Nổi gần nào biết đàng xa thế này ?
Lâm-tri từ thuở oan bay, (1)
Phòng không thương kẻ thảng ngày chiếc thân.
Mày ai, trắng môi in ngần, (2)
Phần thừa, hương cũ, bội phần xót-xa.
Sen tàn, cúc lại nở hoa,
Sầu dài, ngày vẫn, đông đà sang xuân.
Tìm đâu có thấy cố-nhân ?
Lấy câu vận mạng, khuấy dần nhớ thương.
Chạnh niềm, nhớ cảnh gia-hương,
Nhớ quê chàng lại tìm đường thăm quê.
Tiểu-thơ đón cửa dả dề,
Hàn huyền vira cạn mọi bề gần xa.
Nhà hương cao cuốn bức là,
Phòng trong truyền gọi nàng ra lay mùng.
Bước ra một bước một ngừng,
Trông xa, nàng đã tỏ chừng nỗi xa.
« Phải rằng nàng quáng đèn lò, »
« Rõ ràng ngồi đó, chẳng là Thúc-Sanh ! »
« Bây giờ, tình mới rõ tình, »
« Thôi-thôi, đã mắc vào vành chẳng sai ! »
« Chúc đâu có chúc lạ đời, »
« Người đâu mà lại có người tình ma ! »
« Rõ-ràng thật lừa dối ta, »
« Làm ra con ở, chủ nhà, dối nơi. »
« Bề ngoài, thon thót nói cười, »
« Mà trong, nham hiểm, giết người không dao ! (3) »

(1) Oan bay là chim oan đi mất, chỉ nghĩa vợ chồng xa cách nhau, vì chim oan ương hai thứ không rời nhau như vợ chồng vậy.

(2) Chơn mày như trắng đầu thảng. — Ai, đây là nói Túy-Kiều.

(3) Đường Lý-nghĩa-Phú, tiểu trong hữu đao. Thích: Người Lý-nghĩa-Phú nhà Đường, miệng tuy cười mà lòng sâu hiểm hay giết người, nên người ta gọi rằng: « Trong tiếng cười có gươm đao ».

« Bây giờ, đất thấp trời cao,
• Ăn làm sao, nói làm sao bây giờ ? » (1)
Càng trông mặt, càng ngẩn-ngơ,
Ruột lăm đòi đoạn như tơ rối bời.
Sợ oai, dám chẳng vưng lời,
Cúi đầu nép xuống sân mai (2) một chiều
Sanh đà phách lạc, hồn xiêu :
« Thương ôi ! nọ chẳng nàng Kiều ở đây ?
« Nhơn làm sao đến thế này ?
• Thôi thôi ta đã mắc tay ai rồi ! »
Sợ quen, dám hở ra lời,
Khôn ngăn giọt ngọc sụt-sùi nhỏ sa.
Tiểu-thơ trông mặt hỏi tra :
« Mời về có việc chi mà động dong ? »
Sanh rằng : « Hiếu phụ vừa xong,
« Suy lòng trắc dĩ (3) đau lòng chung thiên b (4)
Khen rằng : « Hiếu tử đã nên !
« Tầy trần, mượn chén giải phiền đêm thu ».
Vợ chồng chén tạc chén thù, (5)
Bắt nàng rót rượu chực hầu đòi nơi ;
Bắt khoan, bắt nhất đến lời,
Bắt quì tạy mặt, bắt mời tạy tay.
Sanh càng như đại, như ngáy,
Giọt dài, giọt vẫn, chén đầy, chén vơi.
Ngảnh đi, chột nói, chột cười,
Cáo say, chàng đã tỉnh bài lảng ra.

(1) Tiểu đề cụ bất cảm, phương giác tổ nhơn nan. Thích : Khóc cười đều chẳng dám, mới biết làm người khó !

(2) Đường Thọ-dương-công-chúa, ngọa mai thềm hạ, diện thượng mai hoa, ngẩn vu mị. Thích : nàng Thọ-dương công-chúa nhà Đường nằm dưới thềm cây mai, trên mặt bông mai màu rất đẹp ». (Vì nàng ấy hay ngủ trưa dưới gốc mai trước thềm, cho nên người ta đặt chữ « sân mai »).

(3) Trắc dĩ là mẹ mới mất (Trắc bĩ dĩ hề, chiêm vọng mẫu hề).

(4) Chung thiên là tợn đời, chẳng hề khi nào quên.

(5) Chén tạc chén thù là chén mời chén trả, luân phiên nhau mãi mà uống.

Tiểu-thơ vội hét con Hoa :
« Khuyên chàng chẳng cạn thì ta có đôn !
Sanh càng nát ruột, tan hồn,
Chén mời phải ngậm bồ-hồn, ráo ngay !
Tiểu-thơ cười lĩnh, nói say,
Chưa xong cuộc rượu, lại bày trò chơi ;
Rằng : « Hoa-nô đủ mọi tài,
« Bản đờn thử gảy một bài, chàng nghe !
Nàng đã choáng-vàng lễ-mê,
Vung lời, ra trước bình the vắn đàn ;
Bốn dây như khóc như than,
Khiến người trên tiệc cũng tan nát lòng !
Cũng trong một tiếng tơ đồng,
Người ngoài cười nụ, người trong (1) khóc thậ̀m !
Hột châu lã chã khôn cầm,
Cúi đầu, chàng nhĩng gạt thậ̀m giọt Trương.
Tiểu-thơ lại thét lấy nàng :
« Cuộc vui, khảy khúc đoan-tràng ấy chi ?
« Sao chẳng biết ý tứ gì ?
« Cho chàng buồn-bã, tội thì tại người !
Sanh càng cảm-thiết bồi-hồi,
Vội-vàng nói nói, cười cười cho qua.
Giọt rờng (2) canh đã điếm ba,
Tiểu-thơ nhin mắt, dường đã cam tâm ;
Lòng riêng lấp-tửng mừng thậ̀m ;
« Vui này đã bỏ đau ngậm lâu nay ! » (3)
Sanh càng gan heo ruột đầy,
Nổi lòng càng nghĩ, càng cay đắng lòng.

(1) Ngoài là ngoài mặt, trong là trong ruột.

(2) Tiết-phùng cung tử : Thủy trích đồng long dạ lậu trờng. Thích : Giây lâu ước đêm thùng rờng, canh tràng thậ̀m-thiết tâm lòng khôn người.

(3) Bốn thơ : *Tiểu-thơ* khoái tâm mặ́ng ý, ám đạo kiêm dạ nhứt tịch tửu, tức tiêu cúng tiền chi khí hỷ. Thích : Nàng *Tiểu-thơ* vui lòng vừa ý, thậ̀m tưởng một tiệc rượu đêm nay, đủ tiêu hơi giận bấy lâu.

Người vào chung gối loan-phòng,
Nàng ra dựa bóng đèn chong canh dài.
Bây giờ mới rõ tâm hơi,
Máu ghen, đâu có lạ đời nhà ghen !
Chước đâu rẽ túy chia uyên, (1)
Ai ra đàng ấy, ai nhìn được ai ?
Bây giờ một vức một trời,
Hết đều khinh-trọng, hết lời thị-phi !
Nhẹ như bấc, nặng như chì,
Gỡ cho ra nợ còn gì là duyên ?
Lỡ-làng chút phận thuyền-quyên,
Biển sâu sóng cả, cỏ tuyền được vay !
Một mình âm-ỷ đêm chầy,
Đĩa dầu vơi, nước mắt đầy năm canh.

41.- Sớm khuya hầu hạ đài-đình,
Tiểu-thơ chạm mặt, dè tình hỏi tra.
Lựa lời nàng mới thừa qua :
« Phải khi mình lại xót xa nỗi mình ».
Tiểu-thơ hỏi lại Thúc-Sinh,
« Cậy chàng tra lấy thật tình cho nao ».
Sinh đã nát ruột như bào,
Nói ra chẳng tiện, trông vào chẳng đang !
Những e lại lụy đến nàng,
Lấy lòng mới sẽ liệu đường hỏi tra.
Cúi đầu qui trước sân hoa,
Thân-cung, nàng mới thảo qua một tờ ;
Diện-tiền trình với tiểu-thơ,
Thoát xem, dường có ngẩn-ngơ chút tình.
Liên tay trao lại Thúc-Sinh,
Rằng : « Tài nên trọng mà tình nên thương !

(1) Túy là con sa-sà tàu, tục kêu là chim thần-chải ; Uyên là chim oan (oan-ương).

« Vì sanh có số giàu sang,
« Giá này dẫu trừ nhà vàng (1) cũng nên!
« Biền trần, chìm nổi thuyền-quyên,
« Hữu-tài, thương nỗi vô-duyên lạ đời,
(2) Sanh rằng : «Thật có như lời,
« Hồng-nhan bạc mạng, một người nào vay ?
« Ngàn xưa âu cũng thế này,
« Từ-bi âu liệu bớt tay mới vira !» (3)
Tiểu-thơ rằng : «Ý trong tờ,
« Rắp đem mạng bạc, xin nhờ cửa không. (4)
« Thời thì thôi, cũng chịu lòng,
« Cũng cho cho nghĩ trong vòng bước ra.
« Sẵn Quan-âm-các vườn ta,
« Có cây trăm thước, có hoa bốn mùa. (5)
« Có thảo-thọ, có sơn-hồ,
« Cho nàng ra đó, giữ chùa chếp kinh ».
Tung-tung, trời mới bình-minh,
Hương-hoa ngũ cúng, sắm-sanh lễ thường ;
Đưa nàng đến trước Phật-đường,
Tam-qui (6) ngũ giới (7) cho nàng xuất gia.
Áo xanh đổi lấy ca-sa,
Pháp-danh lại đổi tên ra Trạc-tuyền.
Sớm khuya tỉnh đủ dầu đèn,
Xuân, Thu, (8) cắt sẵn hai tên hương trà.

(1) Hán-Vô thiêu thời vân : « Nhược đất A-Kiều, di kim ốc trú chi. Thích : Vua Vô Đế nhà Hán thuở tuổi trẻ nói rằng : « Nếu được A-Kiều thì cất nhà vàng cho nó ở ».

Từ số 2 đến số 3. — Sanh vân : « Thành như hiền thê chi ngôn, hồng nhan bạc mạng, thiên cô đồng nhiên, hiền thê tu từ bi đã ». Thích : Thúc sanh rằng : « Thật như lời hiền thê nói, hề hồng nhan phải mang bạc mạng, đời xưa cũng thế, hiền thê nên từ bi vậy. »

(4) Cửa không là cửa Phật (Là vì theo đạo Phật thì ở thế giới này muôn sự đều là hư vô cả).

(5) Bồ đề bá xích thọ, liên tọa tứ thời hoa. Thích : Cây Bồ đề là cây trăm thước, cái tòa sen là hoa bốn mùa.

(6) Tam qui là qui y phật, qui y pháp, qui y tăng.

(7) Ngũ giới là sát sanh, âm tửu, tà-dâm, gian đạo, khi trá.

(8) Xuân-hoa, Thu-nguyệt là tên hai đũa hầu.

Nâng từ lánh gót vườn hoa,
Đường gần rừng tía, (1) đường xa bụi-hồng.
Nhơn-duyên dâu nĩa mà mong,
Khỏi đều then phấn, tủi hồng thì thôi !
Phật-tiền thấm lãp, sâu vùi,
Ngày phở thủ-tự, đêm nhồi tâm-hương (2).
Mát thay giọt nước nhành dương (3)
Tro lòng (4) tươi tất mọi đường trần-duyên. (5)
Nâu sông từ trở màu thuyền,
Sân thu trắng đã vài phen đứng đầu.
Cửa thuyền, then nhật lưới mau,
Nói cười trước mặt, rơi châu vắng người. (6)
Các kinh, viện sách, đôi nơi,
Trong gang-tấc lại gặp mười quan san. (7)

42.- Những là ngậm thở, ngùi than,
Tiều-thơ phải buổi vấn-an về nhà.

(1) Vương-Bộc du tự thi : « Đồng đài không từ sấm. Thích : Trong bài thơ người Vương-Bộc đi chơi nơi chùa có câu : « Đền đồng đài kề nơi rừng tía ».

(2) Chiêu-minh tự bia : Ý điệp tâm hương. Thích : Cái bia nơi chùa Chiêu-minh có câu : Lá cây là ý, cây hương là lòng ».

(3) Phật gia hữu dương chi thủy. Thích : Nhà Phật có nước nhành dương, (là rây nước phép).

(4) Trang-Tử : Tâm khả sử như tự khô hồ ? Thích : Người Trang-Tử nói : « Tâm lòng khả khiến như tro nguội sao ? »

(5) Tiều-Thanh thi : Khê thủ từ vân đại sĩ tiền, mạc sanh Tây thổ mạc sanh thiên ; nguyên vì nhưt trích Dương chi thủy, sái khước nhơn gian tịnh để liên ». Thích : Bài thơ Tiều-Thanh : « Cúi xin đức Phật đoái tình, Chớ sanh Tây-độ chớ sanh Thiên-đình ; Xu làm một giọt nước linh, Rưới cho trong thể phạm tình đều an ».

(6) Tây-sương : Đối nhơn tiền xảo ngữ hoa ngôn ; bội tha lý sâu mi lụy nhân. Thích : Tây-sương : Trước mặt người nói thốt như thường, sau lưng họ mặt mày sâu thẳm.

(7) Cận chỉ xích nhi diếu nhược quan hà. Thích : Ở gần nhau trong gang thước, mà nói năng chỉ với nhau không đặng thì ví bằng cách mấy núi sông.

Thừa cơ, Sinh mới lên ra,
Xăm-xăm đến mé vườn hoa với nàng.
Sụt-sùi dỡ nổi đoạn tràng,
Giọt châu tầm-tả, ướt tràng áo xanh : (1)
« Đã cam chịu bạc với tình,
« Chứa-xuân để tội một mình cho hoa !
« Thấp cơ thua tri đàn bà,
« Trông vào đau ruột, nói ra ngại lời !
« Vì ta cho lụy đến người,
« Cát lăm ngọc-trắng, thiệt-thời xuân-xanh !
« Quấn chi kén thác, xương gành,
« Cũng loan sống, thác với tình cho xong !
« Tống-đường chút chứa cam lòng,
« Nghiến răng bẻ một chữ đồng làm hai ! (2)
« Thẹn mình đá nát, vàng phai,
« Trăm thân dễ chuộc (3) một lời được sao ?
Nàng rằng : «Chiếc bá sóng đào,
« Nổi chìm cũng mặc lúc nào rủ-may !
« Chút thân quẩn-quại vũng lầy,
« Sống thừa còn tưởng đến rày nữa sao ?

(1) Tì-bà hàng : Tự trung khắp hạ thù tối đa, Giang-châu Tư-mã thanh sam thấp.
Thích : Bài Tì-bà : Trong đám nghe đồn ai khóc nhiều ? duy có quan Tư-mã Giang-châu
ướt vạt áo xanh. (Tích Ngươn-Chấn đời Đường bị trích ra làm quan Tư-mã Giang-châu.
Đến lúc đưa anh em bạn xuống thuyền, nghe tiếng đồn Tì-bà, xeo ghe lại gần mà hỏi :
«Đồn sao mà thảm thiết vậy ?» Người đồn ấy thưa rằng : «Tôi nguyên khi trước là người
danh kỹ ở Lạc-dương, nay già rồi, lấy một người chồng già đi bán trà khô, nên tôi ở
nhà buồn rầu mà đồn ra như thế.» Ông Ngươn-Chấn nghĩ mình cũng bị trích mà ra xứ
này, nên nhớ việc xưa của mình, chạnh lòng cũng sa nước mắt dầm dề, ước cả tràng áo
xanh). (2) Cựe chẳng đã phải phân rẽ nhau.

(3) Thi : Như khả thực hề, nhơn bách kỳ thân. Thích : Trong Kinh thi có câu rằng :
« Nếu khá chi ộc được vậy, thì người khác đem trăm thân xin thế ».

(4) Chiếc bá sóng đào nghĩa là cái thuyền tình là phận con gái bị linh đình giữa
sóng gió.

« Cũng liều một giọt mưa-dào, (1)
« Mà cho thiên-hạ trông vào cũng hay !
« Trót vì cầm đã-bén dây,
« Chẳng trăm năm, cũng một ngày duyên ta !
« Liều bài mở cửa cho ra,
« Ấy là tình nặng, ấy là ơn sâu ! »
Sanh rằng : « Riêng tưởng bấy lâu,
« Lòng người nham hiểm, biết đâu mà lường !
« Sợ khi oông tổ phụ-phàng,
« Thiệt riêng đấy, cũng lại càng cực đày.
« Liều mà xa chạy cao bay,
« Ái-ân ta có ngần này mà thôi !
« Bây giờ kẻ ngược, người xuôi,
« Biết bao giờ lại nối lời nước non ?
« Dẫu rằng sông cạn đá mòn,
« Con tầm đến chết cũng còn vương tơ ! » (2)
Cùng nhau, kẻ lẽ sau xưa,
Nói rồi lại nói, lời chưa hết lời ;
Mặt trông, tay chẳng nở rời,
Hoa-ti, (3) đã động tiếng người nẻo xa.
Ngần-ngơ nuốt-tử, đừng ra,
Tiều-thơ đầu đã rẽ hoa bước vào ;
Cười-cười nói-nói ngọt ngào,
Hỏi : « Chàng mời ở chốn nào lại chơi ? »
Đối quanh Sanh mới liệu lời :
« Tìm hoa quá bước, xem người viết kinh »,
Khen rằng : « Bút-pháp đã tinh,
« So vào với thiệp Lan-đình, nào thua !

(1) Hoa-Tiên : Thân em như hột mưa dào, hột sa xuống giếng, hột vào vườn hoa.

(2) Lý thi : Xuân tầm dào tử, tư phương tận. Thích : Thơ ông Lý : « Con tầm đến chết mới là hết tơ ».

(3) Hoa-ti là đây tứ gái, là xuân Hoa.

« Tiếc thay, lưu lạc giang-hồ,
« Ngàn vàng, thật cũng nên mua lấy tài !
Thuyền-trà cạn nước hồng-mai, (1)
Thung-dung nổi gót thơ-trai cùng về.

43.- Nàng càng e-lệ ủ-ê,
Kề tai hỏi lại hoa-tì trước sau.
Hoa rằng : Bà đến đã lâu,
« Dừng chơn đứng lại độ đầu nửa giờ ;
« Rành-rành kẻ tóc chơn tơ,
« Mấy lời nghe hết đã dư tử-tường ;
« Bao nhiêu nỗi khổ, tình thương,
« Nỗi ông vật vã, nỗi nàng thổ-than
« Ngăn tôi đứng lại một bên,
« Chán tai rồi mới bước lên trên lầu ».
Nghe thôi kinh-hãi xiết đâu :
« Đồn bà thế ấy, thấy âu một người !
« Ấy mời gan, ấy mời tài !
« Nghĩ càng thêm nỗi rồn gai (2) rụng rời !
« Người đầu sâu sắc nước đời,
« Thảo nào chàng Thúc ra người bó tay.
« Thật tang bắt được đường này,
« Máu ghen ai cũng chau mày nghiêng rặng.
« Thế mà êm chẳng đãi-đăng,
« Chào mời vui-vẻ, nói năng dịu-dàng !
« Giận ru ra dạ thế thường,
« Cười ru mới thật khôn lường hiểm sâu. (3)

(1) Thuyền gia dụng mai bì tác trà, danh hồng mai trà. Thích : Nhà Thuyền lấy vỏ cây mai trà, gọi là trà hồng mai.

(2) Rồn gai là dớn ốc.

(3) Đường Ngự-triều-Ân viết : Nộ giả thường tình, tiểu giả bất khả trách. Thích : Người Ngự-triều-Ân nhà Đường nói rằng : Giận ấy là tình thường, cười ấy không dò được.

« Thân ta, ta phải lo âu,
« Miệng hùm, nọc rắn (1) ở đâu chốn này !
« Vì chẳng chấp cánh cao bay,
« Rào cây lâu cũng có ngày bẻ hoa !
« Phận bèo bao quản nước sa,
« Linh-đỉnh đâu nữa cũng là linh-đỉnh ! (2)
« Chửn e quê khách một mình,
« Tay không chưa dễ tìm vành ấm no !»
Nghĩ đi nghĩ lại quanh-co,
Phật-tiền sẵn có mọi đồ kim-ngân.
Bên mình giắt đề hộ thân,
Lần nghe canh đã một phần trống ba.
Cất mình qua ngọn tường hoa,
Lần đàng theo bóng trắng tà về tây.
Mịt mù dậm cát đồi cây,
Tiếng gà điểm nguyệt, dấu giày cầu sương. (3)
Canh khuya, thân gái dậm trường,
Phần e đàng-sá, phần thương dải-dầu !
Trời đông vừa rặng ngàn dâu,
Bơ-vơ nào đã biết đâu là nhà !
Chùa đâu, trông thấy nẻo xa,
Rành-rành « Chiêu-ẩn-am », ba chữ bài ;
Xăm-xăm gỗ mái cửa ngoài,
Trú-trì (4) nghe tiếng rước mời vào trong.

(1) Kỳ quan : Mảnh hồ khâu trung kiếm, trường xà vi thượng châm ; lưỡng bang du vị độc, tởi độc phụ nhơn tâm. Thích : Trong Kim-cô-kỳ-quan có nói : « Gươm trong miệng cạp dữ, kim trong đuôi rắn dài, hai cái ấy còn chưa độc, bụng đờn bà lại độc hơn ».

(2) Văn-thiên-Tường thi : « Linh-đỉnh dương-ly thần linh-đỉnh. Thích : Thơ ông Văn-thiên-Tường rằng : « Đi ngang qua biển linh-đỉnh nào về cái phận linh-linh của mình ».

(3) Tảo hành thi : « Kẻ thính mao điểm nguyệt ; nhơn tịch bản kiều sương. Thích : Bài thơ đi khuya rằng : « Tiếng gà giục dả trắng nhà ngụ, chơn khách xuống pha tuyết giáng cầu ».

(4) Trú-trì là thầy chùa nhỏ giữ chùa.

Thấy màu ăn mặc nâu sồng,
Giác-duyên sư trưởng lạnh lòng liền thương ;
Gạn-gùng nhanh ngọn cho trường,
Lạ-lùng nằng hầy tìm đường nói quanh :
« Tiều-thuyền, quê ở Bắc-kinh,
« Qui sư, qui phật, tu hành bấy lâu ;
« Bồn sư rồi cũng đến sau,
« Dạy đũa pháp-bửu, sang hầu sư huynh. »
Rày vưng diện hiển rành-rành,
Chuông vàng, khánh bạc, bên mình dỡ ra.
Xem rồi, sư mới dạy qua ;
« Phải nơi Hằng thủy (1) là ta hậu tình !
« Phần e đờng-sá một mình,
« Ở đây chờ đợi sư huynh ít ngày ».
Gởi thân được chốn am-mây,
Muối dưa đắp đôi, tháng ngày thung-dung ;
Kê-kinh câu cũ thuộc lòng,
Hương-đèn việc cũ, trai-phòng quen tay.
Sớm khuya lá bối (2) phướn mây, (3)
Ngọn đèn khêu nguyệt, tiếng chày nện sương. (4)
Thấy nằng thông huệ khác thường,
Sư càng nể mặt, nằng càng vững chơn.
44.— Cửa thuyền vừa liết cuối xuân,
Bóng hoa lợp đất, vẻ ngân ngang trời.
Gió quang, mây tạnh thanh-thời,
Có người đàn-việt (5) lên chơi cửa giả ; (6)

(1) Hằng-thủy là cái chùa của bà vải.

(2) Phật gia dụng « bối đa » điệp thơ chi. Thích : Nhà Phật dùng lá « bối đa » mà viết kinh.

(3) Phướn-mây-thuyền gia, vân-phướn dã, (là « vân-phướn », của nhà thuyền).

(4) Đêm thì lo hương đèn, còn lúc tan sương thì đánh chuông.

(5) Nhơn áo tự, viết đàn việt. Thích : Phạm người đến chùa gọi là người « đàn-việt ».

(6) Già-lam, thuyền môn dã. Lý-trát-Ngô vi Giao-châu thú, mỗi nhập già-lam phán sự. Thích : Già-lam là cửa Phật. Người Lý-trát-Ngô làm quan thái thú Giao-châu, hay vào nơi chùa mà dạy việc quan,

Dở đờ chuông khánh xem qua,
Khen rằng : « Khéo giống của nhà Hoạn-nương ! »
Giác-duyên thật ý lo lường,
Đêm thanh mới hỏi lại nàng trước sau.
Nghĩ rằng khôn nổi giấu màu,
Sự mình nàng mới gót đầu bày ngay :
« Bảy giờ, sự đã dường này,
« Phận hèn dầu rủi, dầu may tại người ! »
Giác-duyên nghe nói rụng-rời,
Nửa thương, nửa sợ, bồi-hồi chẳng xong.
Dĩ tại mới kể sự lòng :
« Ở đây cửa Phật là không hẹp gì ;
« E chớ những sự bất kỳ,
« Để nàng cho đến nổi, thì cũng thương !
« Lánh xa trước liệu tìm đường,
« Ngồi chờ nước đến băng (1) dường còn quê ! »
Có nhà họ Bạc bên kia,
Am mây quen lối đi về dầu hương.
Nhấn sang dấn hết mọi đường,
Dọn nhà hãy tạm cho nàng trú chơn.
Những mừng được chốn an thân,
Vội vàng nào kịp tính gần tính xa ;
Nào ngờ cũng tở bợm già,
Bạc-hà học với Tú-bà đồng-môn !
Thấy nàng mặt phấn, tươi son,
Mừng thầm được mối bán buôn có lời.
Hư không, đặt để nên lời,
Nàng đã giốn-giác rụng-rời lắm phen ;
Mụ càng xui giục cho liền,
Lấy lời hung-hiềm, ép duyên Châu-Trần.
Rằng : « Nàng muốn dấm một thân,
« Lại mang lấy tiếng dữ gần, lánh xa !

(1) Băng là ngập. (Để nước ngập đến tròn mới nhảy thì quê lắm !)

« Giống oan gia của phá-gia,
« Còn ai dám chừa vào nhà nữa đây !
« Kịp toan kiếm chốn xe đây,
« Không nhưng chưa dễ mà bay đằng trời.
« Nơi gần thì chẳng tiện nơi,
« Nơi xa thì chẳng có người nào xa.
« Có chàng Bạc-Hạnh, cháu nhà,
« Cũng trong thân thích ruột-rà chẳng ai.
« Cửa hàng buôn bán Châu-thai,
« Thật-thà có một, đơn-sai chẳng hề !
« Thế nào, nàng cũng phải nghe,
« Thành thân rồi sẽ liệu về Châu-thai ;
« Bây giờ ai lại biết ai ?
« Dầu lòng biển rộng, sóng dài thỉnh-thình.
« Nàng dầu quyết chẳng thuận tình,
« Trái lời nẻo trước, lụy mình đến sau ! »
Nàng càng mặt ủ mày chau,
Càng nghe mụ nói, càng đau như dằm ;
Nghĩ mình túng đất, sầy chơn,
Thế cũng nàng mới xa gần thở than :
« Thiếp như con én lạc đàn,
« Phải cung, rày đã sợ làn cây công. (1)
« Cùng đảng dầu tình chữ tòng,
« Biết người, biết mặt, biết lòng làm sao ? (2)
« Sợ khi muốn một thế nào,
« Bán hùm buôn khải, chắc vào lưng đâu ? (3)
« Dầu ai lòng có sở cầu,
« Tâm mình (4) xin quyết với nhau một lời!

(1) Kinh cung chi điều, kiến khúc mộc nhi cao phi. Thích : Con chim đã phải sợ cung, thấy cây công thì bay cao (cũng sợ).

(2) Tự ngữ : Tri nhơn, tri diện, bất tri tâm. Thích : Có lời tục ngữ rằng : « Biết người, biết mặt mà không biết lòng ! »

(3) Kỳ-quan : Mọi lang mai hồ, tả khoán vô bằng. Thích : Trong Kim-cổ-kỳ-quan : « Mua hùm bán khải, viết giấy không đủ bằng cớ. » Ở Nghệ-an, Hà-tĩnh gọi cộp là « khải ».

(4) Tâm mình là thề.

« Chứng minh có đất, có trời,
« Bảy giờ lướt biển, ra khơi quán gì ? »
Được lời, mụ mới ra đi,
Mách tin họ Bạc tức thì sắm sanh ;
Một nhà đơn-đẹp lianh đĩnh,
Quét sân, đặt trác (1), rửa bình, thấp nhang.
Bạc-sanh qui xuống vôi-vàng,
Quá lời nguyện hết Thành-hoàng, Thờ-công ;
Ngoài sân, lòng đã tỏ lòng.
Trong màn làm lễ tư-hồng kết duyên,
Thành thân mới rước xuống thuyền,
Thuận buồm một lá xuôi miền Chân-thai.
Thuyền vừa đậu bến thành-thời,
Bạc-sanh lên trước tìm nơi mọi ngày.
Cũng nhà hàng-viện (2) xưa nay,
Cũng phường bán thịt, cũng tay buôn người ;
Xem người định giá vừa rồi,
Mỗi hàng một, đã ra mười thì buông ;
Mười người thuê kiệu rước nàng,
Bạc đem mặt bạc, kiếm đường cho xa. (3)
Kiệu hoa đặt trước thềm hoa,
Bên trông thấy một mụ ra vôi vàng.
Đưa nàng vào lạy gia-đường,
Cũng thần mây-trắng, cũng phường gầu-xanh !
Thoát trông, nàng đã biết tình,
Chim lồng không lẽ cất mình bay cao ! (4)
Chém cha cái số hoa-đào, (5)
Gỡ ra, rồi lại buộc vào như chơi.

(1) Trác là cái bàn (đặt bàn hương án). (2) Hàng viện là cái cửa hàng, lầu xanh.

(3) Bán lấy bạc rồi thì bọn Bạch-Hạnh kiếm đường đi xa.

(4) Hoa tiên : Thử sanh hảo tự lung trung điều, hữu dực nan phi thoát xuất thân.
Thích : Thơ Hoa tiên : Sống như chim ở trong lồng, có lông có cánh khó vùng mình bay.

(5) Đầu số Hồng-Loan, Đào-hoa thị phong tình chi khách. Thích : Trong sách Đầu số : Sao Hồng-Loan và sao Đào-hoa là khách phong tình. (Đồn bà bị hai sao ấy chiếu mạng thì cả đời phải giang-hồ).

Nghĩ đời mà ngán cho đời,
Tài tình chi lắm, cho trời đất ghen !
Tiếc thay nước đã đánh phen,
Mà cho bùn lại vẫn lên mấy lần !
Hồng-quân với khách hồng-quần, (1)
Đã xây đến thế, còn vẫn chưa tha !
Lỡ từ nước bước, bước ra, (2)
Cái thân liễu những từ nhà liễu đi !
Đầu xanh đã tội tình chi ?
Má hồng đến quá nửa thì chưa thôi !
Biết thân chạy chẳng khỏi trời,
Cũng liễu mặt phấn, cho rồi ngày xanh !

45.- Lần lữa gió mát trăng thanh,
Bông đầu có khách biên-đình sang chơi.
Râu hùm, hàm én, mày ngài,
Vui năm tấc rộng, thân mười thước cao ; (3)
Đường-đường một đứng anh hào,
Còn-quyền hơn sức, lược-thao gồm tài. (4)
Đội trời đạp đất ở đời,
Họ Từ tên Hải, vốn người Việt-đông ;
Giang-hồ quen thú vẫy-vùng,
Giương đàn nỉa gánh, non sông một chèo. (5)
Qua chơi, nghe tiếng nàng Kiều,
Tắm lòng nhi-nữ dễ xiêu anh-hùng ;

(1) Hồng-quân là ông Trời ; Hồng-quần là con gái lịch-sự.

(2) Cờ thi : Lạc phách nguyên tưng nhưt trước sai. Thích : Cờ thi : Lỡ từ một bước, bước ra.

(3) Vua Văn-Vương cũng cao 10 thước vậy.

(4) Lược thao là ba lược, sáu thao. (Ba lược là tướng lược, trận lược, chiến lược ; sáu thao là : Long thao, hồ thao, báo thao, vân thao, phong thao, lôi thao.

(5) Hoàng-Sào thi : « Bân thiên cung kiếm bằng thiên tưng ; nhưt trạo giang-hồ tận địa duy. Thích : Thơ của Hoàng-Sào : « Dọc ngang cung kiếm nửa lưng, giang-hồ một mái tung bưng núi sông. »

Thiếp danh đưa đến lầu-hồng,
Hai bên cũng liếc, hai lòng cũng ưa.
Tì rằng : « Tâm phúc tương cơ.
« Phải người trả g. gió vật vờ hay sao ?
« Bấy lâu nghe tiếng má đào,
« Mắt xanh (1) chẳng để ai vào có không ?
« Một đời được mấy anh-hùng !
« Bỏ chi cá chậu, chim lồng (2) mà chơi ! »
Nàng rằng : « Người dạy quá lời, (3)
« Thân này còn dám xem ai làm thương !
« Chút riêng chọn đá thử vàng, (4)
« Biết đâu mà gửi can-tràng vào đâu ?
« Còn như vào trước ra sau,
« Ai cho kén chọn vàng thau tại mình ? »
Tì rằng : « Lời nói hữu-tình,
« Khiến người lại nhớ câu Bình-nguyên-quân ! (5)
« Lại đây xem lại cho gần,
« Phỏng tin được một vài phần hay không ? »

(1) Tì vân : Văn khanh nhập viện đi lai, vô nhưn nhập thanh nhân trung, hữu thử phủ. Thích : Tì-Hải rằng : « Nghe nàng vào viện lâu nay, không có người nào cho vừa con nất nàng, có như vậy không ? — (Tích ông Nguyễn-Tịch nhà Tấn gặp người nào vừa ý mình thì ông ngó mà con mắt ông xanh ; còn ai không vừa ý mình thì ngó mà con mắt ông lại trắng).

(2) Bồn ngư lung điều, hà năng tự thích. Thích : Cá chậu chim lồng thông-thỏa làm sao cho đặng ?

(3) Kiều vân : Nhưn ngôn quá hi. Thích : Kiều rằng : Người nói quá vậy ?

(4) Kỳ-quan : Thí kim kiêm hữu thạch, kinh phá giả ngân nhưn. Thích : Trong Kỳ-quan : Thử vàng lấy đá mà coi, những người làm giả thì lòi mặt ra.

(5) Đường thi : Bất tri can đảm hướng thủy thị, linh nhưn khước ức Bình-nguyên-Quân. Thích : Đường-thi : Mật gan ai biết cho ai, xui người tất dạ nhớ hoài Nguyên-Quân. (Bình-nguyên-Quân là ông Triệu-Thắng đời Chiến-quốc, hay rước đãi khách lắm, trong nhà thường có 3000 người khách đến chơi).

Thưa rằng : « Lượng cả bao đong,
« Tấn dương (1) được thấy mấy rồng có phen,
« Rộng thương cổ nội hoa hèn,
« Chút thân bèo bọt dám phiền mai sau ! »
Nghe lời, vừa ý gật đầu,
Cười rằng : « Tri-kỷ (2) trước sau mấy người ?
« Khen cho con mắt tinh đời,
« Anh-hùng tìm giữa trần-ai mới giã !
« Một lời đã biết đến ta,
« Muốn chung ngàn tử cũng là có nhau. » (3)
Hai bên ý hiệp tâm đầu,
Khi thân, chẳng lựa là cầu mới thân !
Sự lòng ngỏ với băng-nhơn,
Hai trăm, lại cử nguyên ngàn, phát hoàn.
Buồng riêng sửa chốn thanh-nhàn,
Đặt giường thất-bửu, (4) vây màn bát-tiên. (5)
Trai anh-hùng, gái thùyên-quyên,
Phỉ nguyên sinh-phụng (6) đẹp duyên cỡi rồng (7)

(1) Tấn-dương : Tích vua Cao-tổ nhà Đường lên ngôi tại Tấn-dương. (Long phi Tấn-dương). (Ý Túy-Kiều nói Từ-Hải có ngày cũng xưng vương được).

(2) Bồn thơ : Từ vân « Khanh trần trung vật sắt anh hùng, mạc thất nhận dã ». Kiều vân : « Giá nhưt song thức anh hùng đích nhàn, khởi bất nhận chơn ? » Từ vân : Từ-Hải kiêm ngộ tri-kỷ liễu ». Thích : Từ-Hải rằng : « Người hãy đi kiếm anh hùng trong cõi trần, chớ tưởng ta là anh hùng mà lầm ». Túy-Kiều trả lời rằng : « Một ập con mắt tôi thật biết người anh hùng, chẳng có lầm đâu ? » Từ rằng : « Người Từ-Hải cậy ngày nay mới gặp bạn tri-kỷ. »

(3) Sang giàu muốn hộ cũng chung cùng với nhau.

(4) Thất bửu là 7 món báu này : pha-ly, xa-cử, châu, ngọc, vàng, bạc, đồi-mồi.

(5) Bát-tiên là tám ông tiên : Chung ly, Lữ đồng-Tân, Trương-quả-Lào, Tào-qu.đo-Cựu, Hà-tiên-Cô, Lý-thiết-Quây, Hàng-tương-Tử, Lam-thái-Hòa.

(6) Tả-Truyện : Tề Kinh-Trọng bốc thú viết : « Phụng hoàn vu phi, hòa minh tương tương. Thích : Sách Tả-Truyện : Người Kinh-Trọng nước Tề cưới vợ coi đặng quẻ rằng : « Chim phụng-hoàn hòa bay, tiếng kêu rảng-rảng. »

(7) Hán Hoàn-ngươn-Thúc nhị nữ phối Huỳnh-Thượng, Lý-Ung, quân thị thừa long. Thích : Đời Hán, hai người con gái của Hoàn-ngươn-Thúc gả cho Huỳnh-Thượng và Lý-Ung, đều là rề thừa long. (Thừa long là rề quý).

46. *Nửa năm hương lửa đương nồng,
Trượng-phu thoát đã động lòng bốn phương ;
Trông vời trời biển mênh mang,
Thanh gươm yên ngựa, lên đàng thẳng xông.
Nàng rằng : « Phận gái chữ tòng,
Chàng đi, thiếp cũng quyết lòng xin đi ».
Từ rằng : « Tâm phúc tương-tri,
Sao chưa thoát khỏi nữ-nhi thường tình ?
« Bao giờ mười vạn tinh binh,
« Tiếng bễ dậy đất, bóng sinh dục đương. (1)
« Làm cho rõ mặt phi-thường,
« Bấy giờ ta sẽ rước nàng nghi-gia.
« Bằng nay bốn biển không nhà,
« Treo càng thêm bận, biết là đi đâu ?
« Đánh lòng chờ đó ít lâu,
« Chầy chăng là một năm sau vội gì ? »
Quyết lời dứt áo ra đi, (2)
Gió đưa bằng (3) tiện đã lia dẫm khơi.
Nàng từ chiếc bóng song mai,
Đêm thâu dằng-đẵng, nhật gài then mây.
Sân rêu chẳng vẽ dấu giày,
Cổ cao hơn thước, liễu gãy vại phân.
Đoái trông muốn dẫm tử phần, (4)
Hồn quê theo ngọn mây Tần (5) xa-xa ;*

(1) Tiếng bễ là tiếng Trống-quân ; sinh là sinh kì (bóng cờ).

(2) Tấn Ôn-Kiều phụng biểu, mẫu chỉ chi, tuyệt cú nhi khứ. Thích : Người Ôn-Kiều nhà Tấn dựng tờ biểu, người mẹ căng, ông Ôn-Kiều không vưng lời, cắt đứt vạt áo mà đi.

(3) Bằng là một thứ chim lớn lắm (Bằng phi cứu vạn lý, chim bằng bay chín vạn dặm).

(4) Tử, phần là cây tử, cây phần, chỉ nhớ quê quán cha mẹ.

(5) Hàn-Dũ thi : Vân hoành Tần lãnh gia hà tại, tuyết ứng Lam quang mã bất tìn. Thích : Trong bài thơ của ông Hàn-Dũ (đưa cho cháu là Hàn-tương-Tử) có hai câu như vậy : « Mây phủ núi Tần nhà đã khuất, tuyết ứng ánh tía ngựa khôn dờn ».

Xót thay huyên cội xuân già,
Tấm lòng thương nhớ biết là có người ?
Chốc đà mười mấy năm trời,
Còn ra khi đã da mồi, tóc sương ! (1)
Tiếc thay chút nghĩa cũ-càng,
Dầu lìa ngó ý, còn vương tơ lòng ! (2)
Duyên em dầu nổi chỉ hồng,
Mới ra khi đã tay bằng tay mang !
Tấc lòng cố quốc tha hương,
Dường kia nổi nọ, ngồn-ngang bời-bời.
Cánh hồng bay bổng tuyệt vời,
Đã mòn con mắt phương trời đăm-đăm.
Đêm ngày luống những âm-thầm,
Lửa binh đâu đã ầm-ầm một phương !
Ngất trời sát khi mơ-màng,
Đầy sông kinh-ngạc, chập đờng giáp-binh.
Người quen thuộc, kẻ chung-quanh,
Nhủ nằng hãy tạm lánh mình một nơi.
Nàng rằng : « Trước đã hẹn lời,
« Dầu trong nguy-hiểm, dám đời ước xưa ! »
Còn đang dùng-dắng ngẩn-ngờ,
Mái ngoài đã thấy bóng cờ tiếng loa.
Giáp-binh kéo đến quanh nhà,
Đồng thanh cùng hỏi : « Nào là phu-nhơn ? »
Hai bên mười vị tướng-quân,
Đặt gươm, cỡi giáp, trước sân khấu đầu.
Cung-nga thề-nữ theo sau,
Rằng : « Vưng lệnh-chỉ rước châu vu-qui. »
Sẵn sàng phượng-liễn (3) loan-nghi, (4)
Hoa quan giấp-giới, hà y rỡ-ràng. (5)

(1) Da mồi là da trở ra như đôi-mồi : tóc-sương là tóc bạc trắng như sương.

(2) Ngẫu đoạn nhi ti do liên. (Cái ngó sen tuy bẻ gãy, mà cái tơ nó cũng còn liền . Ới

(3) Phượng-liễn là xe phụng, xe của vua. (4) Loan-nghi là cái song loan (cái kiệu)

(5) Hoa-quan là mào hoa ; hà-y là áo màu rắng trời.

Dựng cờ nổi trống lên đàng,
Trúc tờ dấy trước, kiệu vàng kéo sau.
Hỏa bài tiền lộ ruổi mau,
Nam-dinh nghe động trống châu đại-dinh.
Kéo cờ lũy, phát súng thành,
Từ-công ra ngựa, thân nghinh cửa ngoài.
Rõ mình là vẻ cán đai,
Hầy còn hàm én, mày ngài như xưa.
Cười rằng : « Cá nước duyên ư,
« Nhớ lời nói những bao giờ hay không ?
« Anh-hùng mới biết anh-hùng,
« Rày xem phỏng đã cam lòng ấy chưa ? »
Nàng rằng : « Chút phận ngày-thơ,
« Cũng may dây cát được nhờ bóng cây !
« Đến bây giờ mới thấy đây,
« Mà lòng đã chắc những ngày một hai ! »
Cùng nhau trông mặt cả cười,
Dan tay về chốn trượng mai tự-tình,
Tiệc bày, thưởng tướng, khao binh,
Om sòm trống trận, rạp-rình nhạc-quân.
Vinh-hoa bỏ lúc phong-trần,
Chữ-tình, ngày lại thêm xuân một ngày.

47.- Trong quân nhơn lúc vui vầy,
Thong-dong mới kể sự ngày hàn-vi ;
« Khi Vô-tịch, khi Lâm-trì,
« Nơi thì lừa đảo, nơi thì xót thương.
« Tắm thân rày đã nhẹ-nhàng,
« Chút còn ân-oán đời đường chưa xong »
Từ-công nghe nói thủy chung,
Bất bình nổi trận ùng-ùng sấm vang.
Nghiêm quân, tuyền tướng sấn-sàng,
Dưới cờ một lệnh, vội-vàng ruổi sao. (1)

(1) Ruổi sao là chạy mau như sao bay.

Ba quân chỉ ngọn cờ đào,
Đạo ra Vô-tích, đạo vào Lâm-tri.
Mấy người phụ bạc xưa kia,
Chiếu danh truy nã, đem về hỏi tra.
Lại sai lĩnh tiền truyền ra,
Giữ giàng họ Thúc một nhà cho yên.
Mụ Quởn-gia, vủ Giác-duyên,
Cũng sai lĩnh tiền đem tin rước mời.
Thê sư kể hết mọi lời,
Lông lọng cũng giạn, người người chấp uy !
Đạo trời, báo phục chĩnh ghé,
Chia đi mỗi ngã, tóm về một nơi.
Quân trung gươm lớn giáo dài, (1)
Vệ trong thị-lập cơ ngoài song phi ; (2)
Sẵn sàng tề chỉnh oai nghi,
Vác đồng (3) chạt đất, sanh kỳ đợp sân.
Trướng hùm mả giữa trung quân,
Tiên nghê sánh với phu nhơn cùng ngđi.
Tiên nghê (4) tống chứa dút hời,
Dễ dàng, trước dẫn chực ngoài cửa viên.
Từ rằng : « Ân oán hai bên,
« Mặc nàng xử quyết báo đền cho mình. »
Nàng rằng : « Muốn cậy oai linh,
« Hãy xin báo đáp ân tình cho phu ;
« Báo ân rồi sẽ trả thù, »
Từ rằng : « Việc ấy để cho mặc nàng. »
Sở lên, trước xướng Thúc lang,
Mặt như chàm đỏ, mình dường rởn an.

(1) Sứ ký: Trường thương đại kiếm, yên dụng mao chùy. Thích: Sách Sứ-ký! Đứng trượng phu trong đời, dùng giáo dài gươm lớn (mở bờ cõi cho nhà nước, được nước phong hầu) chẳng là hay hơn; chớ dùng ngđi viết mà làm chi? (lời Ban-Siêu nói).

(2) Thị-lập là đứng hầu: song phi là giàn ra hai hàng.

(3) Vác đồng là khí giải. (4) Tiên nghê là hồi trống đánh lúc ra quân cho nghiêm.

Nàng rằng : « Nghĩa trọng ngàn non,
« Lâm-tri người cũ, chàng còn nhớ không ?
« Sâm, thương (1) chẳng vẹn chữ tông,
« Tại ai há dám phụ lòng cố-nhơn ?
« Gấm trăm cuốn, bạc ngàn cân,
« Tạ lòng dễ xứng báo ân gọi là !
« Vợ chàng quỷ-quái tinh-ma,
« Phen này kẻ cắp, bà già gặp nhau ! (2)
« Kiến bò miệng chén chưa lâu,
« Mưu sâu cũng trả nghĩa sâu cho vừa ! »
Thúc-Sanh trông mặt bấy giờ,
Mồ-hôi chàng đã như mưa vớt-dầm.
Lòng riêng mình sợ khôn cầm,
Sợ thay, mà lại mình thầm cho ai ;
Mụ già, Sư-trưởng thứ hai, (3)
Thoát đưa đến trước, vội mời lên trên ;
Dắt tay, mở mắt cho nhìn ;
« Hoa nó kia, với Trạc-tuyền cũng tôi !
« Nhớ khi lỡ bước, sây vôi,
« Non vàng chưa dễ đền bồi tấm thương !
« Ngàn vàng, gọi chút lễ thường,
« Mà lòng Phiếu-mẫu, (4) mấy vàng cho cân ! »
Hai người trông mặt tàn-ngàn,
Nửa phần khiếp sợ, nửa phần mình vui.
Nàng rằng : « Xin hãy rón ngời,
« Xem cho rõ mặt, biết tôi báo thù ».

(1) Lục-Cơ tặng phụ thi : « Hình ảnh Sâm, Thương quai ; âm tín khoán bất 1st.
Thích : Thơ người Lục-Cơ tặng đờn bà : « Hình bóng cách Sâm, Thương : thơ từ không
thấu dạng : » (Sâm là sao mai, Thương là sao hòm. Hai vì sao ấy không gặp nhau dạng).

(2) Nữ tử bất cảm giữ đạo tranh, thôi lão bà xuất đối thù hồ ! Thích : Con gái
không dám đánh với ăn trộm, đề xô bà già ra cự với nó sao !

(3) Mụ già là bà Quán-gia ; Sư-trưởng là bà Giác-Duyên.

(4) Tích Hàn-Tin khi còn bản-hàn đi cầu, bà Phiếu-mẫu có cho ăn một bữa cơm.
Sau Hậu-lín làm nên rồi thì đem ngàn vàng mà đền ơn ấy.

Kíp truyền chư tướng hiển phù,
Lại đem các tích phạm-tù hậu tra.
Dưới cờ, gươm tuốt nắp ra,
Chánh danh thủ phạm tên là Hogan-Thơ ;
Thoát trông, nàng đã chào thưa :
« Tiều-thơ, cũng có bây giờ đến đây !
« Đàn bà dễ có mấy tay,
« Đời xưa mấy mặt, đời này mấy gan ?
« Dễ dàng là thói hồng-nhan,
« Càng cay-nghiệt lắm, càng oan-trái nhiều ! »
Hogan-thơ phách lạc hồn xiêu,
Khẩu đầu dưới trượng, lựa đều kêu ca ;
Rằng : « Tôi chút dạ đàn-bà,
« Ghen tương thì cũng người ta thường tình !
« Nghĩ cho khi các viết kinh,
« Với khi khởi cửa, dirt tình chẳng theo.
« Lòng riêng, riêng những kinh yêu,
« Chồng chung chưa để , chịu cho ai !
« Trót đã gây việc chồng gai,
« Còn nhờ lượng biển, thương bởi nào chẳng ? »
Khen cho : « Khéo đã nên rằng,
« Khôn ngoan đến mực, nói năng phải lời.
« Tha ra thì cũng may đời,
« Làm ra thì cũng ra người nhỏ-nhen.
« Đã lòng tri quá thì nên ! »
Truyền quân lệnh xuống trượng-tiền tha ngay.
Tạ lòng lạy trước sân mây,
Cửa viện lại dắt một dây dẫn vào.
Nàng rằng : « Lộng-lộng trời cao,
« Hại hơn, hơn hại, sự nào tại ta ?
« Nào là Bạc-Hạnh, Bạc-Bà,
« Nào là Ung, Khuyển, nào là Sở-Khanh ;
« Tú-bà với Mã-giám-Sanh,
« Các tên tội ấy đáng tình còn sao ? »
« Lịnh-quân truyền xuống khai đao,
« Thề sao, thì lại cứ sao gia hình.

Máu rơi thịt nát lan-tàn,
Ai-ai trông thấy hồn kinh phách đời !
Cho hay muốn sự lại trời,
Phụ người, chẳng bỏ khi người phụ ta !
Mấy người bạc-ác tinh-ma,
Mình làm mình chịu kêu mà ai thương ?
Ba quân đóng mặt pháp-trường,
Thanh-thiên, bạch-nhật rõ ràng cho cõi.
Việc nàng báo phục vừa rồi,
Giác-duyên vội đã gửi lời từ qui.
Nàng rằng : « Thiên tái nhật thì,
« Cố nhơn đã dễ mấy khi bàn-hoàn !
« Rồi đây bèo hiệp mây tan,
« Biết đâu hạc nội, (1) mây ngàn là đâu ? »
Sư rằng : « Cũng chẳng bao lâu,
« Trong năm năm, ắt gặp nhau đó mà.
« Nhớ ngày hành cước phương xa,
« Gặp sư Tam hạp, vốn là tiên tri.
« Bảo cho hội ngộ chi kỳ,
« Năm nay là một, nữa thì năm năm.
« Mời hay tiên-định chẳng lầm,
« Đã tin đều trước, ắt nhằm đều sau.
« Còn nhiều ân ái với nhau,
« Cơ duyên nào đã hết đâu vội gì ? »
Nàng rằng : « Tiên-định tiên tri,
« Lời sư đã dạy, ắt thì chẳng sai !
« Họa bao giờ có gặp người,
« Vì tôi cậy hỏi một lời chung thân. »
Giác-duyên vưng dẫn ân cần,
Tạ từ, thoát đã đời chơn cõi ngoài.
Nàng từ ân oán rạch-rời,
Biển oan dương đã vơi-vơi cạnh lòng.

(1) Hạc nội là hạc ngoài đồng. (Như hạc ngoài đồng, mây trên núi biết đâu mà tìm).

Tạ lòng lạy trước Tì-công :
« Chút thân bồ-liêu, nào mong có rày ?
 « Trộm nhờ sấm sét ra tay,
« Tác riêng như cắt gánh đầy đồ đi.
 « Chạm xương ghi dạ xiết chi,
« Dẽ đem gan óc đến nghì trời mây ! » (1)
 Tì rằng : « Quốc-sĩ xưa nay,
« Chọn người tri-kỷ, (2) một ngày được chấng ?
 « Anh-hùng tiếng đã gọi rằng,
« Giữa đường khi thấy bắt bình mà tha ? (3)
 « Huống chi việc cũng việc nhà,
« Lạ là thâm-tạ, mới là tri ân !
 « Xót nàng còn chút song thân,
« Bấy lâu kẻ Việt, người Tần cách xa. (4)
 « Sao cho muốn dăm một nhà,
« Cho người thấy mặt, là ta cam lòng. »
 Vội truyền sửa tiệc quân trung,
Muôn binh, ngàn tướng hội đồng tầy oan.
 Thừa cơ trúc chẻ, ngói tan, (5)
 Bình oai từ ấy, sấm ran trong ngoài.
 Triều-đình riêng một góc trời;
 Gồm hai vắn-võ, rạch đôi sơn-hả.

(1) Khắc cốt minh tâm bất vong ; can nào đồ địa di báo. Thích : Chạm xương ghi dạ chẳng quên ơn ; nát sọ trái gan dùng đáp nghĩa.

(2) Ngu-Phiêu truyện : Thiên hạ đắc nhưt hơn tri-kỷ, tức đi bắt hận. Thích : Trong truyện Ngu-Phiêu : « Tìm trong thiên hạ đặng một người tri-kỷ, đủ thỏa tấm tình Lết hờn ».

(3) Bồn thơ : Lộ kiến bắt bình bạt đao tương trợ, nãi anh hùng bồn sắt. Thích : Bồn thơ : Giữa đường thấy việc bắt bình, rút gươm mà giúp sức, mới phải là chí khí.

(4) Tần hơn thị Việt hơn, phi tích bất tương can. Thích : Người nước Tần thấy người nước Việt thì mặt ốm cũng mặc dầu (coi cũng như người đưng).

(5) Thế như phá trúc, vạn sự ngoài tán. Thích : Thế như chẻ tre, muôn việc tan như ngói.

Đòi cơn gió quét mưa sa,
Huyện-thành, đập đổ năm tòa cõi Nam.
Phong-trần, mãi một lưõi gươm, (1)
Những loài giá-áo túi-cơm (2) sá gì ?
Nghinh-ngang một cõi biên-thùy,
Thiếu gì cô-quả. (3) thiếu gì bá-vương ?
Trước cờ, ai dám tranh cường,
Năm năm, hùng cứ một phương hỡi-tần.

48.- Có quan tổng-đốc trọng thần,
Là Hồ-tôn-Hiến, kinh-luân gồm tài.
Giữ xe vưng chỉ đặc-sai,
Tiện-nghi bát-tiêu, (4) việc ngoài đồng-nhung.
Biết Từ là đấng anh hùng,
Biết nàng cũng dự quân-trung luận bàn.
Đóng quân, làm chức chiêu-an,
Phong thơ, mâm lễ, sai quan thuyết-hàng.
Lại riêng một lễ với nàng,
Hai tên thề-nữ, ngọc vàng ngàn cân.
Tin vào gửi trước trung-quân,
Từ công riêng hãy mười phân hồ-đồ,
Một tay gầy dựng cơ-đồ,
Bấy lâu biển Sở sóng Ngô lung hoành !
Bỏ thân về với triều-đình,
Hàng thần lơ-láo, phận mình ra đâu ?

(1) Lệ kìm nhi thiên địa phong trần, cường tặc thịnh khâu dã. Thích : Hươi gươm mà trời đất nổi gió bụi, lời ấy là lời quân cường tặc.

(2) Anh-hùng phò : Y giá phận nang, hà túc số dã. Thích : Sách Anh-hùng : Những người áo giá, túi cơm, nào đủ kể chi ? (chỉ người hèn mọn, không tài trí chi).

(3) Cô-quả nghĩa là bá-vương, vì bá xưng là cô, còn vương xưng là quả.

(4) Tiện-nghi, bát-tiêu là Tiện nghi hành sự, sai bát, tiêu bộ. (Ấy là quyền hành của ông Hồ Tôn Hiến).

Áo xiêm ràng buộc lấy nhau,
Vào lòn ra cúi, công hầu là chi ?
Sao bằng riêng một biên-thùy,
Sức này đã dễ làm gì được nhau ?
Chọc trời, khuấy nước, mặc dầu,
Dọc ngang nào biết trên đầu có ai ?
Nàng thì thật dạ tin người,
Của nhiều, nói ngọt, nghe lời dễ xiêu. (1)
Nghĩ mình mặt nước, cảnh bèo,
Đã nhiều lưu-lạc, lại nhiều gian-truân.
Bằng nay chịu tiếng vương thần,
Thình-thình đàng cái thanh vân, hẹp gì ?
Công tư vẹn cả hai bề,
Dần-dà rồi sẽ liệu về cố-hương.
Cũng ngói mạng phụ đường-đường,
Nở-nang mây mặt, rõ-ràng mẹ cha.
Trên vì nước, dưới vì nhà,
Một là đặc hiệu, hai là đặc trung.
Chẳng hơn chiếc ùa giữa dòng,
E - dè sóng vỗ, hãi hùng nước sa.
Nhơn khi bàn bạc gần xa,
Thừa cơ nạng mới bàn ra nói vào ;
Rằng : « Trong thánh trạch (2) dỗi-dào,
• Tươi ra đã khắp, thấm vào đã sâu !
• Bình-thành (3) công-đức bấy lâu,
• Ai ai cũng đội trên đầu, biết bao ?
• Gẫm từ đây việc binh đao,
• Đống xương vô định (4) đã cao bằng đầu !

(1) Tả truyện : Tệ trọng ngôn cam, thị dụ ngã dả. Thích : Sách Tả truyện : Cửa nhiều, nói ngọt, là dở ta vậy !

(2) Thánh trạch là ơn vua (có bản đề thánh đế, không trúng theo bản chánh).

(3) Cái công đức của vua bấy lâu lớn lắm, bằng trời đất (Bình thiên, thành địa).

(4) Đường thi : Khả lân vô định hà biên cốt. Thích : Thơ nhà Đường : Nhảm xương vô định khá thương ; bên sông phao trắng tuyết sương bốn mùa.

« Làm chi để tiếng về sau,
• Ngàn năm ai có khen đầu Hoàng-Sào ? (1)
« Sao bằng lộc trọng quyền cao,
• Công danh ai dứt lối nào cho qua ? »
Nghe lời nàng nói mận-mà,
Thế công, Từ mới trở ra thế hàng.
Chỉnh nghi tiếp sứ vội-vàng,
Hẹn kỳ thúc giáp, (2) quyết đàng giải binh.

49.- Tin lời thành-hạ yêu minh, (3)
Ngọn cờ ngợ-ngác, trống canh trẽ tràng.
Việc binh bỏ chẳng giữ-giàng,
Vương sư dò đã tỏ tường thật hư.
Hồ-công quyết kế thừa cơ,
Lễ tiền binh hậu, khắc kỳ tập công.
Kéo cờ chiêu-phủ tiên-phong.
Lễ nghi giàn trước, vác đồng phục sau.
Từ-công hồ-hững biết đầu ?
Đại-quan lễ-phục, ra đầu cửa viên.
Hồ-công ám hiệu trận tiền.
Ba bề phát súng, bốn bên kéo cờ.
Đang khi bất ý ai ngờ,
Hùm thiêng khi đã sa cơ cũng hèn !
Tử sanh liều giữa trận tiền,
Dạn-dày cho biết gan-liền tướng-quân !
Khí thiêng khi đã về thần,
Nhiên nhiên còn đứng chón chán giữa vòng !
Trơ như đá, vững như đồng,
Ai lay cho chuyển, ai rung cho đời.

(1) Đường Hoàng-Sào cử tân-sĩ bất đệ toại vi tặc. Thích : Người Hoàng-Sào nhi Đường thi tân-sĩ không đậu bèn làm giặc.

(2) Thúc giáp, là bó giáo mà đầu.

(3) Thành hạ chi minh, xuân thu sĩ chi. Thích : Lời thề dưới thành, sách xuân thu rất hồ việc ấy. (Là đánh giặc thua phải chịu thề mà giao huê với người ta).

Quan quân- thừa thế đuổi dài,
Âm-âm sát khí, ngất trời ai đang !
Trong hào, ngoài lũy tan-hoang,
Loạn quân vừa dặt tay nàng đến nơi.
Trong vòng tên đạn bời-bời,
Thấy Từ còn đứng giữa trời tro-tro.
Khóc rằng : « Tri đồng có ithuba,
« Bời nghe lời thiệp đến cơ-hội này !
« Mặt nào trông thấy nhau đây ?
« Thà liều sống chết một ngày với nhau ! »
Dòng thu như gỏi cơn sâu,
Dứt lời nàng cũng gieo đầu một bên.
Lạ thay oan khí tương triền ! (1)
Nàng vừa phục xuống, Từ liền ngã ra.
Quan quân kẻ lại người qua,
Xót nàng sẽ lại vục ra dần-dần.
Dẫn vào đến trước trung-quân,
Hồ-công thấy mặt, ân cần hỏi han.
Rằng : « Nàng chút phận hồng-nhan,
« Gặp cơn binh cách, (2) nhiều nàn cũng thương !
« Đã hay thành toán miếu đường !
« Giúp công cũng có lời nàng mới nên !
« Bây giờ sự đã vẹn tuyền,
« Mặc lòng nghĩ lấy, muốn xin bề nào ? »
Nàng càng giọt ngọc tuôn dào,
Ngập-ngừng mờ mờ gởi thấp cao sự lòng.
Rằng : « Từ là đứng anh-hùng,
« Dọc ngang trời rộng, vẫy vùng biển khơi.
« Tin tôi nên quá nghe lời,
« Đem thân bá chiến làm tôi triều-đình.
« Ngõ là phu quý phu vinh. (3)
« Ai ngờ một phút tan-tánh thị xương.

(1) Oan khí tương triền là cái oan khí nó buộc với nhau.

(2) Binh cách là giặc giã, lúc loạn ly.

(3) Phu quý phu vinh là chồng sang thì vợ cũng sang.

« Năm năm trời biển ngang-tàng,
« Thoát đem mình bỏ chiến tràng như không !
« Khéo khuyên kẻ lấy làm công,
« Kề bao nhiêu, lại đau lòng bấy nhiêu !
« Xét mình công ít, tội nhiều,
« Sống thừa, tôi đã nên liêu minh tôi !
« Xin cho thiên-thở một đôi, (1)
« Gọi là đắp-điểm lấy người tử sinh ! »
 Hồ-công nghe nói thương tình,
Truyền cho cáo-táng, di-hình bên sông.

50 .- Quân trung mở tiệc hạ công,
Xôn-xao tở trúc, hội đồng quân quan.
 Bắt nàng thị yếm dưới màn,
Dở say lay ép vắn đờn nhứt tâu. (2)
 Một cơn gió tủi, mưa sầu,
Bốn dầy nhỏ máu năm đầu ngón tay !
 Ve kêu, vượn hót nào tày,
Lọt tai, Hồ cũng nhẩn mày rơi châu.
 Hỏi rằng : « Này khúc ở đâu ?
« Nghe ra muôn thảm, ngàn sầu lắm thay ! »
 Thưa rằng : « Bạc-mạng khúc « ấy,
« Phở vào (3) đờn ấy những ngày còn thơ :
 « Cung cầm lựa những ngày xưa.
« Mà gương bạc-mạng bây giờ là đây ! »
 Càng ngày càng đắm càng say,
Dẫu cho mặt sắt cũng ngây vì tình !

(1) Kiều vân : Di nhứt phần phù thổ, yếm kỳ hải cốt, thiếp nguyện súc hi. — Hưu Hoa-tiên : Nhứt đôi hoàng thổ thị nhi gia. Thích : Kiều rằng : Xin cho thiếp một gò đất đây kỳ hải cốt của chàng Từ cho vữa lòng thiếp. — Lại trong Hoa-tiên có câu rằng : « Một ngôi đất vàng là nhà tôi. »

(2) Vắn đờn nhứt tâu nghĩa là vắn bản đờn ngày thường hay khảy.

(3) Phở vào là sắp vô.

Đay rằng hương-hỏa ba-sinh,
« Dậy loan xin nổi cùm lạnh cho ai ? »
Thưa rằng : « Chút phận lạc-loài,
« Trong mình nghĩ đã có người thác oan.
« Còn chi nữa cảnh hoa tàn,
« To lòng đã dirt dây dòn Tiều-lân. (1)
« Rộng thương còn mảnh hồng-quần,
« Hơi tàn được thấy gốc phần, (2) là may ! »
Hạ-công chén đã quá say,
Hồ-công đến lúc rạng ngày nhớ ra.
Nghĩ mình phương-diện quốc-gia,
Quan trên nhằm xuống, người ta trông vào.
Phải tưởng trăng gió hay sao,
Sự này biết tình thế nào được đây ?
Công nha vừa buổi sáng ngày,
Quyết-tình, Hồ mới đoán ngay một bài.
Lệnh quan ai dám sai lời,
Ép tình mới gán cho người Thổ-quan.
Ông tơ thật nhẽ đã đoan,
Xe tơ sao khéo vợ quàng vợ xiên ?
Kiệu hoa áp thẳng xuống thuyền,
Lá màn xử thấp, ngọn đèn kêu cao.
51 .- Nàng càng ủ liễu, phai đào,
Trăm phần, nào có phần nào phần tươi ?
Đành thân cát dập sóng vùi,
Cướp công cha mẹ, thiệt đời thông minh !

(1) Tình sử : Phùng-tiêu-Lân vi Tề Hậu-chúa thực phi, thiện Tỳ-bà ; Hậu-chúa ngộ hại, Châu-võ-Đế di hứa Đại-vương-Đạt, thậm ái chi ; nhưn đàn huyền tuyệt, thi văn : « Tuy tự kiếm nhưt sùng, du tích tích thời duyên ; dục tri tâm đoan tuyệt, ưng khán tất thượng huyền. » Thích : Trong tình sử : Nàng Phùng-tiêu-Lân là vợ vua nước Tề, đờn Tỳ-bà hay ; sau vua nước Tề bị giặc giết, vua Võ-Đế nhà Châu bắt gả cho vua Đại-vương tên là Đạt, yêu dấu nhau lắm ; nhưn khi đứt dây đờn làm bài thơ rằng : « Tuy là yêu mến ngày nay, hãy còn nhớ tiếc duyên ngày trước kia ; muốn biết ruột gan là, thì nên xem lấy dây kia trên đờn ».

(2) Gốc phần là gốc cây phần. — Trong sách có chữ « Phần tử gia hương » nghĩa là quê hương. (Túy-Kiều ước cho được thấy quê-hương).

Chơn trời, mặt biển linh-đỉnh,
Năm xương biết gởi tử sinh chốn nào ?
Duyên đâu ai dứt tơ đào,
Nợ đâu ai đã dặc vào tận nơi ?
Thân sao thân đến thể này,
Còn ngày nào cũng dư ngày ấy thôi !
Đã không biết sống là vui,
Tám-thân nào biết thiệt-thời là thương ! (1)
Một mình cay-đắng trăm đường,
Thôi thì nát ngọc, tan vàng thì thôi !
Mảnh gương đã gác non đòai,
Một mình luống những đưng ngồi chưa xong.
Triều (2) đâu nổi tiếng dưng-dưng,
Hỏi ra mới biết rằng sông Tiên-đường.
Nhớ lời thần mộng rõ-ràng,
Này thôi hết kiếp đoan-tràng là đây :
« Đạm-Tiên nằng hỡi ! có hay ?
« Hẹn ta thì phải dưới này nước ta ! »
Dưới đèn sấm bức tiên hoa,
Một thiên tuyệt bút gọi là đề sau. (3)
Cửa bông vợi mở rèm châu,
Trời cao, sóng rộng một màu bao-la !
Rằng : « Tì-công hậu đãi ta,
« Chút vì việc nước mà ra phụ lòng.
« Giết chồng mà lại lấy chồng,
« Mặt nào mà lại đứng trong cõi đời ?

(1) Tiêu-thanh : Ta hồ vị tri sanh lạc, an tri tử bi. Thích : Truyện Tiêu-thanh : Thau ôi ! Chưa biết sống là vui, thì đâu biết chết ngủi ngủi mà thương ?

(2) Triều là triều thủy (nước lớn).

(3) Kiều đề thi : « Thập niên tiên hữu ước, kiếm triều phương đảo Tiên-đường ; bách thế quang âm hòa thược ; nhơn sanh tâm sự hoàng lương. » Thích : Bài thơ của Túy-Kiều : Mười lăm năm trước ước rằng, mà nay vừa đến Tiên-đường chẳng nhe ; trăm đời bóng sáng đóm loè, người ta sự sống tựa hê chiêm bao ».

« Thôi thì một thác cho rồi,
« Tấm lòng phú mặc trên trời dưới sông ! »
Trông vời dòng nước mênh-mông,
Đem mình gieo xuống giữa dòng tràng-giang.
Thở-quan theo vời vợi-vàng,
Thì đà đắm ngọc, chìm hương quá rồi !
Thương thay cũng một kiếp người,
Hại thay mang lấy sắc tài làm chi ?
Những là oan-khổ lưu-ly,
Chờ cho hết kiếp còn gì là thân ?
Mười lăm năm, bấy nhiêu lần,
Làm gương cho khách hồng-quần thử soi !

52.- Đòi người đến thế thì thôi,
Trong cơ âm cực, dương hồi khôn hay !
Mấy người hiểu-nghĩa xa nay,
Trời làm chi đến lâu ngày càng thương !
Giác-duyên từ tiết già nàng,
Đeo bầu quây níp, rộng dàng vân du ;
Gặp bà Tam-Hạp đạo cô,
Thong-dong hỏi hết nhỏ to sự nàng :
« Người sao hiểu nghĩa đủ dàng,
« Kiếp sao rất những đoạn-tràng thế thôi ? »
Sư rằng : « (1) Họa phước đạo trời,
« Cội nguồn cũng ở lòng người mà ra.

(1) Bồn thơ : Túy-Kiều hơn vị tình địch, toại thành khổ cảnh ; kim ốc chỉ địa bất cảm cứu lưu, đoạn-trường chi thiên, vàng vãng túc giá, yên ba trái khổ thọ lương thiên, thanh y tội thâm kinh nhứt án, đao binh nội, già hồ lang chi ma quân, ba láng rung cung long ngư chi tầm thực, phương năng tiêu thử kiếp số. Thích : Bồn truyện Túy-Kiều rằng : Nàng Kiều hơn vì tình được, bèn làm cảnh khổ ; những nơi nhà vàng chẳng dám ở lâu, đến chốn đoạn tràng thường thường giục bước, cái nợ yên hoa, chịu khổ hai lần, cái tội thanh y trải qua một án ; trong cơn binh đao, nương thế hùm sói, trong lúc sóng dợn, dựa hơi cá rồng, mới tiêu hết kiếp số ấy. (Nhà vàng : là chỗ sung sướng ; đoạn-tràng là cực khổ ; yên hoa là chốn lâu-xanh ; thanh y là làm tội mọi ; hùm sói là chị Tú-Hải ; cá rồng là chốn Tiên-đường).

« Tại trời mà cũng tại ta,
« Tu là cõi-phước, tình là dây oan.(1)
« Túy-Kiều sắc-sảo khôn ngoan,
« Vô-duyên là phận hồng-nhan đã đành !
« Lại mang lấy một chữ tình,
« Khư-khư mình buộc lấy mình vào trong.
« Vậy nên những chốn thông-dong,
« Ở không yên-đn, ngồi không vững-vàng.
« Ma đưa lối, quỷ đem đường,
« Lại tìm những chốn đoạn-tràng mà đi.
« Hết nạn ấy, đến nạn kia,
« Thanh-lâu hai lượt, thanh y một lần.
« Trong vòng giáo dục, gồm trần,
« Kề răng hùm sói, gởi thân tôi-dời.
« Giữa dòng nước chảy sóng đời,
« Trước hàm rồng cá, gico mồi thủy tinh.(2)
« Oan kia theo mãi với tình,
« Một mình mình chịu, một mình mình hoy.
« Làm cho sống đọa, thác đầy,
« Đoạn-tràng cho hết kiếp này mới thôi. »
Giác-duyên nghe nói rưng rờ :
« Một đời nâng nể thương ôi còn gì ? »
Sư rằng : « Song chẳng hề chi,
« Nghiệp duyên cân lại, nhấc đi còn nhiều !
« Xét trong tội nghiệp Túy-Kiều,
« Mắc đều tình ái, khỏi đều tà dâm,
« Lấy tình thâm, trả nghĩa thâm,
« Bán mình đã động hiếu tâm đến trời ;
« Hại một người, cứu muôn người,
« Biết đường khinh trọng, biết lời phải chằng.

(1) Cái phước bởi nơi tu mà ra ; còn tình ái là như cái dây oan nó ràng buộc lấy mình.

(2) Đồ phủ thi : Ngư long tịch mịch thu giang lạnh. Thích : Thơ ông Đồ phủ : Vàng về sông thu rồng cá lạnh.

« Thừa công-đức ấy ai bằng ?
« Tác khiến đã rửa láng-láng sạch rồi !
« Khi nên trời cũng chiu người,
« Nhẹ nhàng nợ trước, đền bồi duyên sau.
« (1) Giác-duyên dầu nhớ nghĩa nhau,
« Tiền-đường, thả một bè lau rước người.
« Trước sau cho vẹn một lời,
« Duyên ta, mà cũng phước trời chi không ! » (2)

53.- Giác duyên nghe nói mình lòng,
Lân-la tìm thú bên sông Tiền-đường.
Đánh tranh, lợp mái thảo đường,
Một gian nước biếc, mây vàng chia đôi.
Thuê năm, ngư-phủ hai người,
Đóng thuyền chực bến, kết chài giăng sông.
Một lòng sá quản mấy công,
Khéo tay gắp gỡ, cũng trong chuyền-vần.
Kiều từ gieo xuống dòng ngân,
Nước xuôi bỗng đã trôi dần tận nơi.
Ngư ông kết lưới vớt người,
Gẫm lời Tam Hạp rõ mười chẳng ngoa !
Trên mũi lướt lướt áo là,
Tuy dầm hơi nước, chưa lòa bóng gương.
Giác duyên nhìn thật mặt nàng,
Nàng còn thềm-thiếp, giác vàng chưa phai.
Mơ màng phách-quế, hồn mai,
Đạm-tiên, thoát đã thấy người ngày xưa.
Rằng : « Tôi đã có lòng chờ,
« Mất công mười mấy năm thừa ở đây.
« Chị sao phận mỏng, phước dày ?
« Kiếp xưa đã vậy, kiếp này dễ ai !

Từ 1 đến 2. — Bản thơ : Trao nhứt vì bửu phiệt độ chi, di tục tiền minh, diệt phước điền trung nhứt chương dã. Thích : Bản thơ : Chèo một cái bè lau vớt đó, đề lấy nói lời thề trước cũng là một giếng phước vậy.

« Tấm lòng đã thấu đến trời,
« Bên mình là hiếu, cứu người là nhân.
 Một niềm vì nước, vì dân,
« Âm-công nhắc một đồng cân đã già !
 « Đoan-trường sỗ, rút lên ra,
« Đoan-trường thơ, phải đưa mà già nhau ! (1)
 « Còn nhiều hưởng thọ về lâu,
« Duyên xưa tròn-trặn, phước sau dồi dào !
 Nàng còn ngọc-ngân biết sao,
Trạc-tuyền nghe tiếng gọi vào bên tai.
 Giật mình thoát tỉnh giấc mai,
Bàng-khuáng, nào đã biết ai mà nhìn ?
 Trong thuyền nào thấy Đạm-Tiên ?
Bên mình chỉ thấy Giác-duyên ngồi kê.
 Thấy nhau mừng rỡ trăm bề,
Dọn thuyền mới rước nàng về thảo-lư.
 Một nhà chung chạ sớm trưa,
Gió trắng mát mặt, muối dưa chay lòng.
 Bốn bề bát ngát mênh-mông,
Triều dung hôm sớm, mây lồng trước sau.

54.- Nạn xưa trút sạch lâu lâu,
Duyên xưa chưa dễ biết đâu chốn này !
 Nỗi nàng tai nạn đã đầy,
Nỗi chàng Kim-Trọng bấy chầy mới thư-ng !
 Từ ngày muốn dăm phù tang,
Nửa năm ở đất Liêu-dương lại nhà.
 Vội sang vườn Túy đò-la,
Nhìn xem phong cảnh nay đã khác xưa.
 Đầy vườn cỏ mọc, lau thưa,
Song máy quạnh-quẻ vách mưa rã-rời.

(1) Kiều kiến Đạm-Tiên vân : Đoan-trường hội sạ di trừ danh, đoan-trường thi kiếm đương p'ụng bích, sử thiếp không miếng sỗ niên. Thích : Túy-Kiều thấy Đạm-Tiên rằng : « Hội Đoan-trường trước đã trừ tên nàng rồi, thơ đoan-trường nay phải trả lại cho nàng, khiến thiếp luống trông nàng mấy năm.

Trước sau nào thấy bóng người,
Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông (1)
Sập-sè én liệng, rường không, (2)
Cỏ lan mặt đất, rêu phong dấu giày.
Cuối tường, gai gốc mọc đầy,
Đi về này những lối này năm xưa.
Chung quanh lặng ngắt như tờ,
Nỗi niềm tâm sự bấy giờ hỏi ai ?
Làng-diềng có kẻ sang chơi,
Lân-la sẽ hỏi một hai sự tình,
Hỏi ông, ông mắc tụng-đình,
Hỏi nàng, nàng đã bán mình chuộc cha ;
Hỏi nhà, nhà đã dời xa,
Hỏi chàng Vương, với cùng là Tuy-vân ;
Đều là sa sút khó khăn,
May thuê, viết mượn, kiếm ăn lần hồi.
Đều đầu sét đánh lừng trời, (3)
Thoạt nghe, chàng thoát rưng rờ xiết bao !
Hỏi thăm đời trú nơi nao ?
Kiếm đường, chàng mới tìm vào tận nơi.
Nhà tranh, vách đất tả-tơi,
Lau treo rèm nát, trúc gài phen thưa ;
Một sân đất cỏ dầm mưa,
Càng ngao ngán nỗi, càng ngơ-ngẩn dường !
Đánh liều lên tiếng ngoài tường,
Chàng Vương nghe tiếng vợ-vàng chạy ra.
Dắt tay, với rước vào nhà,
Mãi sau, Viên-ngoại ông bà ra ngay.

(1) Thôi-Hộ thi : Nhon diện bất tri hà xứ khứ ; đào hoa y cụ tiểu đông phong.
Thích : Thơ người Thôi-Hộ : “ Mặt người chẳng biết nơi nao, hoa đào chỗ cũ còn chào
cười gió đông. (Trong Đường thi).

(2) Tiết thi : Không lương lạc yến nê. Thích : Tiết thi : Rường trống bay bụi én.

(3) Hốt như bán thiên thích lịch. Thích : Thoạt như sấm sét nũa lừng trời.

Khóc than kể hết niềm tày :

- « *Chàng ôi ! biết nổi nước này cho chưa ?*
« *Kiều-nhi phận mỏng như tờ, (1)*
« *Một lời đã lỡ tóc tơ với chàng !*
« *Gặp cơn gia biến lạ đường,*
« *Bán mình, nó phải tìm đường cứu cha.*
« *Dùng dằng khi bước chơn ra,*
« *Cực trăm ngàn nổi, dấn ba bốn lần :*
« — *Trót lời nặng với lang quân,*
« *Mượn con em nó, Túy-Vân thay lời ;*
« *Gọi là trả 'hút nghĩa người,*
« *Tình này dằng dặc muốn đời chưa quên.*
« *Kiếp này duyên đã phụ duyên,*
« *Dạ-dài, còn biết sẽ đền lại sinh !*
« *Mấy lời ký-chú đình-ninh,*
« *Ghi lòng để lại, cắt mình ra đi.*
« *Phận sao bạc bấy, Kiêu-nhi !*
« *Chàng Kim về đó, con thì đi đâu ?*
 Ông bà càng nói càng đau,
Chàng càng nghe nói, càng đau như dưa.
 Vật mình vãi gió, tuôn mưa,
Dầm dề giọt ngọc, dật-dờ hồn-mai !
 Đau đời đoạn, ngắt đời hồi,
Tỉnh ra lại khóc, khóc rồi lại mê.
 Thấy chàng đau nổi biệt-ly,
Ngần-ngừ ông mới vỗ-về giải khuyên :
 « *Bây giờ vãn đã đóng thuyền, (2)*
« *Đã đành phận bạc, khôn đền tình chung !*
 « *Quá thương chút nghĩa đèo-bồng,*
« *Ngàn-vàng thàn ấy dễ hồng bỏ sao ? »*

(1) Hoa tiên : Du tư bạc mạng như trương chỉ. Thích : Trong Hoa tiên : Trộm nghĩ, mạng bạc như tờ giấy.

(2) Mọc đi thành châu, nhưn đi khứ. Thích : Gỗ đã thành thuyền người đã đi.

Dễ dành khuyên-giải trăm chiu,
Lừa phiến càng dập, càng khêu mỗi phiến.

Thề xưa dở đến kim-huôn,
Của xưa lại dở đến đờn với hương.

Sanh càng trông thấy càng thương,
Gan càng tức-tối ruột càng xót-xa.

Rằng ; « Tôi trót lỡ chơn ra,
« Đề cho đến nổi trời hoa giạt bèo !
« Cùng nhau thề thốt đã nhiều,
« Những đều vàng đá, phải đều nói không ?

« Chưa chẵn gối, cũng vợ chồng.
« Lòng nào mà nỡ dứt lòng cho đang ?

« Bao nhiêu của, mấy ngày đàng,
« Còn tôi, tôi một gắp nằng mới thôi ! »

Nổi thương nói chẳng hết lời,
Tạ từ Sanh mới sụt-sùi bước ra.

55.- Vội về sửa chốn vườn hoa,
Rước mời Viên-ngoại ông bà cùng sang ;
Thần-hồn chăm chút lễ thường,
Dưỡng thân thay tấm lòng nằng ngày xưa.

Đình-ninh mài lụy chếp thơ, (1)
Cắt người tìm-tỏi, đưa tờ nhắn nhe.

Biết bao công mượn, của thuê,
Lâm thanh mấy độ đi về dặm khơi !

Ngươi một nơi, hỏi một nơi,
Mệnh-mông nào biết biển trời nơi nao ?

Sanh càng thắm-thiết khát-khao,
Nhung gan-sắt, như bào lòng-son ;

Ruột tằm, ngày một héo-don,
Tuyết sương ngày một hao mòn mình ve.

Thần-thơ, lúc tỉnh, lúc mê,
Máu theo nước-mắt, hồn là chiêm-bao !

(1) Ma lụy vi mặc. Thích : Lấy nước mắt mài mực.

56.- *Thung-huyền lo sợ xiết bao,*
Quá ra khi đến thế nào mà hay ?
Vội vàng sắm lễ chọn ngày,
Duyên Vân sớm đã xe dây cho chàng.
Người yếu-điệu, khách vãn-chương,
Trai tài gái sắc, xuân đương vira thì.
Tuy rằng vui chữ vu-qui,
Vui này dễ cất sầu kia dặng nào ?
Khi ăn-ở, lúc ra-vào,
Càng âu duyên mới, càng dào tình xưa.
Nỗi nàng nhớ đến bao giờ,
Tuôn châu đòi trận, vô-tơ trăm vòng.
Có khi vắng-vẻ thơ phòng,
Đốt lò hương, dỡ phím đồng ngày xưa.
Bể-bai rử-rỉ tiếng tơ,
Trầm bay lạt khói, gió đưa lay rèm.
Dường như bên nóc trước thềm,
Tiếng Kiều đồng-vọng, bóng xiêm mơ-màng.
Bởi lòng tạc đá, ghi vàng,
Tưởng nàng, nên lại thấy nàng về đây.

57.- *Những là phiên muợn đêm ngày,*
Xuân thu biết đã đổi thay mấy lần ?
Chế khoa (1) gặp hội trảng-văn,
Vương, Kim, cũng chiếm bảng-xuân một ngày.
Cửa trời rộng mở đường mây,
Hoa chào ngõ hạnh, hương bay dậm phần. (2)
Chàng Vương nhớ đến xa gần,
Sang nhà Chung-lão, tạ ơn châu-tuyền.
Tình xưa, ơn trả nghĩa đền,
Gia-thân lại mới kết duyên Châu-Trần.
Kim từ nhẹ bước thanh-vân,
Nỗi nàng, nghĩ đến xa gần càng thương.

(1) Chế khoa là một khoa của triều-đình đặt riêng để chọn người tài.
(2) Dậm phần là quê nhà.

Ấy ai dẫn ngọc thề vàng,
Bây giờ kim-mã ngọc đường với ai ?
Rẽ bèo chơn sóng lạc loài,
Nghĩ mình vinh-hiền, thương người lưu-ly.
Vung ra ngoại nhậm Lâm-tri,
Quan-sơn ngàn dặm, thê-nhi một đoàn,
Cầm đường (1) ngày tháng thanh nhân,
Sớm khuya tiếng hạc, tiếng đàn tiêu dao.

58.- Đêm xuân trướng xử hoa đào,
Nàng Vân nằm, bỗng chiêm-bao thấy nàng.
Tỉnh ra mới học cùng chàng. (2)
Nghe lời, chàng cũng hai đảng tin nghi.

Nọ Lâm-thanh, với Lâm tri,
Khác nhau một chữ, hoặc khi có lầm.
Trong cơ thanh khí tương-tầm,
Ở đây hoặc có giai âm chẳng là ?
Thăng đường chàng mới hỏi tra,
Họ Đó có kể lại già thừa lên :

« Sự nàng đã ngoại mười niên;
« Tôi đã biết mặt, biết tên rành-rành.
« Tú-bà cùng Mã-giám-Sanh,
« Đi mua người ở Bắc-kinh đem về ;
« Túy-Kiều tài sắc ai bì ?
« Có nghề đờn, lại đủ nghề văn-thơ.
« Kiên-trinh,(3) chẳng phải gan vừa,
« Liều mình thế ấy, phải lựa thế kia !
« Phong-trần chịu đã é-hề,
« Tơ duyên sau lại xe về Thúc-lang :

(1) Tống Triệu-Biện xuất đồ, nhứt cầm nhứt hạc tự tùy. Thích : Người Triệu-Biện ra làm quan Huyện, đem theo một cái đàn một con hạc. (Bởi tích ấy nên chỗ huyện đường kêu là cầm đường).

(2) Hoa-tiên ký : Nhứt giác ngộ từng học quá nương. Thích : Bài ký Hoa-tiên : Trong cơn giấc ngủ mơ màng, tỉnh ra mới biết sự nàng trước sau.

(3) Kiên-trinh là bền chính, giữ sự trinh tiết.

« Phải tay vợ cả phụ-phàng,
« Bất về Vô-tịch, toan dâng bẻ hoa.
« Bực mình nàng phải trốn ra,
« Chẳng may lại gặp một bà Bạc kia !
« Thoạt buồn về, thoạt bán đi,
« Mây trời bèo nổi, thiếu gì là nơi ?
« Bỗng đâu lại gặp một người,
« Hơn đời trí dũng, nghiêng trời oai linh !
« Trong tay mười vạn linh binh,
« Kéo về đóng chặt một thành Lâm-trì.
« Tóc t« các tích mọi khi,
« Oán thì trả oán, ơn thì trả ơn.
« Đã nên có nghĩa, có nhơn,
« Trước sau trọn vẹn, xa gần ngợi khen.
« Song còn chưa biết họ tên,
« Sự này hỏi Thúc-Sa h viên, mới tường. »
Nghe lời Đó nói rõ ràng,
Tức thì đưa thiệp mời chàng Thúc-Sanh.
Nổi nàng hỏi hết phân-minh,
Chờng con đâu tá, tánh danh là gì ?
Thúc rằng : « Gặp lúc loạn li,
« Trong quân, tôi hỏi thiếu gì tóc-tơ !
« Đại vương tên Hải, họ Từ,
« Đành quen trăm trận, sức dư muôn người.
« Gặp nàng thì ở Châu-thai,
« Lại gì quốc-sắc, thiên-tài phải duyền !
« Vẫy vùng trong bấy nhiều niên,
« Làm nên động địa kinh thiên ùng-ùng.
« Đại đồn quân đóng cõi đông,
« Về sau chẳng biết vân mông (1) làm sao ? »
Nghe tường nhành ngọn tiêu-hao,
Lòng riêng chàng, lưỡng lao-đao thẩn-thờ.

(1) Vân mông là nông-nổi.

Xót thay chiếc lá bơ vơ, (1)
Kiếp trần biết giữ bao giờ cho xong?
Hoa theo nước chảy xuôi dòng, (2)
Xót thân chim nổi, đau lòng hiệp tan !
Lời xưa đã lỗi muôn vàn,
Mảnh gương còn đó, phim đàn còn đây.
Đòn-cầm khéo ngăn-ngờ đây,
Lửa hương biết có kiếp này nữa thôi ?
Bình-bồng (3) còn kẻ xa xuôi,
Đỉnh chung (4) sao nở ăn ngồi cho an !
Rắp mong treo ấn từ quan,
Mấy sông cũng lợi, mấy ngàn cũng pha ;
Sấn mình trong áng cơ qua,
Vào sanh ra tử, họa là thấy nhau !
Lại e đường thăm vực sâu,
Bóng chim tắm cá, biết đâu mà nhìn.
Nhưng là nấn-ná đợi tin,
Nắng mưa biết đã mấy phen đổi dời ?
Năm mây, (5) bỗng thấy chiếu trời,
Khâm ban sắc chỉ đến nơi rành rành,
Kim, thì cải nhậm Nam-bình,
Vương thì cũng cải nhậm thành Thư Dương.
Sấm sanh xe ngựa vôi-vàng,
Hai nhà cũng thuận một' đàng phó quan.
Xảy nghe thế giấc đã tan,
Sóng êm Phước-kiến, lửa tàn Tích-giang.

(1) Phạm-văn-Chánh thi : Phân phân, trụ diệp phiêu hương thế. Thích : Thơ ông Phạm văn-Chánh : " Bời bời lá rụng trước thềm hoa. "

(2) Đường thi : Lạc hoa hữu ý tùy lưu-thủy. Thích : Thơ Đường thi : Hoa rụng kia có ý gì, lại theo giòng nước tức thì chảy xuôi.

(3) Bình-bồng là trôi nổi như bèo, như cỏ bồng-bong.

(4) Đỉnh chung là vạc chung, chỉ nghĩa giàu sang phú túc.

(5) Năm mây là chiếu trời (vua) (vì chiếu vua thường có vẽ mây ngũ sắc).

Được tin, Kim mới rủ Vương,
Tiền đang cùng lại tìm nàng sau xưa,
Hàng-Châu đến đó bấy giờ,
Thật tin hỏi được tóc tơ rành-rành :
« Từ ngày hôm nọ giao binh,
« Thất cơ Từ đã thâu linh (1) trận tiền.
« Nàng Kiều công cả, chẳng đền,
« Lệnh quân lại bắt ép duyên thỏ tù.
« Nàng đã gieo ngọc tằm châu, (2)
« Sông Tiền-đường đó, ấy mờ hồng-nhan ! »
Thương ôi ! không hiệp mà tan,
Một nhà vinh-hiền, riêng oan một nàng !

59.- Chiều hờn, thiết vị lễ thương,
Giải-oan lập một đàn-trường bên sông.
Ngọn triều (3) non bạc trùng-trùng,
Vội trông còn tưởng cánh hồng lúc gieo.
Tình thâm, biển thâm lạ đều,
Nào hờn Tinh-vệ (4) biết theo chốn nào ?
Cơ duyên đâu bỗng lạ sao ?
Giác-duyên đâu bỗng tìm vào đến nơi ;
Trông lên linh vị chữ bài,
Thất kinh mới hỏi ; « Những người đâu ta ?
« Với nàng thân thích gần xa ?
« Người còn, sao bỗng làm ma, khóc người ? »
Nghe tin, nhớ-nhác rưng-rời,
Xúm quanh kẻ lẽ, rộn lời hỏi tra :

(1) Hầu linh là chết.

(2) Tình-cảm thi : Ngọc vắn châu trằm, tự tiêu nhiên. Thích : Thơ Tình-cảm : Buồn thay ngọc rớt châu trằm, tâm lòng ngao ngán dần dần lụy sa.

(3) Ngọn triều : Triều-thủy thượng như ngân sơn đá. Hựu : Thiệu-chơn-phủ chi : Tiền-đường giang thượng, triều-thủy trùng điệp, tiền vĩ Tứ-Tư, hậu vĩ Văn-Chương. Thích : Ngọn triều là nước thủy-triều lên như núi bạc vậy. — Và sách Thiệu-chơn-phủ có nói rằng : « Tiền sông Tiền-đường nước thủy-triều chông chấp, tức là độn người lừ-Tư, sau là hồn người Văn-Chương ».

(4) Viêm-đế nữ nịch tử, hóa vị tinh-vệ, hàm thạch điện đông hải. Thích : Con gái vua Viêm-đế chết chìm, hồn hóa làm chim tinh vệ, ngậm đá lấp biển đông, đáng trả hồn hại mình chết chìm.

« Này chồng, này mẹ, này cha,
« Này là em ruột, này là em dâu.
« Thật tin nghe đã bấy lâu,
« Pháp-sư dạy thế sự đâu lạ dường !
Sư rằng : « Nhơn quả với nàng,
« Lâm-tri buổi trước, Tiền-đường buổi sau ;
« Khi nàng gieo ngọc trầm châu,
« Đón nhau, tôi đã gặp nhau rước về.
« Cùng nhau nương cửa Bồ-đề, (1)
« Thảo am đó cũng gần kề chẳng xa ;
« Phật-tiền ngày bạc lán-la,
« Đăm-đăm nàng cũng nhớ nhà không khuây. »
Nghe tin nở mặt, mở mày,
Mừng nào lại quá mừng này nữa chẳng ?
Từ phen chiếc lá lìa rừng,
Thăm tìm, lưỡng những liệu chừng nước mây ;
Rõ-ràng hoa rụng, hương bay,
Kiếp sau họa thấy, kiếp này hẳn thôi !
Âm-dương đôi ngã chắc rồi,
Cõi trần mà lại thấy người cứu-nguyên !

60.- Cùng nhau lạy tạ Giác-duyên,
Bỏ hành một lũ theo liền một khi ;
Bẻ lau, vạch cỏ tìm đi,
Tình-thâm lưỡng hãy hồ nghi nửa phần ;
Quanh co theo dải giang-tân, (2)
Khởi rừng lau, đã tới sân Phật-đường.
Giác-duyên lên tiếng gọi nàng,
Buồng trong, nàng đã vội-vàng bước ra.
Nhìn xem đủ mặt một nhà,
Thung-già còn khoẻ, huyên-già còn tươi.
Hai em phương-trưởng hòa hai,
Nọ chàng Kim đó, là người ngày xưa !

(1) Cửa Bồ-đề là cửa Phật.

(2) Giang tân là vực sông.

Tưởng bây giờ là bao giờ,
Rõ-ràng mở mắt, còn ngờ chiêm bao !
Giọt châu thành thót quẹn bào,
Mừng-mừng, tủi-tủi, biết bao là tình !
Gieo mình dưới cõi huyên đình,
Khóc than kể lại sự mình đầu đuôi ;
« Từ con lưu-lạc quê người,
« Bèo trôi sóng bủa, chốc mười lăm năm !
« Tính rằng sóng nước cát lăm,
« Kiếp này ai lại còn cầm gậy đây ? »
Ông bà trông mặt, cầm tay,
Dung-quang chẳng khác chi ngòy bước ra :
Bấy chầy dãi nguyệt dầu hoa,
Mười phần xuân, có gầy ba bốn phần.
Nỗi mừng biết lấy chi cân,
Lời tan hiệp, chuyện xa gần thiếu đâu ?
Hai em hỏi trước, han sau,
Đừng trông, chàng cũng trở sầu làm tơi.
Sắp nhau lay trước Phật đài,
Tái sanh trần tạ, lòng ngài từ bi
Kiệu hoa giục giã tức thì,
Vương-ông dạy rước cùng về một nơi.
Nàng rằng : « Chút phận hoa rơi,
« Nửa đời nếm trải mọi mùi đắng cay.
« Tính rằng mặt nước chơn mây,
« Lòng nào còn tưởng có rày nữa không ?
« Được rày tái-thế tương-phùng,
« Khát khao đã thỏa lắm lòng lâu nay !
« Đã đem mình bỏ am mây,
« Tuổi này gởi với cỏ cây cũng vira.
« Mùi thuggen, đã bén muối, dĩa,
« Mầu thuggen, ăn mặc đã ưa nâu-sông ;
« Sự đời đã tắt lửa lòng, (1)
« Còn chen vào chốn bụi hồng làm chi ?

(1) Cổ tự bia văn : Tâm hỏa tức diệt. Thích : Chữ bia chùa Cổ-tự : « Lửa lòng phải tắt ».

« Dở-dang nào có hay gì ?
« Đã tu, tu trót qua thì, thì thôi !
« Trùng sanh ơn nặng biển trời,
« Lòng nào nỡ dứt nghĩa người ra đi ? »
Ông rằng : « Bỉ thử nhứt thì,
« Tu hành thì cũng phải khi từng quyền.
« Phải đều cầu phật cầu tiên,
« Tình kia hiểu nợ, ai đền cho đầy ?
« Độ-sanh nhờ đức cao dày,
« Lập am, rồi sẽ rước thầy ở chung. »
Nghe lời nàng phải chịu lòng,
Giã sư, giã cảnh, đều cùng bước ra.

61.- Một đoàn về đến công nha,
Đoàn-viên vội mở tiệc hoa vui-vầy ;
Tàng-tàng chén cúc dở say,
Đứng lên, Văn mới giải bày một hai.
Rằng : « Trong tác hiệp cơ trời,
« Đói bên gặp gỡ, một lời kết-giao.
« Gặp cơn binh địa ba-đào,
« Phải đem duyên chị buộc vào cho em ;
« Cũng là phận-cải duyên-kim,
« Cũng là máu chảy, ruột mềm, chớ sao ?
« Những là rày ước, mai ao,
« Mười lăm năm ấy, biết bao nhiêu tình ?
« Bây giờ gương vỡ lại lành, (1)
« Khuôn-thiết lựa-lọc, đã đành có nơi !
« Còn duyên, may lại còn người,
« Còn vầng trăng bạc, còn lời nguyện xưa !

(1) Từ-đức-Ngôn dừ Nhạc-Xương công chúa, nhưn loạn, phá cảnh tương biệt, hậu dĩ mại cảnh phục hiệp. Thích : Người Từ-đức-Ngôn cùng nàng Nhạc-Xương công chúa, vợ chồng nhưn lúc loạn li, chia gương đem bán, sau thì gặp nhau. (Đây ý nói nay Kim-Trọng và Túy-Kiều đã gặp nhau lại rồi).

- Quả mai ba bảy đương vừa, (1)
• Đáo non, sớm liệu xe tơ kịp thì. »
Dứt lời, nàng vội gạt đi :
• Sự trăm năm cũ kể chi bây giờ ?
• Một lời tuy có ước xưa,
• Xét mình dải gió dầm mưa đã nhiều.
• Nói càng hổ thẹn trăm chiều,
• Thà cho ngọn nước thủy triều chảy xuôi. »
Chàng rằng : « Nói khéo lạ đời !
• Dẫu lòng kia vậy, còn lời ấy sao ?
• Một lời đã trót thâm giao,
• Dưới dày cỏ đất, trên cao có trời.
• Dẫu rằng vật đổi sao dời, (2)
• Tử-sinh, cũng giữ lấy lời tử-sinh !
• Duyên kia có phụ chi mình,
• Mà toan chia gánh chung-tình làm hai ? »
Nàng rằng : « Gia thất duyên-hài,
• Chút lòng ân-ái, ai-ai cũng lòng.
• Nghĩ rằng trong đạo vợ chồng,
• Hoa thơm phong nhụy, trắng vòng tròn gương ;
• Chứt trinch đáng giá ngàn vàng,
• Đuốc hoa chẳng thẹn với chàng mai xưa.
• Thiếp từ ngộ biển đến giờ,
• Ong qua, bướm lại đã thừa xấu xa.
• Bấy chầy, gió táp mưa sa,
• Mấy trắng cũng khuyết, mấy hoa cũng tàn.

(1) Kinh thi : Biêu hữu mai, kỳ thiết thất hề ; cầu ngã thứ-sĩ, đái kỳ kiết hề ! Biêu hữu mai kỳ thiết tam hề ; cầu ngã thứ-sĩ, đái kỳ cầm hề ! Thích : Cây mai kia hoa đã rụng còn lại bảy phần, cầu thừa kẻ thứ sĩ coi ngày tốt đến mà nói. Cây mai kia hoa rụng còn ba phần, cầu có kẻ thứ sĩ đến nói thì ưng liền. (Bông mai chỉ là con gái). Con gái mới quá tuổi lấy chồng, thì cầu có người đến nói ; còn như đã quá tuổi nhiều đi rồi thì cầu có người đến nói thì ưng liền.

(2) Vương-Bột thi : Vật hoán tinh di kì độ thi. Thích : Thơ của Vương-Bột : Vật đổi sao dời đã mấy thu ?

« Còn chi là cái hồng nhan ?
« Đã xong thân thế, còn toan nổi nào ?
« Nghĩ mình, chẳng hổ mình sao ?
« Dám đem trần cấu (1) dựa vào bổ kinh ?
« Đã hay chàng nặng vì tình,
« Trông hoa đèn, chẳng thẹn mình lắm ru !
« Từ rày khép cửa buồng thu,
« Chẳng tu, thì cũng như tu mới là ?
« Chẳng dẫu nghĩ đến gần xa,
« Đem tình cầm sắt đổi ra cầm-cờ. (2)
« Nói chi kết tóc xe tơ,
« Đã buồn cả ruột, lại nhớ cả đời ! »
Chàng rằng : « Khéo nói nê » lời,
« Mà trong lẽ, phải có người có ta !
« Xưa nay trong đạo đàn bà,
« Chữ trinh kia cũng có ba bảy đường ;
« Có khi biển, có khi thường,
« Có quyền, nào phải một đường chấp kinh ?
« Như nàng lấy hiếu làm trinh,
« Bụi nào cho đục được mình ấy vay ?
« Trời còn đề có hôm nay,
« Tan sương đầu ngõ, vén mây giữa trời ;
« Hoa tàn mà lại thêm tươi,
« Trăng tàn, mà lại hơn mười rằm xưa.
« Có đều chi nữa mà ngờ,
« Khách qua đường đề hăng-hờ chàng Tiêu ! » (3)
Nghe chàng nói đã hết đều,
Hai thân thì cũng quyết theo một bài.

(1) Trần cấu là bụi nhơ.

(2) Cầm sắt là tình vợ chồng ; cầm-cờ (kỳ) là tình bạn hữu.

(3) Đường thi : Tùng thứ Tiêu lang thị lộ nhơn. Thích : Thơ Đường thi : Khách qua đường lại hăng-hờ chàng Tiêu. (Tích vợ Tiêu lang bị bắt dưng cho ông Quách-Từ-Nghi. Từ ấy đến sau chàng Tiêu thấy vợ cũng như là thấy người đi đàng kia vậy).

Hết lời khôn nhẽ dứt lời,
Cúi đầu nàng những vẫn dài thở-than.
Đoàn-viên tiệc mở nhà lan,
Hoa soi ngọn đuốc, hồng-giăng bức lả.
Cùng nhau giao bãi một nhà,
Lễ đà đủ lễ, đôi đà xứng đôi !
Động phòng diu-dặt chén mời,
Bâng-khuàng duyên mới, ngậm-ngùi tình xưa
Những từ sen ngó, đào tơ,
Mười lăm năm, mới bảy giờ là đây ! (1)
Tình duyên ấy, hiệp tan này,
Bi hoan mấy nỗi, đêm chày trăng cao.
Canh khuya bức gấm xửu thao,
Dưới đèn tỏ rạng, má đào thêm xuân.
Tình nhân lại gặp tình nhân,
Hoa xưa ong cũ, mười phân chung tình.
Nàng rằng : « Phận thiếp đã đành,
« Có làm chi nữa, cái mình bỏ đi !
« Nghĩ chàng nghĩa cũ tình ghi,
« Chịu lòng gọi chút xường tuyền mây-may.
« Riêng lòng đã thẹn lắm thay,
« Cũng đà mặt dạn, mày dày, khó coi !
« Những như âu yếm vòng ngoài,
« Còn toan nở mặt với người cho qua.
« Lại như những thói người ta,
« Vớt hương dưới đất, bẻ hoa cuối mùa.
« Khéo là đỡ nhục bày trò,
« Còn tình đâu nữa, là thù ấy thôi !
« Người yêu, ta xấu với người,
« Yêu nhau thì lại bằng mười phụ nhau ! (2)

(1) Ngón tự đào chi đất xoa thì, chỉ kiếm thập ngũ niên. Thích : Nói từ buổi được chiếc xoa trên nhánh đào, đến nay là 15 năm.

(2) Ngón : Thị phi ái thiếp đã, nãi cừu thiếp đã. Thích : Nàng Kiều nói : « Bây giờ mà còn bày ouộc tình tự như vậy, chẳng phải là thương thiếp, vốn là ghét thiếp đó. »

• *Cửa nhà dầu tỉnh về sau,*
• *Thì còn em đó, lựa cầu chị đây ?*
• *Chữ trinh còn một chút này,*
• *Chẳng cầm cho vững, nõ dây cho tan !*
• *Còn nhiều ân-ái chan-chan,*
• *Hay gì vầy cái hoa tàn mà chơi ?*
• *Chàng rằng : « Gắn vó một lời,*
• *Bồng không cả nước chim trời lữ nhau ?*
• *Xót người lưu-lạc bấy lâu.*
• *Tưởng thề thốt nặng, nên đau đớn nhiều !*
• *Thương nhau sanh tử đã liều,*
• *Gặp nhau còn chút bấy nhiêu là tình.*
• *Chừng xuân tơ-liều còn xanh,*
• *Nghĩ rằng chưa thoát khỏi vành ái ân ;*
• *Gương trong chẳng chút bụi trần,*
• *Một lời quyết hẳn, muôn phần kính thêm !*
• *Bấy lâu đáy biển mò kim,*
• *Là nhiều vàng đá, phải tìm trắng-hoa ?*
• *Ai ngờ lại hiệp một nhà,*
• *Lựa là chẵn gối mới ra sắt-cầm !*
• *Nghe lời, sửa áo cài trâm,*
• *Khẩu đầu lạy tạ cao thâm ngàn trùng :*
• *Thân tàn gạn đục, khươi trong,*
• *Là nhờ quân-tử khác lòng người ta.*
• *Mấy lời tâm phúc ruột-rà,*
• *Tương-tri đường ấy, mới là tương-tri !*
• *Chở che đùm bọc thiếu gì ?*
• *Trăm năm danh-tiết cũng vì đêm nay ! » (1)*
• *Thoát thói tay lại cầm tay,*
• *Càng yêu vì nết, càng say vì tình.*

(1) Nhị nhơn phục nhập tú vi, bá chương hoan ngu, chỉ bất ngôn văn vô sự. Thích : Hai người lại dắc vào màng, vui mừng biết mấy, duy chẳng nói đến việc mây mưa.

Thêm nển (1) giá, nổi hương bình,
Cùng nhau lại chúc chén quỳnh giao-hoan.
Tình xưa lai láng khôn hàn, (2)
Thung-dung lại hỏi ngón đàn ngày xưa.
Nàng rằng : « Vi mấy đường tơ,
« Làm người cho đến bây giờ mới thôi !
« Ăn năn thì sự đã rồi,
« Nề lòng người cũ, vưng lời một phen. »
Phím đàn diu-dặt tay tiên,
Khói trầm cao thấp, tiếng huyền gần xa.
Khúc đầu đầm-ấm dương hòa,
(3) Ấy là Hồ-điệp hay là Trang-Sinh ?
Khúc đầu êm ái xuân tình,
Ấy hồn Thục-đế, hay mình Đồ-quyên ?
Trong sao châu nhỏ gành-quyên.
Ấm sao hột ngọc Lam-điền mới đóng ? (4)
Lọt tai nghe suốt năm cung,
Tiếng nào là chẳng nỡ-nùng xôn-xao ?
Chàng rằng : « Phở ấy tay nào ?
« Xưa sao sâu thẳm, nay sao vui vầy ?
« Thương vui bởi tại lòng này,
« Hay là khở tận, đến ngày cam lai ? »

(1) Nển là đèn cầy, ở Hà-tĩnh, Nghệ-an gọi là nển. (2) Khôn hàn là khó hết được.

Từ 3 đến 4. — Đường cầm sắt thì : Trang-sanh hiểu mộng mê Hồ-điệp ; Thục-đế xuân tâm thác Đồ-quyên ; thương hải nguyệt minh châu hữu lụy ; Lam-điền nhứt noãn ngọc sanh yên. » Thích : Thầy Trang trong giấc mơ màng, Hóa hình Hồ-điệp canh tràng khắp bay ; Tâm lòng Thục-đế xót thay, Hóa làm Đồ-vô ngày ngày kêu vang ; Trăng soi biển thẳm rõ ràng. Hột châu vì lạnh chứa chan lụy nhiều ; Lam-điền cánh ấy mi-miêu, Ngọc vì nắng gội như chiều khở bay. »

(Hồ-điệp là con bướm-bướm, Trang-Sanh nằm mơ-màng thấy mình hóa ra bướm-bướm ; Đồ-quyên là con quốc, Thục-đế xưa mất nước, hóa làm con quốc, đêm ngày sầu oán kêu chàng dứt ; Gành-quyên là biển mặt trăng, hễ biển xanh trắng chói sáng thì hột châu có nước mắt ; Lam-điền là chốn Lam-điền, khi mặt trời gội nắng thì ngọc chốn ấy ganh ra khói).

(1) Nàng rằng : « Vì chút nghề chơi,
« Đoạn trường tiếng ấy hại người bấy lâu !
« Một phen tri-kỷ mừng nhau,
« Cuốn dây từ đấy về sau cũng chừa. » (2)
Chuyện-trò chưa cạn tóc-tơ,
Gà đà gáy sáng trời vừa rạng đông.
Tình riêng, chàng lại nói sòng,
Một nhà ai cũng lạ lòng khen-lao ! (3)
Cho hay thực-nữ chi cao,
Phải người sớm muộn, tối đảo như ai ?
Hai tình vẹn vẽ hòa hai,
Chẳng trong chấn gối, cũng ngoài cầm thơ.
Khi chén rượu, lúc cuộc cờ,
Khi xem hoa nở, khi chờ trăng lên.
Ba sanh đã phỉ mười nguyên, (4)
Duyên đôi lứa cũng là duyên bạn-bày.
Nhớ lời lập một am mây,
Sai người thân tín rước thầy Giác-duyên.
Đến nơi đóng cửa gài then,
Rêu trùm kẽ ngạch, cỏ lên mái nhà.
Sư đà hái thuốc phương xa, (5)
Mây bay hạc lánh biết là tìm đâu ?
Nặng vì chút nghĩa bấy lâu,
Trên am cứ giữ hương dầu hóm mai.

Từ 1 đến 2. — Kiều vân : « Quân hữu quan thù, thiếp hữu phụ thâm, thử hậu bất khả phục vấn. » Thích : Kiều rằng : « Người có phận làm quan, thiếp có khuôn phép đờn bà, từ đây về sau không nên hỏi việc đờn nữa.

(3) Thứ nhứt khởi lai, Kim-Trọng di sự thuyết Vân, Vân hựu đối phụ mẫu thuyết ; sự gia tán thảng bất tận. Thích : Sáng ngày thức dậy Kim-Trọng nói với Túy-Vân rằng (chàng có sự mây mưa với Túy-Kiều), Túy-Vân bèn thuật sự ấy lại cho cha mẹ nghe, cả nhà đều khen ngợi.

(4) Tam sanh thạch thượng cụ tinh hồn. Thích : Rõ ràng trên đá tam sanh, tinh hồn ngày trước phỉ nguyên ước ao. (Tam sanh thạch thượng là chỗ thề nguyện).

(5) Hái thuốc là (nhập sơn thê dược). Tiếng dùng mà chỉ thầy chùa đi khò.

Một nhà phước lộc gồm hai,
Ngàn năm đặc-dặc, quan giai lần-lần.
Thừa gia chẳng hết nàng Vân,
Một cây cù mọc, một sân quế-hoè (1)
Phong lưu phú qui ai bi,
Vườn xuân một cửa, (2) để bia muôn đời.

62.- Gãm hay muôn sự tại trời,
Trời kia đã bắt làm người có thân !
Bắt phong-trần, phải phong trần,
Cho thanh-cao, mới được phần thanh-cao.
Có đâu thiên-vị người nào ?
Chữ tài chữ mệnh dồi-dào cả hai !
Có tài mà cậy chi tài ?
Chữ tài liền với chữ tai một vần.
Đã mang lấy nghiệp vào thân,
Cũng đừng trách lẫn trời gần, trời xa.
Thiện-căn ở tại lòng ta,
Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài.
Lời quê chấp lật dông-dài,
Mua vui cũng được một vài trống canh.

- CHUNG -

(1) Một sân quế-hoè là sanh ra nhiều con cháu.

(2) Cò thi : Tú mộ viên xuân hộ Anh-vò. Thích : Chim Anh giéo giáu vườn xuân, vậy mông gấm xù chung tình vui chơi.

MỤC LỤC

- 1.- Than những người có tài mà không có mạng. 17
- 2.- Kể tài sắc chị em Túy-Kiều. 17
- 3.- Ba chị em Túy-Kiều đi chơi hội Thanh-minh. 19
- 4.- Túy-Kiều ghé viếng mã Đạm-Tiên. 20
- 5.- Túy-Kiều gặp Kim-Trọng hai đảng phải lòng nhau. 24
- 6.- Túy-Kiều về nghĩ lại thương Đạm-Tiên và nhớ Kim-Trọng. 26
- 7.- Đạm-Tiên hiện chiêm bao cho Túy-Kiều biết rằng sau phải mắc số đoạn-tràng. 27
- 8.- Vương-bà nghe Túy-Kiều than thở thì khuyên giải, cắt nghĩa rằng chiêm bao là đều mộng mị. 29
- 9.- Kim-Trọng về Liêu-dương tương tư Túy-Kiều. 30
- 10.- Kim-Trọng đi tìm Túy-Kiều. 31
- 11.- Kim-Trọng gặp Túy-Kiều tỏ tình với nhau. 33

- 12.- Kim-Trọng và Túy-Kiều trao quạt và trâm cho nhau mà làm của tin. 36
- 13.- Túy-Kiều nhưn dịp cha mẹ đi khỏi qua chơi nhà Kim Trọng. 37
- 14.- Túy-Kiều về nhà thấy cha mẹ chưa về, lại trở lại nhà Kim-Trọng nữa, hai bên thề nguyện cùng nhau. 40
- 15.- Kim-Trọng đặng tin chú chết, phải về Liêu-dương mà hộ tang. 45
- 16.- Vương-ông bị thằng bán tơ vu cáo rằng chứa đồ ăn cướp. 47
- 17.- Túy-Kiều định bán mình lấy tiền chuộc tội cho cha. 48
- 18.- Mã-giám-Sanh đến coi Túy-Kiều, nói dối rằng mua về làm vợ. 49
- 19.- Vương-ông được tha về, hay Túy-Kiều bán mình chuộc tội cho cha thì than khóc vật đầu vào tường, nhờ có người kéo lại, Túy-Kiều khuyên giải cha. 50
- 20.- Túy-Kiều nghĩ vì đã có nặng lời thề nguyện với Kim-Trọng, cậy em là Túy-Vân thay mình. 52
- 21.- Mã giám-Sanh rước Túy-Kiều về nhà trọ. Túy-Kiều cầm dao toan tự tử ; nghĩ lại rồi thôi đi. 57
- 22.- Mã-giám-Sanh đem Túy-Kiều về Lâm-Tri. 60
- 23.- Tú-bà bắt Túy-Kiều vô lạy làm lễ Tiên-sư lâu xanh. 63
- 24.- Túy-Kiều lấy dao đâm họng nà tự vạ. 64
- 25.- Túy-Kiều chết ngất thấy Đạm-Tiên hện nói số đoạn-trường trốn không khỏi đặng. 66
- 26.- Túy-Kiều tỉnh lại, Tú-bà theo đồ ngộ. 66
- 27.- Túy-Kiều than thở nhớ nhà. 68

- 28 - Túy-Kiều bị Sở-Khanh gạt đồ đem đi. 68
- 29 - Tú-bà theo bắt dặng Túy-Kiều, đánh khảo và ép phải tiếp khách thanh lâu. 72
- 30.- Túy-Kiều ở thanh-lâu ba năm. 75
- 31.- Túy-Kiều gặp Thúc-Sanh cưới về làm vợ bé. 78
- 32.- Thúc-ông giận đi thưa quan, Túy-Kiều bị đòn, sau quan xử dạy cho lấy Thúc-Sanh. 84
- 33.- Túy-Kiều giục Thúc-Sanh về Vô-tích mà thú thật cho vợ chánh hay. 87
- 33.- Hoạn-Thơ giận Thúc-Sanh sao lấy vợ bé mà còn giấu mình. 90
- 35.- Thúc-Sanh về thăm Hoạn-Thơ mà giấu không cho hay sự mình đã có vợ bé. 91
- 36.- Hoạn-Thơ biết Thúc-Sanh nhớ Túy-Kiều, giục Thúc-Sanh trở lại Lâm-tri rồi đi thưa cho mẹ hay sai Ưng, Khuyển lên đi đốt nhà mà bắt Túy-Kiều. 92
- 37.- Thúc-Sanh về đến Lâm-tri, thấy nhà cửa cháy tan hoàn lại có gặp xương người, tưởng Túy-Kiều đã chết thật rồi, nên mượn thầy thiếp đi tìm. 95
- 38.- Ưng, Khuyển đem Túy-Kiều về giao cho mẹ Hoạn-Thơ hành hạ đến nước rồi cải tên lại là Hoa-nô. 96
- 39.- Hoạn-phu-nhơn giao Túy-Kiều lại cho Hoạn-Thơ. 98
- 40.- Thúc-Sanh về thấy Túy-Kiều ở tại nhà vợ lớn là Hoạn-Thơ, nhưng hai đàng không dám nhìn nhau. 99
- 41.- Nhờ Thúc-Sanh nói giùm, nên Hoạn-Thơ cho Túy-Kiều ra ở giữ chùa nơi vườn của mình. 102

- 42.- Hoạn-Thơ già dò về thăm mẹ rồi lên rình coi, thấy Thúc-Sanh vô chùa nói chuyện với Túy-Kiều. 104
- 43.- Túy-Kiều hay sự ấy nên sợ, ăn cắp chuông vàng khánh bạc trốn qua chùa Giác-duyên. 107
- 44.- Có người đến chùa thấy chuông và khánh nhìn là đồ của Hoạn-Thơ, Giác-duyên biểu Túy-Kiều lo mà trốn. Túy-Kiều mắc lừa Bạc-bà, Bạc-Hạnh đem Kiều về Châu-thai bán cho nhà Thanh-lâu. 109
- 45.- Từ-Hải đến chơi thanh-lâu, gặp Túy-Kiều chuộc đem về làm vợ. 113
- 46.- Ở được nửa năm, Từ Hải đề Túy-Kiều ở Châu-thai đi làm tướng giặc ; sau lại sai quân về rước Túy-Kiều. 116
- 47.- Túy-Kiều đến ơn trả oán. 118
- 48.- Túy-Kiều mắc mưu Hồ tôn-Hiến khuyên Từ-Hải ra đầu hàng. 124
- 49.- Từ-Hải ra hàng. mắc kế Hồ tôn-Hiến, tức mình bị bắn chết mà không ngã. 126
- 50.- Hồ-tôn-Hiến mở tiệc đãi quan quân tướng sĩ, đòi Túy-Kiều vào bắt khay đờn chơi một đêm. Sảng ra giục mình sợ mang tội lấy vợ giặc, ép gả Túy-Kiều cho 1 hồ quan. 128
- 51.- Túy-Kiều nhảy xuống sông Tiền-đường tự vận. 129
- 52.- Giác-duyên gặp bà Tam-Hạ, nói chuyện Túy-Kiều, dạy đón vớt Kiều nơi sông Tiền-đường. 131
- 53.- Giác-duyên che chòi nơi sông; Tiền-đường, mượn người chài, vớt được Túy-Kiều. 133
- 54.- Kim-Trọng hộ tang xong, trở qua thì thấy nhà cửa Túy-Kiều đâu mất. Hỏi thăm đi tìm gặp Vương-Quan đem vào ra mắt ông bà Viên-ngoại. 134

- 55 - Kim-Trọng rước vợ chồng Viên-ngoại về nuôi và muốn người đi kiếm Túy-Kiều. 137
- 56 Túy Vân lấy Kim-Trọng thế cho Túy Kiều. 138
- 57.- Kim-Trọng với Vương-Quan thi đậu, vua sai đi làm quan. 138
- 58.- Kim-Trọng ra làm Huyện Lâm-tri, hỏi dò được chuyện Túy-Kiều. 139
- 59.- Kim-Trọng làm chay cho Túy-Kiều, gặp Giác duyên cho hay rằng Túy-Kiều còn sống đương ở tại am mình. 142
- 60.- Giác-duyên đem gia quyến Kim-Trọng và Vương-Quan về am mình nhận Túy-Kiều. 143
- 61.- Túy-Vân nhường ngôi vợ lớn lại cho chị, Kim-Trọng làm lễ cưới Túy-Kiều. 145
- 62.- Lời kết của người làm sách. 152



Đính Chính

Trang	Dòng	THAY VÌ	XIN ĐỌC LÀ
19	8	đồng	đồng
"	12	kiên	kiến
20	9	lên	lèn
22	5	ba	bà
29	12	con (2 chữ)	cơn
30	7	thề	thê
32	18	sanh	sánh
35	1	nhơn	nhôn
"	12	đầu	dầu
41	29	đề	đê
58	5	Dao thì liệu ...	Dao này thì liệu ...
62	16	Kia	Kìa
63	11	trong	trông
68	2	tâm	tám
"	15	Buổi	Buổi
69	16	lòng	lông
71	19	khác	khắc
73	18	chó	chớ
78	19	đây	đày
79	2	Lâm	Lâm
"	8	xanh	xuân
82	4	được, thương	được, thường
"	15	Thê	Thế
84	13	bời bời	bời bời
"	16	ma	má
86	17	lất	lấy
87	2	co	có
101	27	heo	héo
102	12	cò	có
106	1	dáo	dào
110	25	nang	nàng
114	10	trương	thường
125	19	úa	bá
127	22	nang	nàng
131	19	co	cô